**- Đề 1**

**Thời tiền sử**

Việc sử dụng các đồ vật làm vũ khí đã được quan sát thấy ở các loài tinh  tinh,dẫn đến suy đoán rằng loài người đầu tiên đã sử dụng vũ khí từ năm triệu  năm trước. Tuy nhiên, điều này không thể được xác nhận bằng chứng cứ vật lý  bởi vì gậy gỗ, giáo và đá không định hình sẽ để lại một hồ sơ không rõ ràng.  Các loại vũ khí rõ ràng sớm nhất được tìm thấy là giáo Schöningen, tám cây  giáo ném bằng gỗ có niên đại hơn 300.000 năm. Tại địa điểm Nataruk ở  Turkana, Kenya, rất nhiều bộ xương người có niên đại 10.000 năm trước có thể  là bằng chứng về chấn thương ở đầu, cổ, xương sườn, đầu gối và tay, bao gồm  cả những viên đạn obsidian găm vào xương có thể gây ra từ mũi tên và các xẻng  mài nhọn trong cuộc xung đột giữa hai nhóm săn bắn hái lượm. Nhưng việc giải  thích bằng chứng về chiến tranh ở Nataruk đã bị đặt dấu hỏi.

**Thời cổ đại**

Những vũ khí cổ đại sớm nhất là những cải tiến tiến hóa của các công cụ  thời kỳ đồ đá mới, nhưng những cải tiến đáng kể về vật liệu và kỹ thuật chế tạo  đã dẫn đến một loạt cuộc cách mạng trong công nghệ quân sự. Sự phát triển của các công cụ kim loại bắt đầu bằng đồng trong thời đại đồ đồng  đá (khoảng 3.300 TCN) và tiếp theo là thời đại đồ đồng, dẫn đến việc tạo ra  kiếm và các vũ khí tương tự của thời đại đồ đồng.

Trong thời kỳ đồ đồng, các công trình và công sự phòng thủ đầu tiên cũng  xuất hiện,cho thấy nhu cầu an ninh ngày càng tăng. Những vũ khí được thiết kế  để phá vỡ các công sự ngay sau đó, chẳng hạn như battering ram, được sử dụng  vào năm 2500 TCN.

Sự phát triển của nghề luyện sắt vào khoảng năm 1300 TCN ở Hy Lạp đã  có tác động quan trọng đến sự phát triển của vũ khí cổ đại. Sự phát triển này  không phải là sự ra đời của kiếm thời đại đồ sắt, tuy nhiên do các thanh kiếm  này không vượt trội so với kiếm bằng đồng, mà là do việc thuần hóa ngựa và sử  dụng rộng rãi bánh xe có nan gỗ vào khoảng 2000 năm TCN. Điều này dẫn đến  sự ra đời của xe ngựa kéo nhẹ, có khả năng di chuyển được cải thiện tỏ ra quan  trọng trong thời đại này. Việc sử dụng chiến xa có bánh xe đẩy đạt đỉnh vào  khoảng năm 1300 TCN và sau đó suy tàn, không còn phù hợp về mặt quân sự  vào thế kỷ thứ 4 TCN.

Kỵ binh phát triển sau khi ngựa được lai tạo để hỗ trợ khối lượng của con  người.Ngựa đã giúp mở rộng phạm vi và tăng tốc độ khi tấn công. Ngoài vũ khí trên bộ, tàu chiến, chẳng hạn như trireme, đã được sử dụng vào  thế kỷ thứ 7 TCN.

**Thời Hậu cổ đại**

Chiến tranh châu Âu trong suốt lịch sử Hậu cổ điển được thống trị bởi các  nhóm hiệp sĩ ưu tú được hỗ trợ bởi bộ binh đông đảo (cả trong vai trò chiến đấu  và tầm xa). Họ đã tham gia vào chiến đấu cơ động và các cuộc bao vây bao gồm  nhiều vũ khí và chiến thuật bao vây khác nhau. Knights trên lưng ngựa đã phát  triển chiến thuật để sạc với cây thương cung cấp tác động đến sự hình thành của  đối phương và sau đó vẽ vũ khí thực tế hơn (chẳng hạn như thanh kiếm) khi họ  đánh cận chiến. Ngược lại, bộ binh, ở thời đại trước khi có các đội hình có cấu  trúc, dựa vào các loại vũ khí rẻ và chắc chắn như giáo và kiếm trong chiến đấu  gần và cung tên từ xa. Như quân đội trở nên chuyên nghiệp hơn, thiết bị của họ  đã được chuẩn hóa và binh chuyển sang dùng mâu. Mâu thường có chiều dài từ  7 đến 8 feet, và được sử dụng cùng với các loại vũ khí nhỏ hơn (kiếm ngắn).

Trong chiến tranh ở phương Đông và Trung Đông, các chiến thuật tương tự đã  được phát triển độc lập với những ảnh hưởng của châu Âu.

 Sự xuất hiện của thuốc súng từ châu Á vào cuối thời kỳ này đã tạo ra một cuộc  cách mạng trong chiến tranh. Đội hình lính ngự lâm, được lính cầm mâu bảo vệ  đã chiếm ưu thế trong các trận chiến mở, và pháo thay thế trebuchet như một vũ  khí công thành chính.

**HIỆN ĐẠI**

**Tiền hiện đại**

Thời kỳ Phục hưng châu Âu đánh dấu sự khởi đầu của việc thực hiện các  loại súng trong chiến tranh phương Tây. Súng và tên lửa được đưa vào chiến  trường.

Về chất lượng, súng cầm tay khác với vũ khí trước đó vì chúng giải phóng năng  lượng từ các chất đẩy dễ cháy như thuốc súng, chứ không phải từ một vật đối  trọng hoặc lò xo. Năng lượng này được giải phóng rất nhanh và có thể được tái  tạo mà người dùng không cần nỗ lực nhiều. Do đó, ngay cả những vũ khí ban  đầu như súng hỏa mai cũng mạnh hơn nhiều so với vũ khí do con người sử dụng.  Súng ngày càng trở nên quan trọng và hiệu quả trong suốt thế kỷ 16 đến thế kỷ  19, với những cải tiến tiến bộ trong cơ chế đánh lửa, sau đó là những thay đổi  mang tính cách mạng trong việc xử lý đạn dược và thuốc phóng. Trong cuộc  Nội chiến Hoa Kỳ, các ứng dụng vũ khí mới bao gồm súng máy và tàu chiến  không tải đã xuất hiện và vẫn là vũ khí quân sự hữu dụng và dễ nhận biết ngày  nay, đặc biệt là trong các cuộc xung đột hạn chế. Vào thế kỷ 19, động cơ đẩy  tàu chiến thay đổi từ động cơ buồm sang động cơ hơi nước chạy bằng nhiên liệu  hóa thạch.

Kể từ sau cuộc chiến tranh Pháp -Ấn giữa thế kỷ 18 ở Bắc Mỹ đến đầu thế  kỷ 20, vũ khí do con người sử dụng đã được giảm từ vũ khí chính trên chiến  trường sang vũ khí dựa trên thuốc súng. Đôi khi được gọi là "Thời đại của Súng  trường",thời kỳ này được đặc trưng bởi sự phát triển của súng dành cho bộ binh  và đại bác để yểm trợ, cũng như sự khởi đầu của vũ khí cơ giới hóa như súng  máy. Đặc biệt lưu ý, Howitzers đã có thể phá hủy pháo đài xây và các công sự  khác, và phát minh duy nhất này đã gây ra cuộc Cách mạng trong các vấn đề  quân sự (RMA), thiết lập các chiến thuật và học thuyết vẫn được sử dụng cho  đến ngày nay.

**Thời đại công nghiệp**

Một đặc điểm quan trọng của chiến tranh thời đại công nghiệp là sự leo  thang về công nghệ - các đổi mới nhanh chóng được kết hợp thông qua việc  nhân rộng hoặc bị phản công bởi một đổi mới khác. Sự leo thang công nghệ  trong Chiến tranh Thế giới thứ nhất (WW I) rất sâu sắc, bao gồm cả việc đưa  máy bay vào tham chiến và chiến tranh hải quân với sự ra đời của hàng không  mẫu hạm.

**Thế Chiến thứ nhất**

Chiến tranh thế giới thứ nhất đánh dấu sự ra đời của chiến tranh công  nghiệp hóa hoàn toàn cũng như vũ khí hủy diệt hàng loạt (*ví dụ*, vũ khí hóa học và sinh học), và vũ khí mới đã được phát triển nhanh chóng để đáp ứng nhu cầu  thời chiến. Trên hết, nó hứa hẹn với các chỉ huy quân sự về sự độc lập khỏi con  ngựa và sự hồi sinh trong chiến tranh cơ động thông qua việc sử dụng rộng rãi  các phương tiện cơ giới. Những thay đổi mà các công nghệ quân sự này đã trải  qua trước và trong Chiến tranh thế giới thứ hai chỉ mang tính tiến hóa, nhưng nó  đã định hình sự phát triển của vũ khí trong phần còn lại của thế kỷ.

**Các cuộc chiến ở giữa hai Thế chiến**

Giai đoạn đổi mới trong thiết kế vũ khí này tiếp tục diễn ra trong giai đoạn  giữa các cuộc chiến tranh (giữa Thế chiến I và Thế chiến II) với sự phát triển  liên tục của các hệ thống vũ khí của tất cả các cường quốc công nghiệp lớn. Các  công ty vũ khí chính là Schneider-Creusot (có trụ sở tại Pháp), Škoda  Works (Tiệp Khắc), và Vickers (Anh). Những năm 1920 cam kết giải trừ quân  bị và cấm chiến tranh và khí độc, nhưng việc tái vũ trang đã tăng lên nhanh  chóng trong những năm 1930. Các nhà sản xuất vũ khí phản ứng nhanh nhạy

với bối cảnh chiến lược và kinh tế đang thay đổi nhanh chóng. Các khách hàng  mua vũ khí chính của ba công ty lớn là Romania, Nam Tư, Hy Lạp và Thổ Nhĩ  Kỳ - và ở mức độ thấp hơn là ở Ba Lan, Phần Lan, các nước Baltic và Liên Xô.

**Hình sự hóa việc dùng khí độc**

Các nhà phê bình hiện thực hiểu rằng chiến tranh không thể thực sự bị đặt  ngoài vòng pháp luật, nhưng những hành vi thái quá tồi tệ nhất của nó có thể bị  cấm. Khí độc đã trở thành trọng tâm của cuộc thập tự chinh trên toàn thế giới  vào những năm 1920. Khí độc không giúp chiến thắng trận đánh, và các tướng  sĩ không muốn dùng nó. Những người lính ghét nó dữ dội hơn nhiều so với đạn  hay đạn nổ. Đến năm 1918, đạn pháo hóa học chiếm 35% nguồn cung cấp đạn  dược của Pháp, 25% của Anh và 20% trong kho dự trữ của Mỹ. “Nghị định thư  về cấm sử dụng trong chiến tranh về chất gây ngạt, khí độc hoặc khí khác và các  phương pháp gây chiến bằng vi khuẩn” được ban hành vào năm 1925 và đã được  tất cả các nước lớn chấp nhận là chính sách. Năm 1937, khí độc được sản xuất  với số lượng lớn, nhưng không được sử dụng ngoại trừ chống lại các quốc gia  thiếu vũ khí hiện đại hoặc mặt nạ phòng độc.

**Thế chiến thứ hai**

Nhiều vũ khí quân sự hiện đại, đặc biệt là vũ khí trên bộ, là những cải tiến  tương đối nhỏ của các hệ thống vũ khí được phát triển trong Thế chiến II. Tuy  nhiên, Thế chiến II có lẽ đã đánh dấu thời kỳ phát triển vũ khí điên cuồng nhất  trong lịch sử nhân loại. Một số lượng lớn các thiết kế và khái niệm mới đã được  đưa vào thực địa, và tất cả các công nghệ hiện có đã được cải tiến từ năm 1939  đến năm 1945. Vũ khí mạnh nhất được phát minh trong thời kỳ này là bom  nguyên tử, tuy nhiên nhiều loại vũ khí khác có ảnh hưởng đến thế giới, chẳng  hạn như máy bay phản lực và radar, nhưng bị lu mờ bởi tầm nhìn của vũ khí hạt  nhân và tên lửa tầm xa.

**Vũ khí hạt nhân**

Kể từ khi hiện thực hóa vũ khí hủy diệt cả hai bên (MAD), lựa chọn hạt  nhân của chiến tranh tổng lực không còn được coi là một kịch bản có thể sống  sót. Trong Chiến tranh Lạnh những năm sau Thế chiến II, cả Hoa Kỳ và Liên  Xô đều tham gia vào một cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Mỗi quốc gia và các  đồng minh của họ liên tục cố gắng vượt qua nhau trong lĩnh vực vũ khí hạt nhân.  Một khi khả năng công nghệ chung đạt đến mức có thể đảm bảo sự hủy diệt của  Trái Đất x100 lần, thì một chiến thuật mới phải được phát triển. Với nhận thức  này, kinh phí phát triển vũ khí chuyển trở lại chủ yếu tài trợ cho việc phát triển  các công nghệ vũ khí thông thường để hỗ trợ các cuộc chiến tranh hạn chế hơn  là chiến tranh tổng lực.

**- Đề 2**

Vũ khí hủy diệt hàng loạt hay còn gọi là vũ khí hủy diệt lớn là các loại vũ khí  được chế tạo, sản xuất có khả năng sát thương cao trên diện rộng, có khả năng  hủy diệt, gây tổn thất lớn về sinh lực, phương tiện kĩ thuật, cơ sở vật chất, môi  trường sinh thái và gây hoảng loạn về tâm lý, tinh thần con người, bao gồm :vũ

khí hạt nhân, vũ khí phóng xạ, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học và các vũ khí các  có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí hủy diệt hàng loạt.

1. Vũ khí khinh khí

-Vũ khí nhiệt hạch, là một loại vũ khí hạt nhân sử dụng năng lượng từ phản ứng  phân hạch hạt nhân chính để nén và kích động một phản ứng tổng hợp hạt nhân  thứ cấp. Kết quả là loại bom này tăng đáng kể sức nổ, đạt mức gấp hàng chục,  thậm chí hàng trăm lần khi so sánh với các loại vũ khí phân hạch một tầng (bom  nguyên tử thông thường). Vũ khí nhiệt hạch có tên gọi thông thường là bom  khinh khí hay bom H bởi vì nó sử dụng phản ứng nhiệt hạch hydro. Các giai  đoạn phân hạch trong vũ khí như vậy là cần thiết để gây ra các phản ứng tổng  hợp xảy ra trong vũ khí nhiệt hạch.

-Vụ thử nghiệm nhiệt hạch quy mô đầy đủ đầu tiên đã được Hoa Kỳ thực hiện  vào năm 1952; khái niệm đó đã được sử dụng bởi hầu hết các cường quốc hạt  nhân trên thế giới trong việc thiết kế vũ khí của họ. Thiết kế hiện đại của tất cả  các loại vũ khí nhiệt hạch ở Hoa Kỳ được gọi là cấu hình Teller-Ulam theo tên  hai người đóng góp chủ yếu của nó, Edward Teller và Stanislaw Ulam, những  người đã phát triển nó trong năm 1951 cho Hoa Kỳ, với một số khái niệm phát  triển với sự đóng góp của John von Neumann. Việc sẵn sàng để sử dụng nhiệt

hạch quả bom đầu tiên "RDS-6" ("Joe 4") đã được thử nghiệm ngày 12 tháng  tám, năm 1953, ở Liên Xô. Các thiết bị tương tự cũng được phát triển bởi  Vương quốc Anh, Trung Quốc, Pháp và Bắc Triều Tiên.

-Quả bom mạnh nhất trong lịch sử là bom Sa hoàng (sức công phá tương đương  57 triệu tấn thuốc nổ TNT) do Liên Xô chế tạo là một quả bom nhiệt hạch.

2. Vũ khí nơ tron

- Bom neutron là một loại bom nhiệt hạch ra đời vào giữa thời kỳ Chiến tranh  lạnh. Bom gồm có một buồng nổ phân hạch chứa chất nổ phân hạch, và buồng  thuốc nổ nhiệt hạch chứa thuốc nổ nhiệt hạch như deuteri. Khi kích nổ phân  hạch vụ nổ này sẽ kích thích phản ứng nhiệt hạch ở buồng nhiệt hạch, như trong

các bom nhiệt hạch khác. Tuy nhiên bom neutron được thiết kế để tối đa hóa  bức xạ neutron gây chết người trong vùng lân cận vụ nổ, đồng thời giảm thiểu  sức mạnh vật lý của chính vụ nổ. Khoảng 40% năng lượng vụ nổ được phát xạ  neutron ở mức năng lượng trung bình 14 MeV, cùng với tia gamma năng lượng  1 - 2 MeV. Liều chiếu cao với khả năng đâm xuyên neutron lớn tiêu diệt tất cả  các sinh vật dù ẩn nấp sau các lớp bọc thép hay khối beton dày. Vì thế còn được  gọi là vũ khí bức xạ tăng cường (ERW, enhanced radiation weapon).

- Một quả bom neutron thường có sức công phá chỉ vào khoảng 1 kiloton TNT,  nhỏ hơn 20 lần sức công phá của quả bom bằng Uranium 235 ném xuống  Hiroshima. Sóng xung kích và bức xạ nhiệt phát sinh từ vụ nổ của một quả bom  neutron yếu hơn 10 lần so với trong một vụ nổ trên không của một quả bom  nguyên tử kiểu "Hiroshima". Tuy nhiên một vụ nổ bom neutron ở độ cao 100 m  so với mặt đất sẽ chỉ gây ra sự hủy diệt cơ học trong bán kính 200–300 m,  nhưng bức xạ neutron nhanh của nó, với mật độ thông lượng neutron cao gấp 14  lần so với vụ nổ bom hạt nhân "cổ điển", có tác dụng hủy diệt, giết chết tất cả  sinh vật sống trong bán kính 2,5 km.

- Vì bức xạ neutron tạo ra đồng vị phóng xạ tồn tại trong thời gian ngắn, nên  người ta có thể "an toàn" tiếp cận tâm chấn của vụ nổ bom neutron, theo những  người tạo ra nó, chỉ sau khoảng 12 giờ. Để so sánh, chúng ta hãy chỉ ra rằng  bom khinh khí làm ô nhiễm một vùng lãnh thổ có bán kính khoảng 7 km bằng  các chất phóng xạ trong một thời gian dài hàng chục năm.

- Vì thế nó trở thành vũ khí chiến thuật nguy hiểm. Nó được châm biếm coi rằng  đó là "một vũ khí giết người hàng loạt nhân đạo", đảm bảo người chết thì được  toàn thây, còn các công trình và của cải vật chất thì nguyên vẹn dành cho bên  thắng cuộc.

- Trong một quả bom neutron, vật liệu vỏ được chọn là trong suốt đối với  neutron hoặc để tích cực tăng cường sản xuất chúng. Vụ nổ neutron được tạo ra  trong phản ứng nhiệt hạch sau đó được tự do thoát khỏi quả bom, vượt xa vụ nổ  vật lý. Bằng cách thiết kế giai đoạn nhiệt hạch của vũ khí một cách cẩn thận, vụ  nổ neutron có thể được tối đa hóa trong khi giảm thiểu vụ nổ. Điều này làm cho  bán kính gây chết của vụ nổ neutron lớn hơn so với vụ nổ. Vì các neutron biến  mất khỏi môi trường nhanh chóng, một vụ nổ như vậy trên cột kẻ thù sẽ giết  chết các phi hành đoàn và khiến khu vực này có thể nhanh chóng được tái sử  dụng.

- Về mặt kỹ thuật, mỗi vũ khí hạt nhân năng suất thấp là vũ khí bức xạ, bao gồm  các biến thể không được tăng cường. Tất cả các vũ khí hạt nhân có năng suất  lên tới khoảng 10 kiloton đều có bức xạ neutron nhanh chóng là thành phần gây  chết người xa nhất. Đối với vũ khí tiêu chuẩn trên 10 kiloton năng suất, bán  kính hiệu ứng nhiệt và vụ nổ gây chết người bắt đầu vượt quá bán kính bức xạ

ion hóa gây chết người. Vũ khí bức xạ tăng cường cũng rơi vào phạm vi năng  suất tương tự và chỉ đơn giản là tăng cường cường độ và phạm vi của liều  neutron cho một năng suất nhất định.

- Bom neutron được thiết kế có chủ đích với năng suất nổ thấp hơn các vũ khí hạt  nhân khác. Vì neutron bị phân tán và hấp thụ bởi không khí, hiệu ứng bức xạ  neutron giảm xuống nhanh chóng với khoảng cách trong không khí. Như vậy,

có sự phân biệt rõ nét hơn, liên quan đến hiệu ứng nhiệt, giữa các khu vực có tỷ  lệ tử vong cao và các khu vực có liều phóng xạ tối thiểu. Tất cả các quả bom hạt  nhân năng suất cao (hơn 10 kiloton), chẳng hạn như ví dụ cực đoan của một  thiết bị lấy 97% năng lượng từ phản ứng tổng hợp, Tsar Bomba 50 megaton,  không thể phát ra đủ neutron ngoài chúng phạm vi vụ nổ gây chết người khi  phát nổ khi nổ bề mặt hoặc nổ không khí ở độ cao thấpvà vì vậy không còn  được phân loại là bom neutron, do đó hạn chế sản lượng bom neutron ở mức tối  đa khoảng 10 kiloton. Xung cực mạnh của neutron năng lượng cao được tạo ra bởi bom neutron là cơ chế tiêu diệt chính, không phải là bụi phóng xạ, nhiệt  hoặc vụ nổ.

3. Chất phóng xạ chiến đấu

- Một vật chất chứa các hạt nhân không bền được coi là chất phóng xạ. Chất  phóng xạ là nhân tố sát thương phá hoại đặc trưng của vũ khí hạt nhân, chiếm  khoảng 10% năng lượng vụ nổ.

- Nguồn gốc:

Khi vũ khí hạt nhân nổ, chất phóng xạ sinh ra từ 3 nguồn gốc là sản phẩm của  phản ứng phân hạch ( mảnh vỡ hạt nhân), chất phóng xạ cảm ứng và chất nổ hạt  nhân chưa tham gia phản ứng . Chất phóng xạ thường tồn tại ở các dạng khí, ,  bụi, xỉ phóng xạ và nằm ngay trong vũ khí trang bị kỹ thuật khi bị dòng n chiếu  vào.

- Tác hại:

+ Đối với người:

Chất phóng xạ gây bệnh phóng xạ đối với người theo 3 con đường: Chiếu xạ ngoài, nhiễm xạ da, nhiễm xạ bên trong.

ðChiếu xạ ngoài: khi người đi qua khu nhiễm xạ khi ở gần vật thể bị  nhiễm xạ có thể bị tia B,y chiếu vào cơ thể. Gây nên bệnh phóng xạ  cấp tính và mạn tính.

ðNhiễm xạ da: Do bụi xạ rơi trực tiếp vào người,các tia phóng xạ xuyên  vào cơ thể gây nên bệnh phóng xạ.

ðNhiễm xạ bên trong: Do bụi phóng xạ xâm nhập vào cơ thể người bằng  3 con đường hô hấp, tiêu hóa và qua vết thương gây nên bệnh phóng  xạ.

4. Vũ khí nguyên tử

- Vũ khí hạt nhân là loại vũ khí hủy diệt hàng loạt mà năng lượng của nó do các  phản ứng phân hạch hạt nhân hoặc phản ứng hợp hạch gây ra. Một vũ khí hạt  nhân nhỏ nhất có sức công phá lớn hơn bất kỳ vũ khí quy ước nào. Vũ khí có  sức công phá tương đương với 30.000-300.000 tấn thuốc nổ có thể phá hủy  hoàn toàn một thành phố. Nếu sức công phá là 1 triệu tấn thì có thể phá hủy 1  vùng với bán kính 100 - 160 km.

- Những vũ khí hạt nhân đầu tiên được Hoa Kỳ chế tạo cùng với sự giúp đỡ của  Anh Quốc và Canada trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đó là một phần của dự  án Manhattan tối mật. Lúc đầu, việc chế tạo vũ khí hạt nhân là sự lo sợ Đức  Quốc xã có thể chế tạo và sử dụng trước quân đội Đồng minh. Nhưng cuối cùng  thì 2 thành phố của Nhật Bản là Hiroshima và Nagasaki lại là nơi chịu đựng sức  tàn phá của những quả bom nguyên tử đầu tiên vào năm 1945. Liên Xô cũng  đẩy mạnh Dự án vũ khí hạt nhân và chế tạo, thử nghiệm vũ khí hạt nhân đầu  tiên vào năm 1949. Cả Hoa Kỳ và Liên Xô đều phát triển vũ khí hạt nhân nhiệt hạch vào những năm giữa của thập niên 1950. Việc phát minh ra các tên lửa  hoạt động ổn định vào những năm 1960 đã làm cho khả năng mang các vũ khí  hạt nhân đến bất kỳ nơi nào trên thế giới trong một thời gian ngắn trở thành hiện  thực. Hai siêu cường quốc của Chiến tranh Lạnh đã chấp nhận một chiến dịch  hạn chế việc chạy đua vũ khí hạt nhân nhằm duy trì nền hòa bình mong manh  thời điểm đó.

- Vũ khí hạt nhân từng là biểu tượng cho sức mạnh quân sự và sức mạnh quốc  gia. Việc thử nghiệm vũ khí hạt nhân thường để kiểm tra các thiết kế mới cũng  như là gửi các thông điệp chính trị. Một số quốc gia khác cũng phát triển vũ khí  hạt nhân trong thời gian này, đó là Anh Quốc, Pháp, Trung Quốc. Năm thành  viên của "hiệp hội các nước có vũ khí hạt nhân" đồng ý một thỏa hiệp hạn chế  việc phổ biến vũ khí hạt nhân ở các quốc gia khác mặc dù có ít nhất hai nước  (Ấn Độ, Cộng hòa Nam Phi) đã chế tạo thành công và 1 nước (Israel) có thể đã  phát triển vũ khí hạt nhân vào thời điểm đó. Vào đầu những năm 1990, Các  nước cộng hòa của Liên bang Xô viết nước kế thừa Nga trước đây là Liên Xô  cùng với Hoa Kỳ cam kết giảm số đầu đạn hạt nhân dự trữ để gia tăng sự ổn  định quốc tế. Mặc dù vậy, việc phổ biến vũ khí hạt nhân vẫn tiếp tục. Pakistan  thử nghiệm vũ khí hạt nhân đầu tiên của họ vào năm 1998, CHDCND Triều  Tiên công bố đã phát triển vũ khí hạt nhân vào năm 2004.Vũ khí hạt nhân là

một trong những vấn đề trọng tâm của các căng thẳng về chính trị quốc tế và  vẫn đóng vai trò quan trọng trong các vấn đề xã hội từ khi nó được khởi đầu từ  những năm 1940. Vũ khí hạt nhân thường được coi là biểu tượng phi thường  của con người trong việc sử dụng sức mạnh của tự nhiên để hủy diệt con người.

- Mức độ tàn phá của ba loại năng lượng đầu tiên khác nhau tùy theo kích thước  của bom. Bức xạ nhiệt suy giảm theo khoảng cách chậm nhất, do đó, bom càng  lớn thì hiệu ứng phá hủy do nhiệt càng mạnh. Bức xạ ion bị suy giảm nhanh  chóng trong không khí, nên nó chỉ nguy hiểm đối với các vũ khí hạt nhân hạng  nhẹ. Áp lực suy giảm nhanh hơn bức xạ nhiệt nhưng chậm hơn bức xạ ion.

**- Đề 3**

- Quân khu I:

+ Là đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng VN, nằm ở vị trí địa - chính trị  chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, QP-AN và đối ngoại trong thế  bố trí chung của cả nước, bảo vệ vùng Đông Bắc gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc  Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh

+ Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang  3 thứ quân; thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác CM, chú trọng nâng cao  chất lượng huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang 3  thứ quân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc; tích cực tham gia  công tác cứu hộ, cứu nạn, giúp nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần  bảo vệ vũng chắc Tổ quốc VN XHCN

 + Tư lệnh kiêm Chính ủy đầu tiên của Quân khu 1 là đồng chí Đàm  Quang Trung. Ngày truyền thống: 16/10/1945

 + Truyền thống vẻ vang: “TRUNG HIẾU, TIỀN PHONG, ĐOÀN KẾT,  CHIẾN THẮNG”

- Quân khu II:

 + Quân khu II trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địa lý chính trị chiến lược bảo vệ vùng Tây Bắc gồm 9 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn  La, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc.

 + Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý, và chỉ huy các cơ quan, đơn vị  trực thuộc, các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ  trong địa bàn quân khu.

+ Tư lệnh và Chính ủy đầu tiên của Quân khu 2 là các đồng chí Bằng  Giang, Bùi Quang Tạo.

 + Ngày Truyền thống: 19/10/1946.

 + Truyền thống vẻ vang: “Trung thành, tự lực, đoàn kết, anh dung, chiến  đấu.”

- Quân khu III

+ Quân khu III trực thuộc Bộ Quốc Phòng, nằm ở vị trí địa – chính trị chiến  lược bảo bệ vùng Đồng bằng sông Hồng gồm 9 tỉnh: Quảng Ninh, Hải

Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam,  Hòa Bình.

+ Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị  trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ  trong địa bàn quân khu.

+ Tư lệnh, Chính ủy đầu tiên của Quân khu III là các đồng chí Hoàng  Sâm, Trần Độ.

+ Ngày truyền thống: 31/10/1945

+ Truyền thống vẻ vang:” Đoàn kết, chủ động, sáng tạo, hy sinh, chiến  thắng’’

- Quân khu IV

+ Quân khu IV trực thuộc Bộ Quốc Phòng, nằm ở vị trí địa – chính trị chiến  lược bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh,  Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế

+ Có nhiệm vụ chỉ huy, quản lý và tổ chức lực lượng vũ trang quân khu  chiến đấu bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam

+ Tư lệnh, Chính ủy đầu tiên của Quân khu IV là các đồng chí Chu Huy  Mân, Nguyễn Đôn.

+ Ngày truyền thống: 15/10/1945

**Đề 4**

Lịch sử, truyền thống của Quân khu V, VII, IX:

1. Quân khu V:

- Quân khu V trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, hiện nay có chức năng  nhiệm vụ cơ bản là tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang  thuộc Quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Nam Trung Bộ, xây dựng và củng cố  nền quốc phòng toàn dân ở địa phương trên địa bàn

- Hiện nay,phạm vi bảo vệ của Quân khu V bao gồm toàn bộ vùng Tây Nguyên  và duyên hải Nam Trung Bộ (trừ Bình Thuận với Lâm Đồng), gồm thành phố  Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh  Thuận, Kon Tum, Gia Lai, , Đắc Lắc và Đắc Nông

- Ngày truyền thống: 16/10/1945

- Ngày 16/10/1945, thành lập Chiến khu V và Chiến khu VII

- Ngày 26/10/1948, Khu V , KhuVII , Khu 15 sát nhập thành Liên khu V . Bộ  chỉ huy Liên khu gồm: đồng chí Nguyễn Thế Lâm giữ quyền Tư lệnh, đồng chí  Nguyễn Chánh - Chính trị ủy viên, đến cuối năm 1948 bổ sung đồng chí Đàm  Quang Trung làm Phó Tư lệnh. Địa bàn Khu V từ đèo Hải Vân đến Hàm Tân,  Bình Thuận

- Ngày 25/01/1955, Bộ Chính trị quyết định sát nhập 2 tỉnh Quảng Trị (từ nam  sông Bến Hải vào) và tỉnh Thừa Thiên vào Liên khu V và thành lập 4 liên tỉnh  trực thuộc Liên khu V gồm: Liên tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam;  Liên tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên; Liên tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận,  Bình Thuận, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng (Lâm Đồng); Liên tỉnh Kon Tum,  Gia Lai, Đắc Lắc

- Ngày 27/7/1961, thành lập Bộ Tư lệnh Quân khu V và Bộ Tư lệnh Quân khu  VII

 + Quân khu V gồm các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Đà, Quảng  Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai do đồng chí  Nguyễn Đôn làm Tư lệnh kiêm Chính ủy

 + Quân khu VII gồm các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc  Lắc, Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng do đồng chí Y Blốc Êban làm quyền  Tư lệnh

- Ngày 27/4/1965, Quân khu Trị Thiên Huế thành lập tách ra từ Quân khu V .

- Quân khu đã thành lập thêm 3 sư đoàn bộ binh: Sư đoàn 307 (03/7/1978), Sư  đoàn 309 (06/9/1978) và Sư đoàn 315 (29/02/1979), đồng thời thành lập Mặt  trận 579.

- Truyền thống vẻ vang: “TỰ LỰC TỰ CƯỜNG, KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN,  CHỊU ĐỰNG GIAN KHÓ, MƯU TRÍ SÁNG TẠO, CHIẾN ĐẤU KIÊN  CƯỜNG, CHIẾN THẮNG VẺ VANG”

1, Lãnh đạo hiện nay:

1.1, Tư lệnh: Trung tướng Thái Đại Ngọc

1.2, Chính ủyː Trung tướng Trịnh Đình Thạch

2, Các Phó Tư lệnh:

2.1, Tham mưu trưởngː Thiếu tướng Lê Ngọc Hải

2.2, Phụ trách công tác hậu cần: Thiếu tướng Nguyễn Đình Tiến 2.3, Phụ trách công tác kinh tế, đối ngoại QP: Thiếu tướng Hứa Văn Tưởng 2.4, Phụ trách công tác kỹ thuật: Thiếu tướng Cao Phi Hùng 2.5, Phó Chính ủy: Thiếu tướng Trương Thiên Tô

-Trụ sở:Bộ tư lệnh Quân khu V đặt tại số 1 Đường Duy Tân, Phường hòa  Cường Bắc, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Trước năm 1975, đây là trại  Nguyễn Chi Phương và là trụ sở tư lệnh quân đoàn 1 Việt Nam Cộng hòa.

2. Quân khu VII:

- Trụ sở: Bộ Tư lệnh Quân khu IX đặt ở số 204 Đường Hoàng Văn Thụ,  Phường 9, Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước năm 1975, đây là trại  Trần Hưng Đạo và là trụ sở Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

- Địa bàn gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình  Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Lâm Đồng, Long An và Tây Ninh

- Ngày truyền thống: 15/10/1945

1, Lãnh đạo hiện nay:

1.1, Tư lệnhː Thiếu tướng Nguyễn Trường Thắng

1.2, Chính ủyː Trung tướng Trần Hoài Trung

2, Các Phó Tư lệnh:

2.1, Tham mưu trưởngː Thiếu tướng Đặng Văn Hùng

2.2, Phụ trách công tác kỹ thuật: Thiếu tướng Du Trường Giang 2.3, Phụ trách công tác hậu cần, kinh tế: Thiếu tướng Võ Văn Thi 2.4, Phụ trách công tác kinh tế, đối ngoại QP: Thiếu tướng Đặng Văn Lẫm 2.5, Phó Chính ủy: Thiếu tướng Đỗ Văn Bảnh

3. Quân khu IX:

- Quân khu IX trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam nằm trên một địa bàn chiến  lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đồng bằng  Sông Cửu Long gồm 12 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng  Tháp, Cần Thơ, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà  Mau

- Có nhiệm vụ quản lý, tổ chức, xây dựng và chỉ huy quân đội chiến đấu bảo vệ  vùng Đồng bằng Sông Cửu Long Việt Nam

- Tư lệnh và Chính ủy đầu tiên của Quân khu IX là các đồng chí Nguyễn Thành  Thơ, Nguyễn Văn Bé

- Ngày truyền thống: 10/12/1945

- Ngày 10/12/1945, thành lập Chiến khu 8 và Chiến khu 9.

+ Chiến khu 8 gồm các tỉnh: Tân An, Gò Công, Mỹ Tho, Bến Tre và Sa  Đéc.

+ Chiến khu 9 gồm các tỉnh: Cần Thơ, Sóc Trăng, Rạch Giá, Hà Tiên,  Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Vĩnh Long và Trà Vinh.

- Năm 1946, hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh giao lại cho Chiến khu 8.

- Cuối năm 1947 hai tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc nhập lại rồi chia thành hai  tỉnh mới là Long Châu Tiền và Long Châu Hậu (lấy sông Hậu làm ranh giới hai  tỉnh). Long Châu Tiền thuộc Khu 8, Long Châu Hậu thuộc Khu 9.

- Tháng 12/1950, tỉnh Hà Tiên nhập vào Long Châu Hậu, lấy tên tỉnh là Long  Châu Hà thuộc Khu 9.

- Cuối năm 1961 đầu năm 1962, Quân khu 8 (còn gọi là Quân khu 2) và Quân  khu 9 (còn gọi là Quân khu 3) được thành lập trở lại.

+ Quân khu 8 gồm các tỉnh: Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Long Xuyên,  Châu Đốc, Sa Đéc và Bến Tre.

+ Quân khu 9 gồm các tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng  (thêm một phần tỉnh Bạc Liêu), Rạch Giá, Cà Mau (gồm một phần tỉnh Bạc  Liêu) và Hà Tiên.

- Năm 1969 thành lập tỉnh Châu Hà, gồm tỉnh Hà Tiên và phần đất phía Nam  sông Hậu của tỉnh Châu Đốc.

- Cuối năm 1974 tỉnh Châu Hà đổi thành tỉnh Long Châu Hà, thêm phần đất  phía Nam sông Hậu của tỉnh Long Xuyên.

- Giữa năm 1972, thị xã Cần Thơ được nâng cấp lên thành phố trực thuộc khu 9. - Cuối năm 1973, Quân khu 9 thành lập lại tỉnh Bạc Liêu.

- Cuối năm 1975, hai Quân khu 8 và 9 trong chiến tranh được sát nhập lại thành  Quân khu 9, gồm 9 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long: Long An, Tiền Giang, Bến  Tre, Đồng Tháp, Cửu Long, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Minh Hải

- Năm 1978 tỉnh Long An thuộc địa bàn Đông Nam Bộ, lực lượng vũ trang tỉnh  Long An thuộc sự quản lý, chỉ huy của Quân khu IX

- Tháng 12/1991, tỉnh Cửu Long tách ra thành 2 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh;  tỉnh Hậu Giang tách ra thành tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng

- Tháng 12/1996, tỉnh Minh Hải tách ra thành tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu (bắt đầu  hoạt động từ năm 1997).

- Tháng 12/2003 tỉnh Cần Thơ tách ra thành thành phố Cần Thơ (trực thuộc  Trung ương) và tỉnh Hậu Giang (bắt đầu hoạt động từ năm 2004).

- Hiện nay địa bàn Quân khu 9 có 12 tỉnh, thành phố (riêng Cần Thơ là thành  phố trực thuộc Trung ương) là: Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long,  Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, An Giang, Kiên Giang và  thành phố Cần Thơ - nghĩa là vùng Tây Nam Bộ trừ Long An.- Lãnh đạo hiện  nay:

Lãnh đạo hiện nay:

Tư lệnhː Trung tướng Nguyễn Xuân Dắt

Chính ủyː Thiếu tướng Nguyễn Văn Gấu

Tham mưu trưởngː Thiếu tướng Trương Minh Khải

Phó Tư lệnh Hậu cần: Thiếu tướng Nguyễn Văn Tiền

Phó Tư lệnh Kỹ thuật: Thiếu tướng Nguyễn Minh Triều

Phó Tư lệnh kinh tế, đối ngoại QP: Thiếu tướng Nguyễn Hồng Hải Phó Chính ủy: Thiếu tướng Đoàn Thanh Xuân

- Trụ sở: Bộ tư lệnh Quân khu IX đặt tại số 11-13 Đường Cách Mạng Tháng  Tám, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

**- Đề 5**

Từ những năm 1972 đến năm 1974, Bộ Chính trị lần lượt đồng ý thành lập các  Quân đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam bao gồm 4 quân đoàn: I,  II, III, IV. Đóng quân tại các địa bàn khác nhau như Bắc Giang, Ninh Bình, Tây  Nguyên, Bình Dương. Nhiệm vụ chung của các Quân đoàn chủ lực của Quân  đội nhân dân Việt Nam là tham mưu giúp Đảng ủy, Chỉ huy Bộ Quốc phòng về  công tác quân sự, tác chiến, cơ động, chiến lược trên các địa bàn đặc trách được  giao.

1. Quân đoàn I

Quân đoàn 1, còn có tên hiệu là Binh đoàn Quyết thắng là một trong 4 quân  đoàn chủ lực cơ động, trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam. Đây là đơn vị  cấp quân đoàn thực thụ đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, được  thành lập ngày 24 tháng 10 năm 1973 tại Ninh Bình. Vào cuối Chiến dịch  Hồ Chí Minh, Quân đoàn 1 là đơn vị đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu Quân  lực Việt Nam Cộng hòa, góp phần làm nên Sự kiện 30 tháng 4 năm 1975.

· Lịch sử:

- Năm 1972, sau thất bại của đợt tập kích đường không trong Chiến dịch  Linebacker II, Chính quyền liên bang Hoa Kỳ buộc phải ký Hiệp định Paris  1973, theo đó năm 1973 Hoa Kỳ phải rút toàn bộ quân đội về nước. Tuy nhiên  tình hình quân sự tại Quân khu 4 của Quân đội nhân dân Việt Nam cũng đang  bất lợi. Quân ủy Trung ương Việt Nam điều động một vài sư đoàn đang bị tổn  thất nặng rút về phía Bắc để củng cố.

- Tháng 7 năm 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tiến  hành hội nghị lần thứ 21, ra nghị quyết về tăng cường quân sự tiến tới thống  nhất đất nước. Chấp hành nghị quyết, tháng 10 năm 1973 Quân ủy Trung ương  và Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã  phê chuẩn việc thành lập các quân đoàn chủ lực. Theo đó, ngày 24 tháng 10  năm 1973, tướng Võ Nguyên Gíap - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy  Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt  Nam ký quyết định số 142/QĐ-QP thành lập Quân đoàn 1 đóng quân trên địa  bàn thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Ban chấp hành Đảng bộ gồm 7 ủy  viên, do Lê Quang Hoà làm bí thư, Lê Trọng Tấn làm tư lệnh quân đoàn, phó bí  thư và Hoàng Minh Thi ủy viên thường vụ.

\* Truyền thống:

Ngày 15 tháng 3 năm 1975, trong khi Chiến dịch Tây Nguyên đang thu được  thắng lợi giòn giã. Quân đoàn 1 được lệnh di chuyển vào miền Nam Việt Nam  sẵn sàng tham chiến. Chỉ trong 12 ngày đêm, toàn bộ đội hình quân đoàn (trừ sư  308 ở lại miền Bắc Việt Nam làm nhiệm vụ nghi binh), đã di chuyển vượt chặng  đường dài 1.789 km từ Bắc vào Nam theo đường Trường Sơn, kịp thời vào trực  tiếp tham gia chiến đấu trên hướng Bắc Sài Gòn. Sau đó, quân đoàn di chuyển  vào chiến trường theo tuyến Quốc lộ 1 - Đường 9 - qua Lao Bảo sang lãnh thổ  Lào - về Kon Tum theo đường 14 qua Buôn Mê Thuột, đến ngày 14 tháng 4  năm 1975 vào đến Đồng Xoài - Phước Long chuẩn bị cho trận đánh cuối cùng.  Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, Quân đoàn 1 nhận nhiệm vụ tấn công từ phía  Bắc Sài Gòn, bao vây tiêu diệt đối phương ở Phú Lợi, Bến Cát, Bình Dương,  Lai Khê, Tân Uyên; ngăn chặn Sư đoàn 5 Bộ binh Quân lực Việt Nam Cộng  hòa rút về nội đô và vô hiệu hóa đơn vị này; tấn công đánh chiếm Bộ Tổng  tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, các bộ tư lệnh binh chủng ở Gò Vấp,  Bình Thạnh; tổ chức một lực lượng tấn công hợp điểm với các quân đoàn khác  tại Dinh Độc Lập Do phải hành quân gấp từ miền Bắc vào bằng mọi phương  tiện thuỷ, bộ và đường không. Quân đoàn 1 bắt đầu tấn công chậm một ngày so  với các đơn vị khác.

2. Quân đoàn II

Quân đoàn 2, còn gọi là "Binh đoàn Hương Giang", là một trong bốn quân  đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam, trực thuộc Bộ Quốc  phòng Việt Nam, được thành lập ngày 17 tháng 5 năm 1974 tại Thừa Thiên  (nay là tỉnh Thừa Thiên Huế).

· Lịch sử:

- Năm 1972 sau thắng lợi của trận Điện Biên Phủ trên không của Việt Nam  buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris, theo đó năm 1973 Mỹ phải rút toàn bộ quân  đội về nước. Tháng 7 năm 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tiến hành  hội nghị lần thứ 21, ra nghị quyết về tăng cường quân sự tiến tới thống nhất đất  nước. Chấp hành nghị quyết, tháng 10 năm 1973 Quân ủy Trung ương và Bộ  Quốc phòng đề nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã phê chuẩn việc thành lập  các quân đoàn chủ lực. Theo đó, ngày 24 tháng 10 năm 1973, Quân đoàn 1 đã  được thành lập tại Tam Điệp, Ninh Bình. Ngày 17 tháng 5 năm 1974, Bộ Quốc  phòng ký quyết định thành lập Quân đoàn 2. Ngày 1 tháng 6 năm 1974, tại Ba  Nang-Ba Lòng Quảng Trị (trụ sở cơ quan Bộ Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên),  thượng tướng Song Hào Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, thay mặt Quân ủy  Trung ương, Bộ Quốc phòng công bố quyết định thành lập Quân đoàn. Theo đó,  Bộ tư lệnh Quân đoàn gồm có: Thiếu tướng Hoàng Văn Thái - Tư lệnh, Thiếu

tướng Lê Linh - Chính ủy, Đại tá Hoàng Đan - Phó Tư lệnh, Đại tá Nguyễn  Công Trang - Phó Chính ủy.

- Tổ chức cơ quan buổi đầu của quân đoàn gồm: Bộ Tham mưu (13 phòng) do  thượng tá Bùi Công Ái làm Tham mưu trưởng. Cục Chính trị (9 phòng) do  thượng tá Lê Khả Phiêu làm Chủ nhiệm. Cục Hậu cần (10 phòng) do thượng tá  Nguyễn Ngọc Thực làm Chủ nhiệm.

- Lực lượng Quân đoàn 2 những ngày đầu mới thành lập gồm ba Sư đoàn bộ  binh 304, 325, 324, Sư đoàn phòng không 673, Lữ đoàn pháo binh 164, Lữ đoàn  xe tăng 203, Lữ đoàn công binh 219, Trung đoàn thông tin 463 và một số đơn vị  trực thuộc khác. Khi tiến công dọc bờ biển, được tăng cường thêm Sư đoàn 3  Sao Vàng.

- Mùa xuân năm 1975, Quân đoàn tham gia chiến dịch giải phóng Huế, Đà  Nẵng; tham gia chiến dịch Tây Nguyên. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh Quân  đoàn đã đánh chiếm Dinh Độc Lập cắm cờ trên dinh và bắt sống nội các Việt  Nam Cộng hòa. Đại úy Bùi Quang Thận đã cắm lá cờ chiến thắng lúc 11 giờ 30  phút ngày 30 tháng 04 năm 1975 trên nóc Dinh độc lập, còn đại úy Phạm Xuân  Thệ bắt sống nội các VNCH.

- Sư đoàn 3 đánh Vũng Tàu rồi được gọi ra bắc, phòng thủ biên giới ở Lạng  Sơn. đội hình Quân đoàn 2 tổ chức lại, với các sư đoàn 325, 324, 306, 341 đánh  Khmer Đỏ. Đầu năm 1979 khi quân đội Trung Quốc gây hấn, Bộ quốc phòng có  kế hoạch dùng máy bay chở quân đoàn 2 ra bắc, nhưng đến nơi thì quân Trung  vừa rút lui.

3. Quân đoàn III

Quân đoàn 3, còn gọi là Binh đoàn Tây Nguyên là một trong bốn quân đoàn chủ  lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 26 tháng 3  năm 1975 tại Tây Nguyên.

· Lịch sử & truyền thống :

- Chiến dịch Tây Nguyên thành công lớn, quân đội Việt Nam Cộng  hòa bị xóa sổ khỏi Tây Nguyên và bỏ chạy về duyên hải miền trung.  Ngày 26 tháng 3 năm 1975, các đơn vị chủ lực Quân đội nhân dân  Việt Nam tại Tây Nguyên tập hợp lại thành một đơn vị cấp quân đoàn.  Khi đó gồm có: Sư đoàn 316 (đoàn Bông Lau); Sư đoàn 10 (đoàn  Đăktô), Sư đoàn 320 (đoàn Đồng Bằng); Sư đoàn 2 Quảng – Đà ở

phía bắc quân khu; Trung đoàn xe tăng 273, Trung đoàn đặc công 198  và một số đơn vị hỗ trợ.

- Ngay sau khi thành lập, quân đoàn 3 hành quân cơ giới xuống Nam  bộ, tập kết ở Củ Chi và đánh Đồng Dù, rồi tham gia chiến dịch Hồ Chí  Minh. Riêng Sư đoàn 2 trở lại Quân khu 5, tiến công Sài Gòn từ  hướng Tây Bắc. Trung đoàn 198 được tăng cường cho sư đoàn đặc  công của Lê Bá Ước, trong khi đó 2 trung đoàn Gia Định được phối thuộc tạm thời cho QĐ3.

- Sau ngày thống nhất đất nước, Quân đoàn 3 trú ở khu vực Tây  Nguyên và Trung bộ, tham gia truy quét FULRO. Quân đoàn 3 có  thêm Sư đoàn 31 (đoàn Lam Hồng) từ khu vực Cánh Đồng Chum trở  về.

- Từ năm 1978, Quân đoàn 3 truy quét đánh đổ Khmer Đỏ và giải  phóng toàn bộ Campuchia.

- Từ năm 1979 Quân đoàn bàn giao toàn bộ địa bàn Campuchia cho  Quân đoàn 4 tiếp quản. Sư đoàn 316 và Sư đoàn 31 được gọi ra bắc để  thành lập tuyến phòng thủ Sông Cầu chống quân Trung Quốc từ năm  1979 đến 1987 trong chiến tranh biên giới phía bắc tại Bắc Thái.

- Từ năm 1987, Quân đoàn 3 trở lại đóng quân ở khu vực Tây  Nguyên.

4. Quân đoàn IV

Quân đoàn 4 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, còn gọi là Binh đoàn Cửu  Long, là một trong 4 quân đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt  Nam được thành lập ngày 20 tháng 7 năm 1974 tại chiến khu Dương Minh  Châu, miền Đông Nam Bộ. Trước đó mang tên gọi "Bộ chỉ huy 351", chủ lực  của Miền.

· Lịch sử:

- Tiền thân của đơn vị là lực lượng "đoàn 301" ở Campuchia năm  1971 bao gồm 3 sư đoàn 5 ,7 ,9. Chủ yếu huấn luyện bộ đội người  Việt và đào tạo cả những du kích Campuchia. Đoàn quân này trước đó  đã chống cự với Quân lực Việt Nam Cộng hòa (và cả quân đội Hoa  Kỳ) ở quy mô nhiều sư đoàn.

- Quân đoàn 4 thành lập năm 1974 (Địa điểm thành lập tại khu vực  Suối Bà chiêm sau khi đơn vị giải phóng chi khu Đồng xoài rút về)

Chiến dịch giải phóng chi khu Đồng xoài lần đầu tiên lực lượng pháo  binh của quân đoàn (Cụ thể là Tiểu đoàn 60 lúc bấy giờ Tiểu đoàn  trưởng là đồng chí Mạo, Tham mưu trưởng tiểu đoàn là đồng chí Ngô  quang Chư tham chiến bằng Cối 160mmm đã làm cho quân ngụy  choáng váng vì lần đầu tiên quân địch nhìn thấy quả đạn cối 160mm  bị lép không nổ nặng 47 Kg) với các sư đoàn trụ cột 5, 7, 9. Sau chiến  dịch Đường 14 – Phước Long, đơn vị giải phóng tỉnh Phước Long  (tháng 1 năm 1975), cùng lực lượng vũ trang địa phương giải phóng  Dầu Tiếng, Chơn Thành, Định Quán. Trong lúc củng cố quân, đơn vị  tách làm 2 để bao vây Sài Gòn theo 2 hướng Đông – Tây.

- Lần lượt sư đoàn 5 và 9 dời sang miền tây, cùng sư đoàn Phước  Long và sư 8 tạo thành đoàn 232 (Binh Đoàn Cửu Long). Sư đoàn 7  và bộ chỉ huy dời sang hướng đông, phối thuộc sư đoàn 6 và sư 341  đánh Xuân Lộc. Sau khi đánh Lâm Đồng, Xuân Lộc; giải phóng Biên  Hòa, đánh chiếm Biệt khu Thủ Đô và một số mục tiêu quan trọng ở  nội thành Sài Gòn (trong chiến dịch Hồ Chí Minh). Sau ngày 30/4,  đơn vị làm nhiệm vụ quân quản thành phố Sài Gòn – Gia Định.

- Năm 1978, quân đoàn 4 có 3 sư đoàn chủ lực: 7, 9, 302 chiến đấu  bảo vệ biên giới Tây Nam và đánh Khmer đỏ ở Campuchia (1977– 1979). Sau giai đoạn này, được phong tặng danh hiệu "Bức tường thép  miền đông nam bộ"

 Khi mới thành lập, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân chỉ  có 34 cán bộ, chiến sĩ nhưng đã sớm phát huy được truyền thống  chống ngoại xâm và nghệ thuật quân sự lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ

thắng lớn của dân tộc. Ngay từ lần đầu ra quân, đội quân chính quy  đầu tiên của Việt Nam đã lập nên những chiến công vang dội, giải  phóng những khu vực rộng lớn làm căn cứ cho các hoạt động đấu  tranh giành độc lập, mở đầu truyền thống quyết chiến quyết thắng của  Quân đội nhân dân Việt Nam sau này. Ngày 15 tháng 5 năm 1945,  Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân sáp nhập với lực lượng  Cứu quốc quân và đổi tên thành Giải phóng quân, trở thành lực lượng  quân sự chủ yếu của Mặt trận Việt Minh khi tiến hành cuộc Tổng khởi  nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

 Thời gian từ năm 1945 đến năm 1954 là thời kỳ phát triển vượt bậc cả  về số lượng và khả năng chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam.  Chỉ một thời gian ngắn, từ khi đất nước giành được độc lập đến tháng  11 năm 1945, Giải phóng quân đã phát triển từ một đội quân nhỏ trở  thành Quân đội Quốc gia Việt Nam với quân số khoảng 50.000 người,  tổ chức thành 40 chi đội. Năm 1950, Quân đội Quốc gia Việt Nam đổi  tên thành Quân đội nhân dân Việt Nam. Cũng thời gian này, các đại

đoàn (đơn vị tương đương sư đoàn) chủ lực quan trọng như các đại  đoàn 308, 304, 312, 320, 316, 325, 351 lần lượt được thành lập, đến  nay vẫn là những đơn vị chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ  một đội quân chỉ vài trăm người khi tham gia Tổng khởi nghĩa, Quân  đội nhân dân Việt Nam đã phát triển thành quân đội với các sư đoàn  chủ lực mạnh, lập nên những chiến công lẫy lừng mà đỉnh cao là chiến  thắng Điện Biên Phủ lịch sử ngày 07 tháng 05 năm 1954, đập tan mưu  toan thiết lập lại chế độ thuộc địa của thực dân Pháp.

 Bước vào thời kỳ hoà bình xây dựng đất nước, Quân đội nhân dân  Việt Nam đã thực hiện điều chỉnh biên chế, tổ chức, cắt giảm gần hai  phần ba quân số. Các thế hệ sĩ quan, chiến sĩ quân đội vẫn kế tiếp  nhau phát huy truyền thống và bản chất tốt đẹp của “Bộ đội cụ Hồ”,  luôn làm đúng chức năng của một đội quân chiến đấu, một đội quân  công tác, một đội quân sản xuất, xứng đáng với lời khen ngợi của Chủ  tịch Hồ Chí Minh: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn  sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã  hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ  thù nào cũng đánh thắng”.

 Thực hiện chức năng là một đội quân công tác, Quân đội nhân dân  Việt Nam luôn giữ vững mối quan hệ máu thịt với nhân dân. Là một  trong các lực lượng nòng cốt tham gia công tác vận động quần chúng,  các đơn vị quân đội đã tích cực thực hiện công tác dân vận. Nhiều đơn  vị quân đội đã đi đầu trong phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sâu,  vùng xa; tham gia công tác cứu hộ và giảm nhẹ thiên tai, phòng chống  lụt, bão. Quân đội cũng tích cực tham gia xoá đói, giảm nghèo, góp  phần nâng cao đời sống vật chất và tình thần cho các tầng lớp nhân  dân, phấn đấu đến năm 2010 hoàn thành chỉ tiêu xóa đói giảm nghèo  cho 100.000 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

 Hiện nay, Quân đội nhân dân Việt Nam có lực lượng thường trực gồm  bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương với tổng quân số khoảng 450.000  người và lực lượng quân dự bị khoảng 5 triệu người. Bộ đội chủ lực là  thành phần nòng cốt của Quân đội nhân dân Việt Nam gồm lực lượng  cơ động của các quân đoàn, quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực

của quân khu và bộ đội chuyên môn kỹ thuật. Bên cạnh các đơn vị  huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu còn có hệ thống hoàn  chỉnh các đơn vị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật; các học viện, viện nghiên  cứu, các trường đào tạo sĩ quan và trường nghiệp vụ các cấp.

**Đề 6**

**I, QUÂN CHỦNG LỤC QUÂN**

**-** Lục quân QĐNDVN là quân chủng chính cấu thành nên QĐNDVN. Quân  chủng lục quân ko tổ chức thành Bộ tự lệnh riêng mà đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ  huy trực tiếp của Bộ QP, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị; sự chỉ đạo  chuyên ngành của các tổng cục và cơ quan chức năng khác

- Lục quân có 7 quân khu (1,2,3,4,5,7,9) và Bộ Tư lệnh Thủ đô HN; 4 quân  đoàn (1,2,3,4) và 6 binh chủng (gồm Pháo binh, Tăng – Thiết giáp, Công binh,  Thông tin, Hóa học, Đặc công)

1, Các Quân khu và BTL Thủ Đô:

- Quân khu 1:

+ Là đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng VN, nằm ở vị trí địa - chính trị  chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, QP-AN và đối ngoại trong thế  bố trí chung của cả nước, bảo vệ vùng Đông Bắc gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc  Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh

+ Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang  3 thứ quân; thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác CM, chú trọng nâng cao  chất lượng huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang 3  thứ quân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc; tích cực tham gia  công tác cứu hộ, cứu nạn, giúp nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần  bảo vệ vũng chắc Tổ quốc VN XHCN

 + Tư lệnh kiêm Chính ủy đầu tiên của Quân khu 1 là đồng chí Đàm  Quang Trung. Ngày truyền thống: 16/10/1945

 + Truyền thống vẻ vang: “TRUNG HIẾU, TIỀN PHONG, ĐOÀN KẾT,  CHIẾN THẮNG”

- Quân khu 2:

 + Quân khu 2 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địa lý chính trị chiến lược bảo vệ vùng Tây Bắc gồm 9 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn  La, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc.

 + Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý, và chỉ huy các cơ quan, đơn vị  trực thuộc, các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ  trong địa bàn quân khu.

+ Tư lệnh và Chính ủy đầu tiên của Quân khu 2 là các đồng chí Bằng  Giang, Bùi Quang Tạo.

 + Ngày Truyền thống: 19/10/1946.

 + Truyền thống vẻ vang: “Trung thành, tự lực, đoàn kết, anh dung, chiến  đấu.”

- Quân khu 5:

 + Quân khu 5 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, hiện nay có chức  năng nhiệm vụ cơ bản là tổ chức, xây dựng, quản lí và chỉ huy lực lượng vuc  trang thuộc Quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Nam Trung Bộ, xây dựng và  chủng cố nền quốc phòng toàn dân ở địa phương trên địa bàn.

 + Địa bàn Quân khu 5 bắt đầu từ đèo Hải Vân đến cực nam tỉnh Ninh  Thuận, bảo vệ vùng Nam Trung Bộ gồm 11 tỉnh thành phố: Đà Nẵng, Quảng  Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum,  Gia Lai, Đắc Lắc, Đắc Nông.

 + Ngày truyền thống: 16/10/1945

 + Truyền thống vẻ vang: “Tự lực tự cường, khắc phục khó khan, chịu  đựng, gian khó, mưu trí sang tạo, chiến đấu kiên cường, chiến thắng vẻ vang.”

- Quân khu 7:

 + Quân khu 7 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, hiện nay có chắc  năng nhiệm vụ cơ bản là tổ chức, xây dựng, quản lí và chỉ huy lực lượng vũ  trang thuộc Quân khu chiến đấu.

+ Địa bàn gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Bà Rịa- Vũng Tàu,  Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Lâm Đồng, Long An và Tây  Ninh.

 + Ngày truyền thống: 15/10/1945.

- Quân khu 9:

 + Quân khu 9 trục thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam nằm trên một địa bàn  chiến lược trong chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đồng bằng Sông  Cửu Long gồm 12 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp,  Cần Thơ, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

 + Có nhiệm vụ quản lý, tổ chức, xây dựng, và chỉ huy quân đội chiến đấu  bảo vệ vùng Đồng bằng Sông Cửu Long Việt Nam.

 + Tư lệnh và Chính ủy đầu tiên của Quân khu 9 là các đồng chí Nguyễn  Thành Thơ, Nguyễn Văn Bé.

 + Ngày truyền thống: 10/12/1945.

- Bộ Tư lệnh Thủ đô HN

 + Trực thuộc Bộ Quốc phòng VN, hiện nay có chức năng nhiệm vụ cơ  bản là tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc BTL  chiến đấu bảo vệ thủ đô HN, xây dựng và củng cố nền QP toàn dân ở địa  phương trên địa bàn

 + Ra đời từ phong trào CM của quần chúng, lực lượng vũ trang Thủ đô  HN là 1 bộ phận quan trọng của LLVT nhân dân VN đã kế thừa, phát huy  truyền thống anh hùng bất khuất chống ngoại xâm của Thủ đô HN, truyền thống  “Ngàn năm văn hiến Thăng Long – HN” cùng các tầng lớp nhân dân Thủ độ  viết nên trang sử hào hùng, góp phần làm rạng danh non sông đất nước

 + Để chuẩn bị cho CKC lâu dài, toàn dân, toàn diện, ngày 19/10/1946, Chiến  khu XI – Tổ chức hành chính quân sự thống nhất của các LLVT Thủ đô HN  được thành lập. Chiến khu XI đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của TW. Ngày  25/7/1947 trước yêu cầu của CKC, TW ra quyết định địa bà hoạt động của  Chiến khu XI được mở rộng bao gồm: HN, Hà Đông và Sơn Tây

 + Qua Hội thảo khoa học và thực tiễn hoạt động quân sự, quốc phòng của  Chiến khu XI đã mang đầy đủ tính chất chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh  Thủ đô HN ngày nay. Vì vậy, ngày 19/10/1946 là ngày truyền thống của LLVT  Thủ đô HN theo Quyết định số 1850/QĐ-QP ngày 31/5/2010 của Bộ trưởng Bộ  QP

+ Bộ TL Thủ độ HN được thành lập theo sắc lệnh số 16 của Chủ tịch  nước VN ngày 16/7/2008 về việc tổ chức lại Quân khu Thủ đô HN thành Bộ Tư  lệnh Thủ đô HN. Bộ Tư lệnh Thủ đô HN trực thuộc Bộ QP VN là Bộ Chỉ huy  tối cao nhất trong QĐNDVN có “chức năng tham mưu cho Đảng bộ ĐCSVN

+ Và chính quyền thành phố HN thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân  và công tác quân sự địa phương; giúp Bộ trưởng Bộ QP và Chủ tịch UBND TP  HN thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực quân sự, QP tại địa phương; tổ chức  thực hiện xây dựng, quản lý, chỉ huy các đơn vị lực lượng thường trực và lực  lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ thuộc quyền ...”

- Truyền thống chiến đấu

 + Tháng 10 năm 1945, thành lập Khu đặc biệt Hà Nội.

+ Tháng 11 năm 1946, cả nước được tổ chức lại thành 12 chiến khu. Hà  Nội được tổ chức lại thành Chiến khu 11, còn gọi là Mặt trận Hà Nội.

+ Ngày 19 tháng 12 năm 1946, Mặt Trận Hà Nội được sáp nhập vào khu  12.

+ Ngày 1 tháng 11 năm 1948, Khu 2 đặc quyền trực thuộc của Liên Khu  3.

+ Tháng 9 năm 1964 lại được chức độc lập thành Bộ tư lệnh Thủ đô.

+ Ngày 5 tháng 3 năm 1979, theo sắc lệnh 28-LCT, Quân khu Thủ đô  được thành lập trên cơ sở Bộ tư lệnh Thủ đô, quản lý về mặt quân sự địa bàn  thành phố Hà Nội.

+ Năm 1999, địa bàn của Quân khu Thủ đô bổ sung gồm cả tinh Hà Tây,  nay sáp nhập vào thành phố Hà Nội.

+ Ngày 16 tháng 7 năm 2008, tổ chức lại Quân khu Thủ đô trên cơ sở sáp  nhập Quân khu Thủ đô với Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Hà Nội và Bô tư lệnh  thủ đô Hà Nội.

+ Bộ Tư lệnh thủ đô Hà Nội trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam hiện  nay.

- Thành tích:

+ 03 Danh hiệu Anh hung Lực lượng Vũ trang Nhân dân

(1978,2002,2005)

+ 01 Huân chương Sao vàng (2011)

+ 03 Huân chương Hồ Chí Minh (1984,1985,2002)

+ 04 Huân chương Quân công (hạng Nhất: 1984, hạng Nhì: 2006, 02  hạng Ba: 2004.

+ 04 Huân chương Chiến công (02 hạng Nhất, năm 1983 và 2000, 02  hạng Ba, năm 2004 và 2006)

+ 01 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất (2005)

 + 02 Huân chương Itxala do Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tặng  (01 hạng Nhị cho tập thể, 01 hạng Ba cho cá nhân 2010)

2, Các Quân đoàn:

- Quân đoàn 1: Là quân đoàn chủ lực cơ động đầu tiên của QĐNDVN, được  thành lập 24/10/1973. Tư lệnh, Chính ủy đầu tiên của Quân đoàn 1 là các đồng  chí Lê Trọng Tấn, Lê Quang Hòa. Truyền thống của Quân đoàn là: “Thần tốc – Quyết thắng”

- Quân đoàn 2: Binh đoàn Hương Giang: Là quân đoàn chủ lực cơ động của  QĐND VN, được thành lập ngày 17/5/1974, tại Trị - Thiên. Tư lệnh, Chính ủy  đầu tiên của Quân đoàn là các đồng chí Hoàng Văn Thái, Lê Linh. Truyền  thống của Quân đoàn là: “Thần tốc, Táo bạo, Quyết thắng”

- Quân đoàn 3: Binh đoàn Tây Nguyên: Là quân đoàn chủ lực cơ động của  QĐNDVN, được thành lập ngày 26/3/1975 tại Tây Nguyên. Tư lệnh, Chính ủy  đầu tiên của Quân đoàn là các đồng chí Vũ Lăng, Đặng Vũ Hiệp

- Quân đoàn 4: “Bức tường thép miền Đông Nam Bộ”: Là quân đoàn chủ lực cơ  động của QĐNDVN, được thành lập ngày 20/7/1974 tại chiến khu Dương Minh  Châu, miền Đông Nam Bộ. Tư lệnh và Chính ủy đầu tiên là các đồng chí Hoàng  Cầm, Hoàng Thế Thiện.

3, Các binh chủng Lục quân:

- Bộ binh: là lực lượng chủ yếu của lục quân, được trang bị nhẹ để tác chiến trên  bộ; đảm nhiệm chức năng chủ yếu là tiêu diệt đối phương, đánh chiếm trận địa  của chúng và giữ vững trận địa của mình

- Bộ binh cơ giới: bộ binh được trang bị xe chiến đấu bọc thép để có thể thực  hành chiến đấu ngay trên xe hoặc với đội hình đi bộ. So với bộ binh, BBCG  được trang bị hỏa lực mạnh hơn và có sức cơ động cao hơn

- Binh chủng pháo binh: “Chân đồng, vai sắt, đánh giỏi, bắn trúng”: lực lượng  hỏa lực chủ yếu của lục quân, thường được trang bị các loại pháo, tên lửa và  súng cối, dùng để sát thương, tiêu diệt các mục tiêu và trực tiếp chi viện hỏa lực  cho các lực lượng tác chiến trên mặt đất, mặt nước, có thể chiến đấu hiệp đồng  hoặc độc lập.

II, BINH CHỦNG PHÁO BINH

1, Sự hình thành và phát triển:

- Trong kháng chiến chống Pháp:

+ Ngày 29/6/1946 tại sân Vê quốc đoàn Trung ương (40 Hàng Bài, Hà  Nội) đồng chí Hoàng Văn Thái Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt  Nam đọc quyết định thành lập Đoàn pháo binh Thủ đô gồm 3 trung đội: Pháo  đài Láng, Pháo đài Xuân Canh và Pháo đài Xuân Tảo.

+ Ngày 19/12/1945, pháo đài Láng vinh dự được bắn những phát đạn đầu  tiên vào đại bản doanh quân Pháp ở Hà thành, mở đầu cho cuộc kháng chiến  chống thực dân Pháp xâm lược.

+ Trong tháng 10/1947 bộ đội pháo binh phối hợp cùng lực lượng vũ  trang địa phương lập chiến công oanh liệt trên mặt trận sông Lô.

+ Chiến dịch Biên giới 1950, bộ đội pháo binh phát triển cả về tổ chức,  biên chế trang bị và quy mô tác chiến. Lần đầu ta sử dụng 3 tiểu đoàn sơn pháo  75mm gồm: Tiểu đoàn pháo binh 40 (Đại đoàn 308), Tiểu đoàn 178 (Trung  đoàn 209), Tiểu đoàn 253 (Trùn đoàn 174)

+ Tháng 9 năm 1950 Bộ Tổng tư lệnh quyết định thành lập trung đoàn  pháo chủ lực đầu tiên trực thuộc Bộ lấy tên là Trung đoàn 95. Nòng cốt chính là  3 tiểu đoàn sơn pháo 40, 178, 253.

+ Đến tháng 3/1951 Đại đoàn công pháo 351 được thành lập, biên chế  gồm 3 trung đoàn, là cơ sở để thành lập Bộ tư lệnh Pháo binh sau này.

- Kháng chiến chống Mỹ:

+ Trong cuộc chống chiến tranh phá hoại của Hải quân Mỹ ở miền Bắc,  bộ đội pháo binh của 3 thứ quân là hỏa lực chủ yếu, bắn cháy, bắn chìm 278 tàu  chiến các loại của Mỹ.

 + Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 ta đã sử dụng hơn 90% lực  lượng của Binh chủng Pháo binh có mặt trên chiến trường với 5 lữ, 23 trung  đoànm 20 tiểu đoàn, 88 đại đội độc lập với trên 1330 pháo các loại (trong đó có  trên 500 pháo xe kéo cỡ lớn) dội đòn hảo lực sấm sét xuống quân địch.

2, Thành tích:

- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (1976)

- Huân chương Hồ Chí Minh (1979)

- Huân chương Độc lập hạng Nhất (2001)

- Huân chương Sao vàng (2006)

III, BINH CHỦNG TĂNG – THIẾT GIÁP

- Binh chủng Tăng – Thiết giáp: là binh chủng có hỏa lực mạnh, sức cơ động  cao, khả năng đột kích mạnh, tác chiến đột kích trên bộ và đổ bộ (hải quân),  được trang bị các loại xe tăng, xe thiết giáp, có thể độc lập hay hiệp đồng tác  chiến với quân binh chủng và lực lượng khác

1, Sự hình thành và phát triển:

- Ngày 05 tháng 10 năm 1959, tại Quế Lâm, Quảng Tây, Trung Quốc, Bộ Quốc  Phòng Việt Nam công bố Quyết định số 449/NĐ về việc thành lập trung đoàn

xe tăng đầu tiên lấy phiên hiệu 202, biên chế 3 tiểu đoàn tăng, 5 đại đội trực  thuộc (Sửa chữa, Công binh, Thông tin, Huấn luyện, Vệ binh) và 4 cơ quan  (Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật). Tổng Quân ủy quyết định thành lập  Đảng bộ trung đoàn và chỉ định đồng chí Đào Huy Vũ - Trung đoàn trưởng và  đồng chí Đặng Quang Long - Chính ủy Trung đoàn để lãnh đạo nhiệm vụ xây  dựng và chiến đấu của Trung đoàn xe tăng 202.

- Tháng 1-1968, lần đầu tiên lực lượng xe tăng của Quân đội ta tham gia cùng  binh chủng hợp thành đánh hai trận then chốt ở Tà Mây - Làng Vây trong Chiến  dịch tiến công Đường 9 - Khe Sanh (Bắc Quảng Trị, từ 27-01 đến 07-02-1968)

- Truyền thống: “Đã ra quân là đánh thắng”

- Đến hết năm 1972, trên các chiến trường, lực lượng TTG tham gia nhiều  chiến dịch tiến công, phản công, phòng ngự ở miền Trung, Tây Nguyên và trên  đất Bạn Lào. Đồng thời, chuẩn bị cho mặt trận Tổng tiến công nổi dậy mùa  Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

 - Lực lượng TTG tham gia Chiến dịch tiến công Tây Nguyên (từ 04-3 đến 25- 03-1975), giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột (ngày 10, 11-03-1975) sau đó phát  triển thắng lợi

 - Từ ngày 26-4 đến 30-4-1975, trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng TTG  tham gia Chiến dịch với quy mô lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ trên  cả năm hướng tiến công của chiến dịch.

 - 10 giờ 45 phút 30-4-1975, hai chiếc xe tăng mang số hiệu 843 và 390 dẫn  đầu đội hình tiến công của Lữ đoàn xe tăng 203 (Quân đoàn 2) húc tung cánh  cổng sắt, tiến vào Dinh Tổng thống Ngụy quyền. Binh chủng TTG đã là nhân tố  quan trong giúp Quân đội nhân dân Việt Nam chiến thắng trước kẻ thù.

2, Thành tích:

- Bộ đội TTG đã có 43 tập thể và 15 cá nhân được Đảng,

- Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân,

- 1 Huân chương Hồ Chí Minh, 2 Huân chương Độc lập hạng nhất và nhiều  phần thưởng cao quý khác.

- góp phần tô thắm thêm truyền thống “Đã ra quân là đánh thắng” của bộ đội  TTG Việt Nam Anh hùng.

**Đề 7**

Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng chính của Lực lượng vũ trang nhân  dân Việt Nam.

Theo Bộ Quốc phòng Việt Nam, sứ mệnh của quân đội này là “vì độc lập tự do  của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân”. Ngày truyền thống  là ngày 22/12 hàng năm. Quân kỳ của Quân đội nhân dân Việt Nam là quốc kỳ  Việt Nam có thêm dòng chữ “Quyết thắng” màu vàng ở góc phía trên bên trái.

Mười lời thề danh dự của quân nhân Quân đội nhân dân Việt Nam nói rằng Quân  đội nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ không ngừng nâng cao tinh thần yêu nước  xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế vô sản, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh  vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

 Căn cứ theo quy định của Luật Quốc phòng năm 2005, Quân đội nhân dân Việt  Nam là một bộ phận và lực lượng nòng cốt của Lực lượng vũ trang nhân dân, bao  gồm Lực lượng Thường trực và Lực lượng Dự bị Động viên.

– Lực lượng Thường trực của Quân đội nhân dân có Bộ đội Chủ lực và Bộ đội  Địa phương, cấp tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam từ thấp đến cao là Tiểu  đội, Trung đội, Đại đội, Tiểu sư đoàn, Trung đoàn, Lữ đoàn, Sư đoàn (trước đây  gọi là Đại đoàn). Cấp cao nhất là Quân đoàn, hiện nay có 04 quân đoàn là các  quân đoàn 1, 2, 3, 4. Đây chính là quân chủ lực cơ động.

– Từ cấp tiểu đoàn trử lên có ban chỉ huy gồm có cấp trưởng, cấp phó, tham mưu  trưởng và cấp phó phụ trách công tác chính trị, theo chế độ một thủ trưởng. Trước  đây, khi thực hiện chế độ “2 thủ trưởng”, thì ngoài thủ trưởng quân sự (Đại đội  trưởng, tiểu đoàn trưởng…), từ cấp đại đội trở lên còn có thủ trưởng chính trị,  được gọi là chính trị viên (ở cấp đại đội và tiểu đoàn) hoặc chính ủy (ở cấp trung  đoàn trở lên). Cấp thủ trưởng chính trj này từ sau Chính tranh Việt Nam đã  chuyển thành cấp phó phụ trách công tác chính trị. Theo nghị quyết của Đại hội  Đảng lần thứ X, chế độ chính ủy – chính trị viên lại được khôi phục trong toàn  quân từ năm 2006.

 Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay có 07 lực lượng (gồm 03 quân chủng,  02 Bộ tư lệnh tương đương quân chủng và 02 Bộ tư lệnh độc lập tương đương  quân đoàn)

Hiện này, Việt Nam có 03 Quân chủng là: Lục quân, Hải quân và Phòng không  – Không quân, trong đó quân chủng Lục quân không tổ chức thành Bộ tư lệnh  riêng mà trực thuộc trực tiếp Bộ Quốc phòng. Lực lượng Bộ đội Biên phòng,  Cảnh sát biển tương đương quân chủng.

 Các binh chủng trong Lục quân là: Bộ binh, Bộ binh cơ giới, công trình, thông  tin liên lạc, đặc công Hóa học, tăng – thiết giáp và Pháo binh.  Binh chủng Đặc công là binh chủng chiến đấu đặc biệt tinh nhuệ của Quân đội  Nhân dân Việt Nam, được tổ chức, trang bị và huấn luyện đặc biệt, có phương

pháp tác chiến linh hoạt, táo bạo, bất ngờ, thường dùng để đánh các mục tiêu hiểm  yếu nằm sâu trong đội hình chiến đấu, bố trí chiến dịch và hậu phương của địch.  Trên chiến trường Nam Bộ, Pháp tăng cường xây dựng hệ thống đồn bốt xung  quanh các thị xã, thành phố và trên các đường giao thông quan trọng, nhằm bao  vây, chia cắt, ngăn chặn lực lượng vũ trang Việt Minh. Qua nhiều lần thử nghiệm  thắng lợi, đặc biệt là trận đánh tiêu diệt đồn cầu Bà Kiên đêm ngày 18 rạng sáng  ngày 19/3/1948, đã mở ra một khả năng mới đánh địch trong vị trí cố thủ vững  chắc.

Tháng 11/1949, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tổ chức hội nghị chuyên đề về đánh tháp  canh với sự tham gia của các cán bộ, chiến sỹ đã từng tham gia đánh tháp canh  và đưa ra cách đánh tháp canh mới. Với loại vũ khí phá tường FT, đêm 21 rạng  sáng ngày 23/3/1950, trên chiến trường Biên Hòa, 50 tổ chiến đấu đồng loạt sử  dụng FT đánh vào 50 tháp canh, gây hoang mang lớn cho địch. Từ trận đánh này,  Tỉnh đội Biên Hòa và Phòng Tham mưu Quân khu 7 tổ chức hội nghị rút kinh  nghiệm và đặt tên cho cách đánh này là công đồn đặc biệt, gọi tắt là đặc công.

Sau khi cách đánh đặc công xuất hiện, Nam Bộ đã chú trọng nghiên cứu phát  triển, không ngừng hoàn thiện cách đánh lợi hại, độc đáo này, và trở thành cách  đánh không thể thiếu được của lực lượng vũ trang nhân dân. Xuất phát từ nhiệm  vụ chiến đấu, mục tiêu của địch, lực lượng đặc công ở miền Nam đã có bước phát  triển mới với quy mô ngày càng lớn. Một thế trận đặc công được tổ chức tương  đối hoàn chỉnh với 3 thành phần: đặc công đánh bộ, đặc công nước, đặc công biệt  động với quy mô tổ chức phổ biến là tổ, mũi, đội, tiểu đoàn, đứng chân ở khắp  các địa bàn chiến lược.

 Lực lượng đặc công đánh bộ có khả năng tác chiến ở cả đồng bằng, rừng núi và  đô thị, đánh vào các mục tiêu trên bộ. Đặc công nước chuyên đánh phá mục tiêu  trên sông, biển, đánh phá cầu, phà... Biệt động chuyên hoạt động và đánh các mục  tiêu ở đô thị và vùng ven, vùng sâu, khi cần có thể đánh các mục tiêu dưới nước,  ở vùng nông thôn đồng bằng và rừng núi.

Các địa phương ở Bắc Bộ đã kết hợp cách đánh kỳ tập với cường tập đã tiêu diệt  hàng loạt đồn bốt, cứ điểm của Pháp, đồng thời tổ chức một số lực lượng chuyên,  tinh để đánh phá tàu, thuyền của địch bằng cách đánh đặc công. Trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Pháp và trong chiến dịch Điện Biên  Phủ, bộ đội đặc công đã phát triển trên các chiến trường, có sở trường tác chiến  ở vùng sau lưng địch, bước đầu có kinh nghiệm tác chiến hiệp đồng trong các  chiến dịch. Lực lượng đặc công đã đánh địch trên cả mặt trận chính diện và cả ở  hậu phương địch. Một số trận đánh tiêu biểu của bộ đội đặc công như trận đánh  bom Phú Thọ, kho bom Tân An, đánh sân bay Cát Bi, sân bay Gia Lâm... Sau khi hiệp định Giơnevơ được ký kết, Đảng và quân đội đã lựa chọn và cử lực  lượng đặc công ở miền Bắc vào miền Nam xây dựng lực lượng và chiến đấu.  Tháng 6/1958, Bộ Tư lệnh miền Đông Nam Bộ được thành lập và lực lượng vũ  trang miền Đông có 1 đại đội đặc công lấy phiên hiệu là Đại đội 60. Đây là đại  đội đặc công đầu tiên ở miền Nam. Đại đội 60 cùng với các tổ, nhóm đặc công ở

các địa phương bắt đầu tiến công vào hệ thống đồn bốt và cơ quan kìm kẹp của  địch.

Tháng 12/1962, Quân ủy Trung ương họp để ra phương châm hoạt động của các  lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, trong đó nhấn  mạnh. “Hình thức hoạt động chủ yếu ở vùng hậu phương địch là “Dùng đặc công  đánh vào các kho tàng, đạn dược vũ khí, chất hóa học, xăng dầu, vào các sân bay,  bến tàu, các nơi tập trung cơ giới, pháo binh... và đánh vào lực lượng Mỹ”.

Tháng 9/1962, các đội đặc công chuyên môn bắt đầu đi vào các chiến trường miền  Nam, bổ sung cho các đơn vị chiến đấu ở các quân khu, các tỉnh. Trong 2 năm  1961 - 1962, 10 đại đội đặc công chuyên môn, 1 tiểu đoàn cơ động với quân số  1.122 người đã được tăng cường cho khu 5 và Nam Bộ. Sự ra đời và phát triển  nhanh chóng của các lực lượng đặc công cơ động và đặc công chuyên trách trên  miền Bắc đã đánh dấu một bước phát triển mới về tổ chức lực lượng của bộ đội  đặc công.

Thực hiện chủ trương và phương châm tác chiến của Đảng, Trung ương Cục giao  cho đặc công nhiệm vụ: làm nòng cốt trong việc tiêu diệt hệ thống đồn bốt nhỏ,  phối hợp với các lực lượng phát triển khác tiến công các chi khu, quận lỵ, trại,  lực lượng đặc biệt, diệt tề, phá “Ấp chiến lược”; đánh phá phương tiện chiến  tranh, tiêu diệt sinh lực quý của Mỹ - Ngụy.

Trong thời kỳ đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - Ngụy, một trong những  nét nổi bật nhất của tác chiến đặc công là lần đầu tiên đã tham gia tác chiến cùng  với bộ đội chủ lực trong những đợt hoạt động mang tính chất chiến dịch và giành  nhiều chiến công. Một số trận đánh tiêu biểu trong giai đoạn này là tiêu diệt căn  cứ biệt kích Plây Cơ Rông, trận tập kích sân bay Plâycu và trại lính Mỹ Hôlôuây,  trận đánh khách sạn Brink, trận đánh tàu chở máy bay Mỹ U.S.Cađơ. Những  chiến công của lực lượng đặc công, biệt động trong thời kỳ chống chiến lược  “Chiến tranh đặc biệt” đánh dấu bước phát triển quan trọng của nghệ thuật tác  chiến trong nhiệm vụ đánh sâu, đánh hiểm, nhằm tiêu diệt các cơ quan đầu não  và trung tâm điều hành chiến tranh của Mỹ-ngụy. Sự phát triển của lực lượng đặc  công và nghệ thuật tác chiến đặc công đã mở ra một triển vọng mới và những  kinh nghiệm phong phú trong nghệ thuật tiến công của lực lượng vũ trang ta trong  các giai đoạn sau của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Những trận đánh giành thắng lợi của bộ đội đặc công đã khẳng định vị trí của  cách đánh đặc công, cũng như sự cần thiết phải thành lập một binh chủng chuyên  về tác chiến du kích đã được hình thành.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, lực lượng đặc công,  biệt động là lực lượng mũi nhọn tiến công vào các cơ quan đầu não địch, những  mục tiêu hiểm yếu, quan trọng của địch ở hầu hết các thành phố, thị xã, góp phần  làm nên một chiến thắng Mậu Thân 1968, tạo nên bước ngoặt lớn của cuộc kháng  chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thực hiện chỉ thị của Quân ủy Trung ương và chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Đặc công,  lực lượng đặc công trên chiến trường được bố trí ở các vùng chiến lược và các  mục tiêu chiến lược ở những địa bàn trọng điểm, tạo được thế tiến công mới. Mỗi

thứ quân, mỗi cấp, mỗi vùng đều có những mũi nhọn đánh sâu, đánh hiểm vào  sau lưng địch, trong lòng địch, trong các chiến dịch và tình huống chiến tranh trên  phạm vi toàn miền. Đây là điều kiện cơ bản để lực lượng đặc công, biệt động tác  chiến có hiệu quả trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, góp phần cùng quân và  dân cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong các cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới và trong công cuộc xây dựng và bảo  vệ Tổ quốc, lực lượng đặc công đã cùng với các lực lượng vũ trang khác mưu trí  dũng cảm bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, xứng đáng với truyền thống:  *“Đặc biệt tinh nhuệ, Anh dũng tuyệt vời, Mưu trí táo bạo, Đánh hiểm thắng lớn”.* **Đặc công - Binh chủng chiến đấu đặc biệt tinh nhuệ của Quân đội nhân dân  Việt Nam**

Cách đánh đặc công đã xuất hiện ở Việt Nam từ gần 1.000 năm nay. Thế kỷ thứ  13 trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông, quân đội nhà  Trần đã phát triển cách đánh tập kích bằng lực lượng nhỏ, tinh nhuệ, thiện chiến  trên bộ, trên sông, trên biển. Trần Quốc Tuấn đã chỉ đạo: “Cứ liều đánh ở trên  thuyền, không bằng ngầm đâm ở dưới thuyền, cứ phá quân địch không bằng phá  thuyền của địch”. Thực hiện phương hướng đó, tướng Yết Kiêu đã tổ chức, huấn  luyện những đội “Trạo Nhi” gồm những dân chài khoẻ mạnh, bơi lội giỏi chuyên  làm nhiệm vụ phá hoại căn cứ thuỷ quân của giặc. Nhiều trận, đội “Trạo Nhi” đã  bí mật lọt hẳn vào căn cứ thuỷ quân dùng chất cháy đốt thuyền và lặn xuống nước  đục thuyền, tiêu diệt nhiều quân Nguyên - Mông ở Chương Dương, Phả Lại, Chí  Linh và có lần bắt sống được tướng giặc.

Năm 1410, Trần Nguyên Hãn vận dụng phép dùng binh “Quân cốt tinh không cốt  nhiều” đã tổ chức một trận đánh nổi tiếng với gần 200 nghĩa quân, cởi trần nguỵ  trang, dùng thang bí mật leo vào thành Xương Giang, Việt Trì bất ngờ tiến công  liên tục tiêu diệt gọn quân Minh ở trong thành.

Cách đánh này được quân và dân ta vận dụng rộng rãi trong các thế kỷ tiếp theo.  Đến năm 1948 trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên do đồng chí Trần Công An chỉ  huy được thừa nhận là trận đánh đặc công đầu tiên trong thời kỳ kiện đại, song  lúc đó vẫn gọi là cách “Công đồn đặc biệt”, mãi đến đầu năm 1950, cách “Công  đồn đặc biệt” trên được chính thức gọi là đặc công. Thuật ngữ đặc công chính  thức được sử dụng để chỉ cách đánh đặc biệt, đồng thời chỉ về một tổ chức vũ  trang đặc biệt của Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Từ trận đánh đặc công đầu tiên đó đến nay, lực lượng đặc công đã đánh gần  20.000 trận vào các loại mục tiêu, trong đó có nhiều mục tiêu mà đối phương cho  là bất khả xâm phạm như: Toà Đại sứ Mỹ, Dinh Độc Lập, Bộ Tổng Tham mưu  Quân đội Sài Gòn, Tổng Nha cảnh sát, Đài phát thanh. Hầu hết các sân bay bến  cảng; sở chỉ huy các cấp lữ đoàn, sư đoàn, quân đoàn; các loại kho tàng chiến  lược, chiến thuật cố định và dã ngoại; các loại cầu giao thông; các trận địa hoặc  căn cứ hoả lực và các loại tàu thuyền của quân đội Mỹ trên chiến trường miền  Nam Việt Nam đều bị đặc công đánh. Cánh đánh đặc công được vận dụng trên  các địa hình: rừng núi, đồng bằng, thành thị và cả trên sông, biển, hải đảo. Lực  lượng đặc công đã lập được nhiều chiến công vang dội và cho đến nay, lực lượng

đặc công đã có 71 đơn vị và 174 cán bộ, chiến sĩ được tuyên dương danh hiệu  Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó có 2 đơn vị được tuyên dương 3  lần, 2 đơn vị được tuyên dương 2 lần.

Cách đánh đặc công được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát trong lời huấn thị của  Người tại buổi lễ thành lập Binh chủng Đặc công 19/3/1967: *“... Có thể nói, do  chiến tranh du kích phát triển cao, đặc biệt cao, chiến thuật du kích lấy ít đánh  nhiều và đi không tiếng về không tăm; bây giờ các chú cũng thế, cũng phải lấy ít  đánh nhiều, nhưng mà to hơn nữa, cao hơn nữa, lấy ít đánh nhiều, lấy ít thắng  nhiều”.*

Trải qua quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành, hệ thống lý luận và tài liệu  huấn luyện quân sự, chính trị, hậu cần, kỹ thuật của Binh chủng Đặc công đã từng  bước được hoàn chỉnh, trong đó khẳng định chức năng chiến đấu của đặc công  là: *Tiến công những mục tiêu hiểm yếu, quan trọng trong hậu phương và trong  chiều sâu đội hình đối phương cả trên đất liền, sông, biển, hải đảo. Khẳng định  cách đánh đặc công là cách đánh bằng lực lượng ít nhưng chất lượng cao, trang  bị gọn, nhẹ, có uy lực, luồn sâu tạo thế có lợi hơn hẳn đối phương, đánh gần,  đánh hiểm, đánh nhanh, đạt hiệu suất cao, hiệu quả lớn, trong đó có nhiều trận  thắng lợi đạt giá trị chiến dịch, chiến lược...*

Để đáp ứng chức năng và cách đánh trên trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, Bộ đội  Đặc công cần phải nắm vững một số vấn đề cơ bản trong tổ chức xây dựng lực  lượng:

Cần quán triệt sâu sắc đường lối chiến tranh nhân dân, đường lối xây dựng lực  lượng vũ trang nhân dân, nhiệm vụ quân sự trong từng giai đoạn cách mạng, chức  năng nhiệm vụ của lực lượng đặc công và khả năng trang bị của quân đội để tổ  chức xây dựng lực lượng đặc công.

Chiến tranh nhân dân là toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện. Đặc công tác  chiến trong hậu phương đối phương trong chiều sâu đội hình đối phương tất yếu  phải có sự che chở giúp đỡ của nhân dân và lực lượng vũ trang tại chỗ mới tồn  tại và giành thắng lợi trong tác chiến. Trong kháng chiến chống Mỹ, có những  đơn vị đặc công tồn tại, tác chiến hàng năm, hàng chục năm trong hậu phương  đối phương như Trung đoàn Đặc công 113 bám trụ cách Sài Gòn gần 30 km,  Trung đoàn Đặc công nước Rừng Sác bám trụ chiến đấu ngay sát nách Sài Gòn  và hàng trăm tổ, đội biệt động tồn tại suốt cuộc kháng chiến trong các thành phố  Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế, Cần Thơ... Có thể khẳng định chiến tranh nhân dân là  một yếu tố quan trọng, là “bà đỡ” để tổ chức lực lượng đặc công.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, từng bước chúng ta đã và đang xây dựng hoàn  thiện các khu vực phòng thủ tỉnh, thành, quận, huyện, các làng xã chiến đấu trên  các địa bàn trong cả nước, đây là điều kiện rất tốt để đặc công phát huy khả năng  tác chiến trong hậu phương và trong chiều sâu đội hình địch.

Trên cơ sở đường lối chiến tranh nhân dân, đường lối xây dựng lực lượng vũ  trang nhân dân, chúng ta có thể xây dựng lực lượng đặc công trong ba thứ quân:  đặc công chủ lực, đặc công địa phương, đặc công dân quân tự vệ; tổ chức ba loại  đặc công: đặc công đánh bộ (đặc công bộ), đặc công đánh dưới nước (đặc công

nước) và đặc công biệt động; tổ chức hai thành phần: đặc công cơ động và đặc  công tại chỗ.

Hiện nay, đặc công được tổ chức trong bộ đội chủ lực của Bộ, ở các quân khu và  Quân chủng Hải quân với quy mô thích hợp và có đủ các loại đặc công để sẵn  sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ... và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.  Tuỳ tình hình cụ thể có thể mở rộng lực lượng trong cả ba thứ quân. Theo đó,  phải luôn coi trọng chất lượng trong xây dựng lực lượng và cần tập trung vào một  số vấn đề chủ yếu sau:

Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ chiến sĩ đặc công, làm cho  họ thật sự tinh nhuệ về chính trị, cụ thể là có bản lĩnh chính trị kiên định vững  vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, trung thành tuyệt đối với  Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, luôn sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ, nhất là nhiệm  vụ chiến đấu và có tinh thần khắc phục mọi khó khăn, kiên quyết hoàn thành  nhiệm vụ được giao, có tinh thần thương yêu đồng chí, đồng đội, có lòng căm thù  giặc sâu sắc, có ý thức kỷ luật đặc biệt nghiêm, làm tốt công tác dân vận, công  tác tuyên truyền đặc biệt. Thực tiễn 35 năm qua và yêu cầu nhiệm vụ trong giai  đoạn tới cho thấy chất lượng chính trị luôn là yêu cầu hàng đầu trong xây dựng  lực lượng đặc công;

Tuyển chọn những thanh niên vào bộ đội đặc công có lai lịch rõ ràng, có phẩm  chất chính trị tốt. Việc thi tuyển sĩ quan đặc công ngoài tiêu chuẩn chung của Bộ  quy định thì những quân nhân và thanh niên thi tuyển phải thật sự tình nguyện  phục vụ lâu dài trong binh chủng. Sau khi đào tạo chung sẽ được đào tạo chuyên  ngành, khi tốt nghiệp phải được điều về các đơn vị chiến đấu để rèn luyện;

Bộ đội Đặc công phải được huấn luyện cơ bản, thiết thực, vững chắc, đồng bộ,  chuyên sâu. Kỹ thuật phải được huấn luyện thuần thục, điêu luyện, chiến thuật  phải huấn luyện vững chắc và giỏi, nhất là chiến thuật phân đội nhỏ; biết sử dụng  thành thạo các loại vũ khí đặc chủng, sử dụng được vũ khí thông thường sử dụng  thành thạo, bản đồ quân sự; những phương tiện trang bị của từng chuyên ngành  và giỏi sinh sống dã ngoại bí mật dài ngày...

Về vũ khí, cần được trang bị phù hợp với cách đánh, với yêu cầu chung là: gọn,  nhẹ, có uy lực sát thương, phá hoại lớn, có độ chính xác cao, tiện sử dụng, niên  hạn sử dụng dài và dễ bảo quản.

Coi trọng việc chỉ đạo tổ chức nghiên cứu khoa học đặc công toàn diện như: tổ  chức xây dựng lực lượng; nghệ thuật quân sự; công tác Đảng, công tác chính trị;  công tác bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật và công tác bảo đảm hậu cần.... vì đặc  công có nhiều nét đặc thù về tổ chức cũng như cách đánh mà trên thế giới không  có. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ rõ: “... Đặc công là một khoa học nên  ta phải nghiên cứu quy luật hoạt động của địch và tổng kết kinh nghiệm xây dựng  và chiến đấu của ta một cách rất nghiêm túc để rút ra những kết luận về tổ chức,  biên chế, kỹ thuật trang bị...”. Thực tiễn những năm qua, công tác nghiên cứu  khoa học đặc công đã góp phần quan trọng để xây dựng lực lượng đặc công chiến  thắng, trưởng thành và luôn giữ được vị trí là một binh chủng chiến đấu đặc biệt

tinh nhuệ - một binh chủng không thể thiếu trong lực lượng vũ trang nhân dân  Việt Nam.

Binh chủng Hóa học thành lập ngày 19 tháng 4 năm 1958, thực hiện chức năng  quản lý nhà nước về quốc phòng trong lĩnh vực phòng chống vũ khí hạt nhân, vũ  khí hóa học, vũ khí sinh học; thực hiện chức năng cơ quan chủ nhiệm Hóa học  trong quân đội đối với công tác xây dựng lực lượng hóa học; chỉ đạo huấn luyện,  đào tạo, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu; bảo đảm trang bị kỹ thuật phòng hóa  toàn quân; chỉ huy quản lý các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Tham mưu, đề xuất  với cấp trên về các chủ trương, chính sách, biện pháp xây dựng lực lượng hóa học  trong quân đội và dân quân, tự vệ Phòng hóa. Đề xuất ban hành các văn bản về  công tác phòng hóa. Chủ trì thực hiện quan trắc, trinh sát, thông báo liên quan  đến chất độc, chất phóng xạ; thực hiện vai trò nòng cốt sẵn sàng chiến đấu, đối  phó thắng lợi với các tình huống hoá học, phóng xạ trước những thách thức an  ninh phi truyền thống như: Khủng bố, sự cố thảm họa hoá học, sinh học, phóng  xạ, hạt nhân; xử lý chất độc tồn lưu sau chiến tranh; tham gia bảo vệ môi trường  sinh thái... Tổ chức lực lượng hóa học đảm bảo cho các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn  sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn; xây dựng lực lượng hóa học đảm bảo hoàn thành  tốt mọi nhiệm vụ được giao. Xây dựng các đơn vị trực thuộc VMTD, thực hiện  các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và cấp có thẩm quyền giao cho. Kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam anh  hùng, gần 60 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà  trực tiếp là Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, sự tin yêu, đùm bọc, che chở  của nhân dân các địa phương nơi Binh chủng đóng quân, công tác, sự nỗ lực phấn  đấu không ngừng của cán bộ, chiến sỹ, Binh chủng Hóa học ngày càng lớn mạnh,  trưởng thành và lập nhiều chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến  đấu, huấn luyện và công tác.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT XUẤT SẮC TRONG KHÁNG CHIẾN  CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1958-1975)

Binh chủng đã hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ xây dựng phát triển lực  lượng, huấn luyện phòng hoá phổ thông cho các LLVT và nhân dân, làm nòng  cốt bảo đảm hoá học phục vụ chiến đấu, hướng dẫn phát hiện và khắc phục kịp  thời hậu quả địch sử dụng vũ khí hoá học, giảm thiểu tổn thất cho lực lượng ta

Quán triệt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối quân sự của Đảng; ngay từ  khi mới ra đời, Bộ đội Hóa học (BĐHH) đã nhanh chóng xây dựng và phát triển  lực lượng; đào tạo, bồi dưỡng hàng ngàn cán bộ, hạ sỹ quan, nhân viên chuyên  môn kỹ thuật Hoá học đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng và bảo đảm phòng  hóa. Song song với đẩy mạnh xây dựng và phát triển lực lượng sẵn sàng bảo vệ  miền Bắc, Binh chủng đã tích cực chuẩn bị và tổ chức chi viện cho miền Nam,  nhiều đoàn cán bộ, chiến sĩ bí mật vượt Trường Sơn vào Nam, xây dựng lực lượng  Hóa học trong Quân Giải phóng làm nòng cốt phòng chống vũ khí hoá học cho  lực lượng vũ trang và nhân dân: Thành lập Phòng Hóa học Miền, Ban hóa học  Khu 9, Ban hóa học Tây Nguyên… Từ đó, hình thành hệ thống cơ quan, đơn vị  phòng hóa trong toàn quân, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm phòng

hoá cho lực lượng vũ trang và nhân dân, sớm cùng với toàn quân, toàn dân bước  vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bảo vệ Miền Bắc, giải phóng Miền  Nam thống nhất Tổ quốc.

Với tinh thần chiến đấu ngoan cường, không ngại hy sinh, gian khổ, độc hại,  BĐHH đã nhanh chóng có mặt ở những nơi bị địch tập kích chất độc hoá học làm  nòng cốt hướng dẫn các LLVT và nhân dân thực hiện các biện pháp phòng chống,  giảm thiểu thiệt hại, đảm bảo lương thực, thực phẩm để duy trì cuộc sống bộ đội  và nhân dân trên các địa bàn. Trên tuyến đường Trường Sơn, BĐHH luôn có mặt  trên các cung đường, các trọng điểm để tổ chức huấn luyện phòng hóa cho các  lực lượng và nhân dân. Nhờ được trang bị kiến thức phòng hoá, bộ đội và nhân  dân đã chủ động thực hiện tốt các biện pháp phòng tránh, khắc phục hậu quả chất  độc hoá học của địch, góp phần bảo toàn lực lượng, giữ vững mạch máu giao  thông, bảo đảm vận chuyển kịp thời vũ khí, vật chất chi viện cho các chiến trường. Trong các chiến dịch, các trận chiến đấu, BĐHH luôn chủ động tham mưu, đề  xuất giúp người chỉ huy chỉ đạo, hướng dẫn, làm nòng cốt bảo đảm phòng hóa,  nhờ vậy, bộ đội không bị động, bất ngờ khi địch tập kích chất độc hóa học, bảo  toàn lực lượng, góp phần vào thắng lợi của chiến dịch, trận đánh. Điển hình như  các chiến dịch: *Chiến dịch Đường 9-Khe Sanh (20/01-15/7/1968),* các phân đội  phòng hóa đã hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ làm nòng cốt bảo đảm phòng  hóa cho các lực lượng, góp phần vào thắng lợi chung của Chiến dịch. *Chiến dịch  phản công Đường 9-Nam Lào (30/01-23/3/1971),* đã chủ động, tích cực, khẩn  trương chuẩn bị mọi mặt cho công tác phòng hóa, hình thành hệ thống từ cơ quan  phòng hóa chiến dịch đến các sư đoàn, binh chủng, các hướng, các mũi… bảo  đảm cho bộ đội đủ khả năng giữ vững sức chiến đấu theo nhịp độ chung của chiến  dịch. *Chiến dịch tiến công Trị-Thiên (30/3-27/6/1972)*, trong điều kiện bảo đảm  phòng hoá quy mô lớn, nhiều đối tượng khác nhau, lực lượng hoá học đã tập trung  bảo đảm cho hướng tiến công chủ yếu, lực lượng quan trọng của chiến dịch. Khi  tình huống hoá học xảy ra đã nhanh chóng chủ động đề xuất các biện pháp, huy  động mọi lực lượng, mọi phương tiện để khắc phục hậu quả. Do làm tốt công tác  phòng chống nên phần lớn các đợt tập kích của địch đều không gây ảnh hưởng  tới mức làm mất sức mạnh chiến đấu của bộ đội. *Cuộc tổng tiến công và nổi dậy  Xuân 1975:* Cục Hoá học đã chỉ đạo khẩn trương chuẩn bị mọi mặt công tác bảo  đảm phòng hoá ba thứ quân. Công tác chuẩn bị tích cực, chu đáo về mặt phòng  hoá trên các chiến trường đã góp phần hạn chế, ngăn chặn việc sử dụng vũ khí  hóa học của địch; giúp các quân khu, quân đoàn, quân, binh chủng giữ gìn phát  triển lực lượng thần tốc, tổng tiến công giành thắng lợi.

**Hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ sử dụng súng phun lửa để tiêu diệt  địch**

Sử dụng súng phun lửa tham gia đánh địch là một trong những chức năng, nhiệm  vụ quan trọng của BĐHH. Trên các chiến trường, các phân đội phun lửa góp phần  giải quyết những vấn đề có tính then chốt, có tác động trực tiếp đến tốc độ tiến  công của các lực lượng trong trận đánh, nhất là giải quyết các tình huống chiến  đấu trước cửa mở, tiêu diệt các hỏa điểm, hầm ngầm, các phương tiện cơ giới...

tạo điều kiện và thời cơ cho bộ binh và xe tăng vượt cửa mở, thọc sâu, phát triển  chiến đấu. Tiêu biểu như:

*Chiến dịch Đồng Xoài (10/5-22/7/1965)*, phân đội Phun lửa thuộc Phòng Hoá học  Miền phối thuộc cho d2, d4/e272 trong đợt 2, đợt 3 chiến dịch, đã diệt 3 lô cốt,  nhiều nhà xe, góp phần tiêu diệt chi khu quân sự Đồng Xoài. Đây là lần đầu tiên  Binh chủng bảo đảm phòng hóa chiến dịch đạt kết quả tốt, đặc biệt là đã chủ động  đưa phân đội súng phun lửa tham gia chiến đấu lập công xuất sắc, mở ra khả năng  đánh địch bằng vũ khí đặc chủng của BĐHH.

*Mùa khô 1966 -1967,* phân đội Phun lửa Mặt trận Đường 9-Bắc Quảng Trị tham  gia chiến đấu, diệt 6 xe tăng, xe bọc thép, đốt cháy 1 kho xăng, 1 kho đạn và tiêu  diệt 64 tên địch.

*Từ năm 1967 đến năm 1969,* phân đội Phun lửa Sư đoàn 2 đã đánh 24 trận, hoàn  thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ; riêng năm 1969 đánh 6 trận được tặng thưởng  4 Huân chương chiến công giải phóng. Trong trận Đồi Tranh (Quảng Nam), phân  đội đã diệt một lô cốt, một hỏa điểm, 30 tên địch. Phân đội phun lửa Mặt trận 4  Quảng Đà năm 1969 đánh 14 trận trong đó 7 trận phối hợp với bộ đội chủ lực, 7  trận phối hợp với bộ đội địa phương, diệt 100 tên địch có 1 đại úy Mỹ...

*Chiến dịch Đường 9-Khe Sanh (20/01-15/7/1968)*, trong trận Làng Vây, các phân  đội Phun lửa phối thuộc cho các Sư đoàn 304 và 325 tiêu diệt và uy hiếp lô cốt  đầu cầu, mở cửa, tạo điều kiện cho các lực lượng đột kích thọc sâu tiêu diệt địch,  làm chủ cứ điểm Làng Vây. Sau chiến dịch, Đại đội 91 Tiểu đoàn 902 tiếp tục  hoạt động trên địa bàn Quảng Trị; ngày 24/4/1969 phối hợp với đặc công Sư đoàn  304 tập kích cụm bộ binh cơ giới Mỹ-Ngụy tại Làng Vây mới, diệt 4 ụ súng, 1 xe  tăng và 22 tên địch, đốt cháy 7 nhà bạt.

*Chiến dịch phản công Đường 9-Nam Lào (30/01-23/3/1971),* Đại đội 91 phun lửa  thuộc Tiểu đoàn 902 được tăng cường đã tham gia chiến đấu hàng chục trận, tiêu  diệt nhiều hỏa điểm, bắn cháy 4 xe tăng, 4 xe bọc thép, 243 tên Mỹ, ngụy. Tiêu  biểu trong trận chốt chặn địch rút chạy từ Bản Đông về Lao Bảo (17/3/1971),  phân đội Phun lửa do đồng chí Hoàng Văn Vẻ phụ trách phối thuộc cho  eBB36/f308 đã diệt được 4 xe M113 và gần 100 tên địch, góp phần kìm giữ không  cho địch rút chạy khỏi Bản Đông, tạo điều kiện cho đơn vị tập kích tiêu diệt cứ  điểm này.

*Chiến dịch Trị-Thiên (giai đoạn phòng ngự 28/6/1972-31/01/1973)*, phân đội  Phun lửa do đồng chí Thuôn phụ trách được tăng cường cho eBB27 đánh địch ở  chợ Sải (13/11/1972) đã chiến đấu dũng cảm, tiêu diệt 20 tên địch; cũng trong  đêm 13/11/1972, tiểu đội Phun lửa do đồng chí Quý phụ trách tăng cường cho  d2/eBB27 tập kích ở Nại Cửu diệt 01 ổ đại liên, 10 tên địch, tạo điều kiện cho bộ  binh phát triển chiến đấu.

**Hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ sử dụng màn khói ngụy trang, nghi  binh cho bộ đội chiến đấu thắng lợi trên chiến trường miền Nam, hạn chế uy  lực vũ khí hiện đại của địch, bảo vệ an toàn nhiều mục tiêu kinh tế- xã hội  quan trọng của miền Bắc**

Cùng với việc sử dụng súng phun lửa tham gia chiến đấu, BĐHH đã sử dụng màn  khói như một phương tiện để đánh địch, có tác dụng ngụy trang, nghi binh lừa  địch, là một “đội quân” hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động tác chiến, góp phần bảo  toàn lực lượng, che mắt quân địch, thu hút phần lớn bom đạn địch, giảm bớt  thương vong cho bộ đội; tạo nhiều yếu tố thuận lợi cho bộ đội tham gia các chiến  dịch, các trận đánh.

Hoạt động ngụy trang, nghi bình lừa địch bằng màn khói được thực hiện ngay từ  những năm 1967 trên địa bàn Quân khu 4, đã tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội  pháo binh tập kích địch ở Cồn Tiên, Dốc Miếu, Do An…; hoặc làm trận địa giả  đánh lạc hướng thu hút bom đạn địch ở các khu vực Thạch Bàn, Rú Rưng, Vĩnh  Linh… Mùa khô 1966-1967, lực lượng Hóa học các mặt trận đã thả khói tạo nghi  binh, thu hút 2.700 quả bom thường, 149 loạt bom bi, 28 loạt bom cháy, 45.700  quả đạn pháo, 854 quả tên lửa của địch.

Trong các chiến dịch, các trận chiến đấu, BĐHH đã dùng màn khói ngụy trang,  nghi binh, thu hút hàng ngàn tấn bom đạn địch vào các trận địa giả, bảo đảm an  toàn cho bộ đội, xe tăng của ta chiến đấu giành thắng lợi. Điển hình trong Chiến  dịch Đường 9 - Khe Sanh (1968), Đại đội 2 Tiểu đoàn 901 làm nhiệm vụ nghi  binh chiến dịch đã thực hiện nghi binh ở một số trọng điểm. Ở hướng Tây của  chiến dịch, lực lượng nghi binh đã cấu trúc được 13 trận địa pháo giả, 9 trận địa  phục kích bắn máy bay, 13km đường giả, 70 bù nhìn, 5 chiếc cầu giả bắc qua  sông, 20km cột và dây điện thoại giả, 6 mục tiêu mang cần ăngten vô tuyến điện,  24 kho và lán giả, 6.180 giờ dùng lửa bếp và trực lửa bếp đốt điểm khói và gây  ánh lửa, làm hàng trăm mét tuyến công sự ẩn nấp, bảo đảm an toàn cho một tuyến  cơ động của mặt trận, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị chiến đấu. Chỉ tính  trong đợt 1 của chiến dịch, số bom đạn địch đánh vào các khu vực nghi binh trận  địa giả là 1.225 loạt bom, 8.325 loạt pháo, 79 loạt B52, 180 quả bom cháy, 130  loạt rốc két, 52 loạt tên lửa. Lực lượng nghi binh đã bắn bị thương 1 máy bay  địch. Ở hướng Đông của chiến dịch, nghi binh được tổ chức ở Trung đoàn 270,  các Trung đoàn pháo 204, 218. Kết quả đã làm được 374 cụm khói, 943 điểm  khói, tạo ra màn khói tại 44 trận địa giả, thu hút 21 giờ địch đánh bom, 24 giờ  địch đánh pháo.

Ở miền Bắc, từ 1967 đến 1972, BĐHH đã thực hiện 385 trận thả khói, bảo vệ an  toàn các mục tiêu quan trọng. Điển hình: Đại đội 92 thả khói 47 lần ngụy trang  bảo vệ an toàn Nhà máy điện-nước Yên Phụ, Hà Nội (từ 13/6 đến 18/12/1967),  trong quá trình chiến đấu, nhiều cán bộ, chiến sỹ đã nêu cao tinh thần dũng cảm,  kiên cường bám trụ, phát khói liên tục để mục tiêu được bảo vệ an toàn, như  gương chiến dấu hy sinh của Chính trị viên phó đại đội Nguyễn Văn Vi; lái xe  thả khói Đặng Đình Thướng mặc dù bị thương vẫn bình tĩnh lái xe giữ đúng tốc  độ, thả khói che kín mục tiêu; hành động dũng cảm lao lên giữa trận địa, dùng tay  điểm hỏa phát khói bảo vệ Cầu Đuống khi bị địch đánh hỏng hệ thống điểm hỏa  bằng điện (30/7/1972) và anh dũng hy sinh của đồng chí Giang Lệ Bồng đã trở  thành tấm gương tiêu biểu để mọi người học tập noi theo.

**Hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ sản xuất, vận chuyển bảo đảm khí  tài; sửa chữa trang bị, vật tư phòng hóa phục vụ mặt trận** Với tinh thần tất cả vì miền Nam, tất cả cho tiền tuyến, cán bộ, chiến sỹ Kho Khí  tài 61 Hóa học (Kho K61) và Xưởng sửa chữa khí tài 61 (X61) đã cấp phát kịp  thời khối lượng lớn trang bị khí tài hóa học cho chiến trường. Trong 4 năm (1968- 1972) đã cấp phát trên 9.300 tấn hàng, vận chuyển bằng xe gần 335.000 km bảo  đảm an toàn. Nhiều tấm gương lái xe tiêu biểu cho tinh thần khắc phục khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, như gương liệt sỹ Nguyễn Duy Ngà và Nguyễn  Văn Thông, khi hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển hàng tới chiến trường bị máy  bay địch đánh phá, trước lúc hy sinh vẫn giao nhiệm vụ cho người thay thế, đưa  xe về đơn vị an toàn.

Xưởng X61 ngày đêm bám máy, sản xuất và cải tiến 594.603 mặt nạ phòng độc,  15 hòm hóa nghiệm dã chiến; may 45.491 túi đựng mặt nạ. Nghiên cứu chế thử  thành công 3 khuôn mặt nạ cao su và một bộ khuôn mặt nạ K71 của Việt Nam,  kịp thời bổ sung cho chiến trường. Bộ đội Hoá học Miền cũng đã sản xuất hàng  vạn khí tài như: Mặt nạ phòng độc giản đơn, hộp thuốc chống khói độc, thuốc cấp  cứu bỏng phốt pho. Mặt trận Tây Nguyên năm 1968 đã sản xuất 3500 mặt trùm  tự chế trang bị cho cán bộ đại đội trở lên.

**Hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ thu thập tư liệu làm chứng cứ sinh  động tham gia đấu tranh ngoại giao, tố cáo tội ác của Đế quốc Mỹ sử dụng  vũ khí hóa học trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam** Từ 1965 đến 1972, Cục Hoá học thường xuyên cử cán bộ tham gia Tiểu ban Điều  tra tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Cán bộ Hóa học dưới danh nghĩa  chuyên viên đã tiếp trên 50 đoàn khoa học và tổ chức xã hội trên thế giới tìm hiểu  về chiến tranh hóa học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Cục Hoá học đã cung cấp  nhiều tài liệu, tư liệu có giá trị về tội ác chiến tranh hóa học của Mỹ ở Việt Nam  cho Tòa án quốc tế Béctrăng-Rút xen tại Đạn Mạch. Cung cấp tài liệu và tham  luận tại Hội nghị “Ngày nghiên cứu khoa học về chiến tranh hóa học” do Trung  tâm quốc tế tố cáo tội ác chiến tranh tổ chức tại Trường đại học Oroay-Pari (Pháp  tháng 2, 3/1970); đồng thời giới thiệu tình hình chiến tranh hóa học của Mỹ ở  miền Nam Việt Nam cho nhiều Trường đại học và Viện nghiên cứu khoa học ở  Pháp. Tháng 12/1970 tại Pa-ri, cán bộ Cục Hoá học tham gia hội nghị chống chiến  tranh hoá học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã chính thức công bố với thế giới  loại chất độc Đế quốc Mỹ phun rải ở miền Nam Việt Nam là chất diệt cây 2,4D;  2,4,5T và các chất độc kích thích CS, CS1, CS2, làm rõ tác hại của chúng lên con  người và môi trường, có sức thuyết phục các nhà khoa học phương Tây, kể cả  một số nhà khoa học Mỹ. Cũng trong thời gian trên, bộ phim “Chiến tranh hoá  học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam” đã được dùng làm tài liệu tố cáo tội ác của  Mỹ tại Hội nghị quốc tế gồm các nhà khoa học của 16 nước. Cục Hoá học còn  cung cấp tài liệu về chiến tranh hóa học tại Việt Nam cho Hội nghị Luật gia quốc  tế tổ chức ở Pháp (1968); Tổ chức quốc tế điều tra tội ác chiến tranh ở Stốckhom Thụy Điển (1969-1971); Hội nghị quốc tế chống vũ khí hạt nhân, hóa học ở

Béclin-Cộng hòa dân chủ Đức (1971); Tòa án quốc tế Béctrăng-Rútxen tại Oslo Na Uy (1971); Hội nghị quốc tế chống ô nhiễm môi trường tại Thụy Điển (1972). Những hoạt động của Bộ đội Hoá học trên mặt trận đấu tranh chính trị, ngoại giao  đã góp phần thức tỉnh lương tâm của nhân loại tiến bộ. Trước làn sóng đấu tranh  mạnh mẽ trên thế giới, ngày 26/12/1970 Tổng thống Mỹ Ních-xơn đã phải ra lệnh

huỷ bỏ việc phun rải các loại chất độc diệt cỏ ở miền Nam Việt Nam. **Hoàn thành đặc biệt xuất sắc công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật phòng  hoá phục vụ kịp thời nhiệm vụ chiến đấu.**

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, công tác nghiên cứu kỹ thuật, bảo  đảm khí tài trang bị đã bám sát hoạt động tác chiến trên các chiến trường và được  đẩy mạnh trên ba mặt: tận dụng phát huy tác dụng khí tài hiện đại chế sẵn, nghiên  cứu cải tiến cho thích hợp với điều kiện Việt Nam; kết hợp hiện đại với thô sơ  ứng dụng; tích cực cải tiến vũ khí, trang bị thu được của địch, bổ sung cho chiến  trường, phục vụ và bảo đảm chiến đấu thắng lợi.

Binh chủng đã tích cực nghiên cứu, cải tiến một số khí tài trang bị phù hợp, gọn,  nhẹ, dễ mang vác, cơ động như mặt trùm KT-69, M04 cải tiến (thành hộp lọc Việt  Nam), gạc tẩm sun fát đồng; cải tạo súng phun lửa nhẹ, hộp kiểm tra đo điện, hòm  hoá nghiệm dã chiến, khuôn mặt nạ, mặt nạ cao su Việt Nam, than, giấy... Nghiên  cứu cách tạo màn khói chống bom điều khiển bằng lade của Mỹ; nghiên cứu chế  tạo nhiều loại khói màu để thực hiện nhiệm vụ nghi binh cho trận địa tên lửa,  phục vụ diễn tập cho bộ binh . . . Nghiên cứu các chất cháy để đóng chai cháy,  mìn cháy, đạn cối cháy, sản xuất hàng ngàn mồi cháy phục vụ cho thả khói ngụy  trang bảo vệ các mục tiêu trên miền Bắc.

Cùng với việc tập trung nghiên cứu phục vụ chiến trường, Binh chủng đã tiến  hành phân tích chất độc diệt cây. Phân tích, xét nghiệm và tổ chức khắc phục  những vụ nhiễm độc do máy bay địch phun rải ở Vĩnh Linh, Quảng Bình, Hòa  Bình... Nghiên cứu, sử dụng một số nguyên liệu sẵn có trong nước để phục vụ  cho sản xuất than hoạt tính, giấy lọc, cao su nhiệt đới hóa...đạt chất lượng tốt  không kém hàng nhập ngoại và hàng viện trợ. Kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ  thuật của Binh chủng không chỉ phục vụ nhiệm vụ chiến đấu trên chiến trường,  mà còn phục vụ tích cực nhiệm vụ xây dựng CNXH ở miền Bắc.

**NHỮNG THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐẤT  NƯỚC (1986-2015)**

**Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ điều tra, thu gom, xử lý chất độc tồn lưu sau  chiến tranh, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của đất nước** Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, từ năm 1961 đến 1971, quân đội Mỹ đã  sử dụng khoảng 74 triệu lít các chất diệt cỏ, trong đó có khoảng 45 triệu lít chất  da cam (ước tính chứa hơn 170 kg dioxin - chất có độc tính cao nhất được biết  cho đến nay) và hơn 9.000 tấn chất độc CS cùng với đạn dược chứa chất độc CS;  làm 4,8 triệu người bị phơi nhiễm và môi trường sinh thái bị huỷ hoại. Hậu quả  chiến tranh do Mỹ gây ra cho nhân dân ta rất nặng nề. Binh chủng Hóa học được  giao nhiệm vụ điều tra, thu gom, xử lý chất độc hoá học tồn lưu sau chiến tranh,  đây là nhiệm vụ chiến đấu thời bình. Với tinh thần trách nhiệm, ý chí quyết tâm

cao, trình độ chuyên môn sâu, cán bộ, chiến sỹ hóa học không quản độc hại, nguy  hiểm, trực tiếp điều tra, thu gom, xử lý triệt để hàng trăm tấn tấn chất độc CS và  đạn dược chứa CS trên địa bàn thuộc các Quân khu 4, 5, 7, 9. Đặc biệt, năm 2005  đã xử lý xoá bỏ được điểm nóng về ô nhiễm chất độc CS tại Khu vực 8, phường  Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (Bình Định).

Binh chủng đã tự nghiên cứu, lựa chọn công nghệ xử lý triệt để dioxin trong đất  và trầm tích phù hợp điều kiện Việt Nam và được ứng dụng thành công trong xử  lý chất da cam/dioxin. Điển hình là: Chủ trì thực hiện chôn lấp, cô lập cách ly  được gần 100.000m3 đất nhiễm chất độc hoá học/dioxin trên diện tích 4,3ha tại  sân bay Biên Hoà (Dự án XĐ-1), ngăn cản phát tán dioxin ra môi trường xung  quanh, góp phần cải thiện môi trường, bảo vệ sức khoẻ cho bộ đội và nhân dân  trong khu vực. Từ năm 2014, Binh chủng tiếp tục được Bộ giao thực hiện dự án  XĐ-2 đào xúc, vận chuyển, chôn lấp, cô lập cách ly khoảng hơn 50.000m3 đất  nhiễm chất độc tại sân bay Biên Hoà (Đồng Nai). Chủ trì thực hiện dự án điều  tra, đánh giá mức độ ô nhiễm chất độc da cam/dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến  tranh ở Việt Nam tại 7 sân bay (Đà Nẵng, Phù Cát, Nha Trang, Tuy Hoà, Phan  Rang, Tân Sơn Nhất, Biên Hoà) và đề xuất các giải pháp xử lý; kết quả của dự án  này được Văn phòng Ban Chỉ đạo 33/Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật  trong Báo cáo tổng thể về tình hình ô nhiễm dioxin tại 3 “điểm nóng”: Sân bay  Biên Hoà, Đà Nẵng và Phù Cát vào tháng 11/2013.

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giám sát công nghệ dự án Xử lý môi trường ô  nhiễm dioxin tại sân bay Đà Nẵng, do Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ  (USAID) chủ trì thực hiện và Quân chủng Phòng không - Không quân làm chủ  đầu tư. Quá trình giám sát, đã kịp thời phát hiện các sự cố báo cáo chủ đầu tư và  thực hiện các biện pháp khắc phục.

Ngoài ra, còn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ: Tư vấn thiết kế kỹ thuật cho  công trình xử lý đất nhiễm chất độc dioxin tại sân bay Phù Cát (Bình Định). Tư  vấn xây dựng phương án chống lan tỏa tạm thời ô nhiễm chất độc da cam chứa  dioxin khu vực Tây Nam đường băng sân bay Biên Hòa. Chủ trì thẩm định các  công nghệ xử lý đất nhiễm dioxin do các đối tác nước ngoài đề xuất. Tham gia  các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về khắc phục môi trường ô nhiễm  chất độc hóa học da cam/dioxin.

Thành tích xuất sắc trong khắc phục hậu quả chất độc hoá học do Mỹ sử dụng  trong chiến tranh ở Việt Nam đã khẳng định vai trò, vị thế, uy tín của Binh chủng,  thực sự là lực lượng đi tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ khó khăn, phức tạp,  nguy hiểm, độc hại, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Đúng như  lời huấn thị của Nguyên Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cho Binh chủng: *“Ở đâu  có hơi độc, chất độc là các đồng chí đến và những nơi các đồng chí đã đến thì  môi trường phải được trở lại trong sạch, an toàn. Đây là nhiệm vụ chiến đấu của  các đồng chí trong thời bình... Các đồng chí đã, đang và sẽ mãi mãi góp phần  làm sáng ngời hình ảnh Bộ đội Cụ Hồ trong điều kiện mới”*.

**Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xử lý sự cố hoá chất độc-xạ, bảo vệ môi  trường, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đẩy mạnh sự nghiệp  CNH, HĐH đất nước**

Bộ đội Hoá học đã thực hiện xuất sắc vai trò tham mưu xây dựng chiến lược bảo  vệ môi trường trong quân đội; làm nòng cốt, tham gia ứng cứu và trực tiếp xử lý  nhiều sự cố hoá chất độc, xạ, bảo vệ môi trường. Trực tiếp xử lý ô nhiễm môi  trường do chôn lấp 350 tấn gia cầm bị dịch cúm H5N1 ở Hà Tây (cũ); xử lý ô  nhiễm môi trường do chôn lấp không đúng quy trình hàng trăm ngàn con lợn chết  do dịch tai xanh ở Thanh Hoá; xử lý ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật ở Hà Nội,  Lạng Sơn, Bắc Giang; tham gia cứu hộ, cứu nạn do ngạt khí độc tại xã Thái Học,  Nguyên Bình (Cao Bằng); xử lý sự cố hóa chất độc của tàu nước ngoài ở Cảng  Chùa Vẽ (Hải Phòng); xử lý sự cố nổ hoá chất tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện  Hải Phòng... Thiết kế, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, khí thải cho nhiều khu  công nghiệp và y tế trong và ngoài quân đội; các hệ thống xử lý nước cố định và  cơ động cho các đồn biên phòng, đơn vị quân đội đóng quân vùng sâu, vùng xa  và nhân dân vùng bị bão lụt…

Quan trắc, cảnh báo diễn biến tác động hoá học, phóng xạ trong không khí ở các  mục tiêu, địa bàn quan trọng, như: Quảng trường Ba Đình, Sân bay Nội Bài, khu  quân sự Sơn Tây-Hòa Lạc, các quân cảng, các công trình chiến đấu, các cơ sở  công nghiệp. Kiểm soát môi trường không khí 24/24 tại thành phố lớn.

Phân tích, kết luận các mẫu hoá chất, phóng xạ lạ ở Đồng Nai, Bình Định, Huế,  Phú Yên, Hà Nội, Hoà Bình... góp phần ổn định dư luận và cuộc sống của nhân  dân, Điển hình là vụ thất thoát nguồn phóng xạ trong sản xuất công nghiệp tại  phường Bạch Đằng (Hà Nội) tháng 8/2006, cùng các lực lượng điều tra, thu hồi,  tẩy xạ trên 10 tấn vật liệu nghi nhiễm xạ và kiểm tra 255 người. Vụ ở Thừa Thiên  - Huế năm 2007, có 57 người bị phồng rộp, phải đưa cấp cứu, dẫn tới sự hoảng  loạn trên diện rộng, Binh chủng Hoá học đã phân tích, kết luận được nguyên nhân  gây hại và hướng dẫn địa phương quy trình xử lý, giúp địa phương ổn định tình  hình.

**Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị trọng tâm sẵn sàng chiến đấu, huấn  luyện, đào tạo, nâng cao sức mạnh chiến đấu của Binh chủng *\* Hoàn thành xuất sắc chức năng tham mưu cho Quân uỷ Trung ương, Bộ  Quốc phòng về xây dựng, phát triển tiềm lực phòng hoá.*** Nắm vững chức năng,  nhiệm vụ của một Binh chủng vừa chiến đấu, vừa bảo đảm, Binh chủng đã chủ  động, tích cực tham mưu, đề xuất với Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng các  giải pháp xây dựng và phát triển tiềm lực phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn cân  đối vững chắc trên các hướng, địa bàn chiến lược, sẵn sàng bảo đảm cho LLVT  đánh thắng chiến tranh trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, vũ khí  huỷ diệt lớn cũng như trong các thách thức an ninh phi truyền thống (hoạt động  khủng bố, sự cố, thảm hoạ hoá chất, sinh học, phóng xạ, hạt nhân...). Chủ động  tham mưu, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến  lĩnh vực hoá học, phóng xạ trong thi hành các Luật: Quốc phòng, Dân quân tự vệ,  Bảo vệ môi trường, Hoá chất, Năng lượng nguyên tử... Hướng dẫn công tác phòng

hoá thực hiện Nghị định 117 của Chính phủ và Thông tư 10 của Bộ Quốc phòng  về Phòng thủ dân sự... Tham mưu xây dựng nội dung phòng chống vũ khí huỷ  diệt lớn vào chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh cho các  đối tượng.

Chủ động tham mưu xử lý tốt việc thực hiện các Công ước quốc tế về kiểm soát  và cấm phổ biến vũ khí hoá học, hạt nhân. Trực tiếp hướng dẫn, chuẩn bị nội  dung và tham gia phục vụ hoạt động thanh sát quốc tế tại các cơ sở hoá chất trên  các địa bàn, vừa đúng luật pháp quốc tế, vừa bảo đảm an ninh quốc gia.

***\* Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu.*** Binh chủng thường xuyên  quán triệt, giáo dục cho cán bộ chiến sỹ nhận thức sâu sắc nhiệm vụ, nêu cao tinh  thần cảnh giác, duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định,  thường xuyên luyện tập thành thạo các phương án tác chiến, không để bị động  bất ngờ, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mọi tình huống.  Tích cực chủ động nghiên cứu nắm chắc tình hình các mục tiêu đảm nhiệm, xây  dựng các phương án chiến đấu, các tình huống địch có thể sử dụng tác nhân, hoá  học, sinh học, phóng xạ và các sự cố hoá chất độc xạ có thể xảy ra để dự kiến các  biện pháp xử lý thích hợp, hiệu quả. Trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu của  toàn Binh chủng không ngừng được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ  bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn các mạng mới. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ  tham gia bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu khi diễn ra các sự kiện chính trị,  văn hoá quan trọng của Đảng, đất nước và quốc tế diễn ra ở Việt Nam.

Tổ chức hàng trăm cuộc diễn tập từ cấp Tiểu đoàn đến cấp Trung đoàn theo các  phương án sẵn sàng chiến đấu, tham gia nhiều cuộc diễn tập hiệp đồng quân, binh  chủng; phối hợp thực hiện nhiều cuộc diễn tập chống khủng bố, chống bạo loạn  lật đổ, diễn tập ứng phó sự cố hoá chất độc-xạ, cứu hộ, cứu nạn... bảo đảm an  toàn tuyệt đối về người và trang bị.

***\* Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu.*** Binh chủng luôn chỉ  đạo chặt chẽ công tác huấn luyện chiến đấu cho các đối tượng huấn luyện phòng  hoá chuyên môn, phòng hoá phổ thông và dân quân tự vệ... Trong tổ chức thực  hiện đã bám sát phương châm "Cơ bản, thiết thực, vững chắc", thực sự, thực tế.  Tích cực nghiên cứu, đổi mới hình thức, phương pháp huấn luyện, tăng cường  huấn luyện thực hành, huấn luyện chuyên sâu sử dụng thành thạo VKTBKT có  trong biên chế, làm chủ vũ khí trang bị, khí tài mới, hiện đại. Tập trung huấn  luyện chống khủng bố, xử lý chất độc tồn lưu sau chiến tranh, ứng cứu sự cố hoá  chất độc, phóng xạ, hạt nhân và khắc phục hậu quả môi trường, cứu hộ, cứu nạn...  theo các kịch bản, sát với các tình huống xảy ra trong thực tiễn. Hằng năm, Binh  chủng đều hoàn thành 100% các nội dung huấn luyện theo quy định, kết quả  100% đạt yêu cầu, có trên 85% khá giỏi. Các đơn vị hoá học toàn quân đều đạt  tiêu chuẩn huấn luyện chuyên môn Binh chủng giỏi.

Tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng về nội dung phòng hoá cho hàng nghìn  lượt cán bộ ở Trung ương và địa phương; huấn luyện phòng hoá cho hàng chục  nghìn lượt quân dự bị động viên; huấn luyện phòng hoá phổ thông cho sinh viên,  học sinh nhiều trường đại học, trường phổ thông. Ngoài ra còn giúp các cơ quan

chức năng Bộ Quốc phòng, Chính phủ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các cuộc  diễn tập cứu hộ, cứu nạn về hoá học, phóng xạ...

***\* Hoàn thành xuất sắc công tác đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ,  nhân viên chuyên môn đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách  mạng mới.*** Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh Binh chủng thường xuyên lãnh đạo xây dựng  lực lượng nòng cốt về phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn cho quân đội và quốc gia.  Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên chuyên  môn kỹ thuật hoá học. Chỉ đạo Trường Sỹ quan Phòng hoá, các Khoa, Bộ môn  hoá học của các Học viện, nhà trường trong quân đội chú trọng nâng cao chất  lượng huấn luyện đào tạo phòng hoá, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ phòng  hoá trong toàn quân. Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo tại chỗ với tại trường, tích cực  luân chuyển để rèn luyện toàn diện đội ngũ cán bộ; tuyển chọn, gửi cán bộ, nhân  viên chuyên môn đi đào tạo, bồi dưỡng tại các học viện, nhà trường trong và ngoài  Quân đội, đào tạo ở nước ngoài. Đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn hoá học  thường xuyên bảo đảm đủ về số lượng, chất lượng không ngừng được nâng cao;  tỷ lệ cán bộ đạt trình độ đại học tăng từ 42,82% (1997) lên 96,40% (2015), trong  đó sau đại học 17,2%; cán bộ, nhân viên ở cơ quan, đơn vị đều hoàn thành tốt  chức trách nhiệm vụ.

Hoàn thành xuất sắc công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến  kỹ thuật; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu,  bảo đảm trang bị, bảo đảm kỹ thuật phục vụ tốt nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất  nước và bảo vệ Tổ quốc

Ngay sau khi đất nước thống nhất, Binh chủng Hoá học đã cử cán bộ tiếp quản lò  phản ứng hạt nhân Đà Lạt, phối hợp nghiên cứu, quản lý làm tiền đề cho phát  triển công nghiệp điện hạt nhân ngày nay.

Binh chủng luôn bám sát thực tiễn, yêu cầu đòi hỏi của nhiệm vụ huấn luyện, sẵn  sàng chiến đấu, xây dựng và phát triển tiềm lực phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn,  bảo vệ môi trường... Nghiên cứu hơn 170 đề tài, biên soạn hơn 330 tài liệu, giáo  trình, hơn 1000 mục từ điển Bộ đội Hoá học, trong đó 87 đề tài xuất sắc, được  ứng dụng trong thực tiễn huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xử lý chất độc hoá học  tồn lưu sau chiến tranh, bảo đảm trang bị thay thế nhập ngoại, đạt hiệu quả thiết  thực. Điển hình: Đề tài “Nghệ thuật sử dụng Bộ đội Hoá học trong chiến tranh  Bảo vệ Tổ quốc”; “Sử dụng Bộ đội Hoá học trong chống bạo loạn lật đổ”;  “Nghiên cứu tổ chức, hoạt động của lực lượng hóa học chống khủng bố”; “Tổ  chức bảo đảm Phòng hóa trong chiển tranh Bảo vệ Tổ quốc”. “Quy trình tổ chức  xử lý sự cố môi trường do hoá chất độc xạ gây nên”; “Nghiên cứu quy trình xử  lý chất độc CS tồn lưu sau chiến tranh”; “Nghiên cứu lựa chọn công nghệ khả thi  để xử lý đất nhiễm dioxin trong điều kiện Việt Nam”; “Nghiên cứu quy trình công  nghệ tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật quá hạn sử dụng”. Cụm công trình “Phương  tiện và công cụ hỗ trợ phòng chống bạo loạn” được Giải thưởng Nhà nước về  Khoa học Công nghệ năm 2005 và Xe thả khói KH-01 được giải Ba về sáng tạo  khoa học cấp Quốc gia năm 2009.

Trong nhiều năm qua, Binh chủng Hoá học đã nghiên cứu, ứng dụng hàng trăm  sáng kiến, giải pháp sáng tạo kỹ thuật vào sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị kỹ  thuật, mô hình học cụ phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xử lý  chất độc tồn lưu sau chiến tranh... Hầu hết các sáng kiến, giải pháp kỹ thuật đều  có giá trị thực tiễn cao, được nhân rộng phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng  chiến đấu và bảo đảm trang bị kỹ thuật cho toàn quân đạt hiệu quả cao, tiết kiệm  được hàng trăm tỷ đồng ngân sách.

Đầu tư, làm chủ công nghệ, sản xuất được nhiều loại trang bị hoá học mới bằng  vật liệu trong nước, thay thế hàng nhập ngoại trang bị cho toàn quân. Đã sản xuất  được hầu hết phụ tùng thay thế của các trang bị hoá học có trong biên chế không  phải nhập ngoại... góp phần nâng cao tiềm lực trang bị hoá học từ nguồn lực trong  nước và khẳng định vai trò, năng lực của Binh chủng Hoá học trong tham gia sản  xuất công nghiệp quốc phòng.

Thành tích nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật của Binh chủng đã  thực sự góp phần hiện đại hoá vũ khí, trang bị kỹ thuật hoá học phù hợp với đặc  điểm tự nhiên và nghệ thuật tác chiến của quân đội ta, thay thế nguồn nhập ngoại, làm lợi về kinh tế hàng trăm tỷ đồng, đóng góp tích cực vào việc làm giàu tri thức  quân sự Việt Nam.

Binh chủng luôn chấp hành nghiêm chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật  Nhà nước, kỷ luật Quân đội. Chủ động, tích cực xây dựng bản lĩnh chính trị, tổ  chức Đảng, tổ chức chính quyền và các tổ chức quần chúng vững mạnh. Chăm lo  tốt đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội và làm tốt công tác dân vận

Binh chủng đã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục  chính trị, giữ vững định hướng tư tưởng. Tập trung quán triệt sâu sắc đường lối  quan điểm của Đảng, Pháp luật Nhà nước, nhiệm vụ của Quân đội, của Binh  chủng trong tình hình mới; đã thể hiện tốt phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, thực sự gắn  bó máu thịt với nhân dân, sẵn sàng hy sinh thầm lặng, chấp nhận thiệt thòi vì một  môi trường an toàn, trong sạch và cuộc sống yên bình của nhân dân. Thực hiện  có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với  thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) và Cuộc vận động “Phát huy truyền  thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”; cán bộ, chiến sĩ, QNCN,  CNVCQP luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh  đạo của Đảng, sự nghiệp đổi mới đất nước, trung thành với Chủ nghĩa Mác Lênin,  tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa  xã hội; sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ ở nơi gian khổ, khó  khăn, độc hại, nguy hiểm. Hàng nghìn lượt cán bộ, chiến sỹ hoá học tình nguyện  xung phong vào các phân đội chiến đấu phòng chống khủng bố, xử lý chất độc  tồn lưu sau chiến tranh, công tác ở Trường Sa và các địa bàn khó khăn với ý chí  quyết tâm cao, trách nhiệm tốt, không có biểu hiện thoái thác nhiệm vụ, ngại nguy  hiểm, gian khổ.

Các tổ chức Đảng, tổ chức chỉ huy, tổ chức quần chúng luôn được chăm lo kiện  toàn củng cố vững chắc. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức  Đảng không ngừng được nâng cao, khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ của chỉ

huy và các tổ chức quần chúng ngày càng tiến bộ, chất lượng Đảng viên, tổ chức  Đảng phân tích hàng năm có trên 95% tổ chức Đảng đạt TSVM, không có tổ chức  Đảng yếu kém, đảng viên hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ trung  bình hằng năm đạt trên 85%, thực sự là hạt nhân lãnh đạo, đoàn kết ở đơn vị cơ  sở; các tổ chức quần chúng có từ 87 đến 99% đạt vững mạnh.

Chủ động phối hợp với các địa phương tham gia có hiệu quả các phong trào, các  cuộc vận động lớn của Đảng và Nhà nước như phong trào “Xây dựng nông thôn  mới”, “Toàn quân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu vực dân cư”, “Đền ơn  đáp nghĩa”, “Xoá đói giảm nghèo”, “Hiến máu nhân đạo”... Đặc biệt, phát huy  kiến thức chuyên môn của mình, đã giúp đỡ nhân dân bảo vệ môi trường, phát  triển triển sản xuất, ổn định đời sống. Binh chủng đã tham gia tích cực vào việc  tuyên truyền, cung cấp tư liệu cho việc đấu tranh đòi công lý cho các nạn nhân da  cam/dioxin Việt Nam.

Từ thực tế đời sống sinh hoạt bộ đội còn nhiều khó khăn, Binh chủng đã kết hợp  đầu tư của trên với động viên sự nỗ lực cố gắng về công sức của bộ đội để xây  dựng củng cố đơn vị. Hệ thống doanh trại được đầu tư xây dựng cơ bản khang  trang, sạch đẹp, chính quy; trên 80% bếp ăn đơn vị có hệ thống nước nóng sử  dụng năng lượng mặt trời, 100% bộ đội các đơn vị phía Bắc được tắm nước nóng  mùa đông. Tổ chức có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua “Ngành  Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”, phong trào “Đơn vị quản lý tài chính  tốt”; phong trào “Chiến sỹ quân y làm theo lời Bác”, phong trào “Xây dựng doanh  trại chính quy, xanh, sạch, đẹp”. Các đơn vị đã khắc phục khó khăn, phát huy lợi  thế của mình làm dịch vụ khoa học kỹ thuật, tổ chức tốt phong trào tăng gia sản  xuất; trồng và chăm sóc hàng chục hec-ta cao su, cà phê, điều; liên tục phát triển  đàn gia súc, gia cầm, ao cá, thu hàng tỷ đồng đưa vào cải thiện đời sống bộ đội.  Đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ chiến sỹ trong Binh chủng ngày càng được  nâng cao, môi trường văn hoá tốt, không có tệ nạn xã hội, văn hoá phẩm xấu độc  xâm nhập vào đơn vị.

Những thành tích xuất sắc Binh chủng Hoá học đạt được trong thời kỳ đổi mới  có ý nghĩa chính trị, xã hội to lớn và sâu sắc, tiếp nối truyền thống vẻ vang ***“Phòng  chống tốt, chiến đấu giỏi”***; khẳng định vị thế, vai trò của Bộ đội Hóa học trong  thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu,

nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Binh chủng Hóa học thành lập ngày 19 tháng 4 năm 1958, thực hiện chức năng  quản lý nhà nước về quốc phòng trong lĩnh vực phòng chống vũ khí hạt nhân, vũ  khí hóa học, vũ khí sinh học; thực hiện chức năng cơ quan chủ nhiệm Hóa học  trong quân đội đối với công tác xây dựng lực lượng hóa học; chỉ đạo huấn luyện,  đào tạo, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu; bảo đảm trang bị kỹ thuật phòng hóa  toàn quân; chỉ huy quản lý các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Tham mưu, đề xuất  với cấp trên về các chủ trương, chính sách, biện pháp xây dựng lực lượng hóa học  trong quân đội và dân quân, tự vệ Phòng hóa. Đề xuất ban hành các văn bản về  công tác phòng hóa. Chủ trì thực hiện quan trắc, trinh sát, thông báo liên quan  đến chất độc, chất phóng xạ; thực hiện vai trò nòng cốt sẵn sàng chiến đấu, đối

phó thắng lợi với các tình huống hoá học, phóng xạ trước những thách thức an  ninh phi truyền thống như: Khủng bố, sự cố thảm họa hoá học, sinh học, phóng  xạ, hạt nhân; xử lý chất độc tồn lưu sau chiến tranh; tham gia bảo vệ môi trường  sinh thái... Tổ chức lực lượng hóa học đảm bảo cho các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn  sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn; xây dựng lực lượng hóa học đảm bảo hoàn thành  tốt mọi nhiệm vụ được giao. Xây dựng các đơn vị trực thuộc VMTD, thực hiện  các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và cấp có thẩm quyền giao cho. Kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam anh  hùng, gần 60 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà  trực tiếp là Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, sự tin yêu, đùm bọc, che chở  của nhân dân các địa phương nơi Binh chủng đóng quân, công tác, sự nỗ lực phấn  đấu không ngừng của cán bộ, chiến sỹ, Binh chủng Hóa học ngày càng lớn mạnh,  trưởng thành và lập nhiều chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến  đấu, huấn luyện và công tác.

**NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT XUẤT SẮC TRONG KHÁNG CHIẾN  CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1958-1975)**

**Binh chủng đã hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ xây dựng phát triển  lực lượng, huấn luyện phòng hoá phổ thông cho các LLVT và nhân dân, làm  nòng cốt bảo đảm hoá học phục vụ chiến đấu, hướng dẫn phát hiện và khắc  phục kịp thời hậu quả địch sử dụng vũ khí hoá học, giảm thiểu tổn thất cho  lực lượng ta**

Quán triệt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối quân sự của Đảng; ngay từ  khi mới ra đời, Bộ đội Hóa học (BĐHH) đã nhanh chóng xây dựng và phát triển  lực lượng; đào tạo, bồi dưỡng hàng ngàn cán bộ, hạ sỹ quan, nhân viên chuyên  môn kỹ thuật Hoá học đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng và bảo đảm phòng  hóa. Song song với đẩy mạnh xây dựng và phát triển lực lượng sẵn sàng bảo vệ  miền Bắc, Binh chủng đã tích cực chuẩn bị và tổ chức chi viện cho miền Nam,  nhiều đoàn cán bộ, chiến sĩ bí mật vượt Trường Sơn vào Nam, xây dựng lực lượng  Hóa học trong Quân Giải phóng làm nòng cốt phòng chống vũ khí hoá học cho  lực lượng vũ trang và nhân dân: Thành lập Phòng Hóa học Miền, Ban hóa học  Khu 9, Ban hóa học Tây Nguyên… Từ đó, hình thành hệ thống cơ quan, đơn vị  phòng hóa trong toàn quân, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm phòng  hoá cho lực lượng vũ trang và nhân dân, sớm cùng với toàn quân, toàn dân bước  vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bảo vệ Miền Bắc, giải phóng Miền  Nam thống nhất Tổ quốc.

Với tinh thần chiến đấu ngoan cường, không ngại hy sinh, gian khổ, độc hại,  BĐHH đã nhanh chóng có mặt ở những nơi bị địch tập kích chất độc hoá học làm  nòng cốt hướng dẫn các LLVT và nhân dân thực hiện các biện pháp phòng chống,  giảm thiểu thiệt hại, đảm bảo lương thực, thực phẩm để duy trì cuộc sống bộ đội  và nhân dân trên các địa bàn. Trên tuyến đường Trường Sơn, BĐHH luôn có mặt  trên các cung đường, các trọng điểm để tổ chức huấn luyện phòng hóa cho các  lực lượng và nhân dân. Nhờ được trang bị kiến thức phòng hoá, bộ đội và nhân  dân đã chủ động thực hiện tốt các biện pháp phòng tránh, khắc phục hậu quả chất

độc hoá học của địch, góp phần bảo toàn lực lượng, giữ vững mạch máu giao  thông, bảo đảm vận chuyển kịp thời vũ khí, vật chất chi viện cho các chiến trường. Trong các chiến dịch, các trận chiến đấu, BĐHH luôn chủ động tham mưu, đề  xuất giúp người chỉ huy chỉ đạo, hướng dẫn, làm nòng cốt bảo đảm phòng hóa,  nhờ vậy, bộ đội không bị động, bất ngờ khi địch tập kích chất độc hóa học, bảo  toàn lực lượng, góp phần vào thắng lợi của chiến dịch, trận đánh. Điển hình như  các chiến dịch: *Chiến dịch Đường 9-Khe Sanh (20/01-15/7/1968),* các phân đội  phòng hóa đã hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ làm nòng cốt bảo đảm phòng  hóa cho các lực lượng, góp phần vào thắng lợi chung của Chiến dịch. *Chiến dịch  phản công Đường 9-Nam Lào (30/01-23/3/1971),* đã chủ động, tích cực, khẩn  trương chuẩn bị mọi mặt cho công tác phòng hóa, hình thành hệ thống từ cơ quan  phòng hóa chiến dịch đến các sư đoàn, binh chủng, các hướng, các mũi… bảo  đảm cho bộ đội đủ khả năng giữ vững sức chiến đấu theo nhịp độ chung của chiến  dịch. *Chiến dịch tiến công Trị-Thiên (30/3-27/6/1972)*, trong điều kiện bảo đảm  phòng hoá quy mô lớn, nhiều đối tượng khác nhau, lực lượng hoá học đã tập trung  bảo đảm cho hướng tiến công chủ yếu, lực lượng quan trọng của chiến dịch. Khi  tình huống hoá học xảy ra đã nhanh chóng chủ động đề xuất các biện pháp, huy  động mọi lực lượng, mọi phương tiện để khắc phục hậu quả. Do làm tốt công tác  phòng chống nên phần lớn các đợt tập kích của địch đều không gây ảnh hưởng  tới mức làm mất sức mạnh chiến đấu của bộ đội. *Cuộc tổng tiến công và nổi dậy  Xuân 1975:* Cục Hoá học đã chỉ đạo khẩn trương chuẩn bị mọi mặt công tác bảo  đảm phòng hoá ba thứ quân. Công tác chuẩn bị tích cực, chu đáo về mặt phòng  hoá trên các chiến trường đã góp phần hạn chế, ngăn chặn việc sử dụng vũ khí  hóa học của địch; giúp các quân khu, quân đoàn, quân, binh chủng giữ gìn phát  triển lực lượng thần tốc, tổng tiến công giành thắng lợi.

**Hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ sử dụng súng phun lửa để tiêu diệt  địch**

Sử dụng súng phun lửa tham gia đánh địch là một trong những chức năng, nhiệm  vụ quan trọng của BĐHH. Trên các chiến trường, các phân đội phun lửa góp phần  giải quyết những vấn đề có tính then chốt, có tác động trực tiếp đến tốc độ tiến  công của các lực lượng trong trận đánh, nhất là giải quyết các tình huống chiến  đấu trước cửa mở, tiêu diệt các hỏa điểm, hầm ngầm, các phương tiện cơ giới...  tạo điều kiện và thời cơ cho bộ binh và xe tăng vượt cửa mở, thọc sâu, phát triển  chiến đấu. Tiêu biểu như:

*Chiến dịch Đồng Xoài (10/5-22/7/1965)*, phân đội Phun lửa thuộc Phòng Hoá học  Miền phối thuộc cho d2, d4/e272 trong đợt 2, đợt 3 chiến dịch, đã diệt 3 lô cốt,  nhiều nhà xe, góp phần tiêu diệt chi khu quân sự Đồng Xoài. Đây là lần đầu tiên  Binh chủng bảo đảm phòng hóa chiến dịch đạt kết quả tốt, đặc biệt là đã chủ động  đưa phân đội súng phun lửa tham gia chiến đấu lập công xuất sắc, mở ra khả năng  đánh địch bằng vũ khí đặc chủng của BĐHH.

*Mùa khô 1966 -1967,* phân đội Phun lửa Mặt trận Đường 9-Bắc Quảng Trị tham  gia chiến đấu, diệt 6 xe tăng, xe bọc thép, đốt cháy 1 kho xăng, 1 kho đạn và tiêu  diệt 64 tên địch.

*Từ năm 1967 đến năm 1969,* phân đội Phun lửa Sư đoàn 2 đã đánh 24 trận, hoàn  thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ; riêng năm 1969 đánh 6 trận được tặng thưởng  4 Huân chương chiến công giải phóng. Trong trận Đồi Tranh (Quảng Nam), phân  đội đã diệt một lô cốt, một hỏa điểm, 30 tên địch. Phân đội phun lửa Mặt trận 4  Quảng Đà năm 1969 đánh 14 trận trong đó 7 trận phối hợp với bộ đội chủ lực, 7  trận phối hợp với bộ đội địa phương, diệt 100 tên địch có 1 đại úy Mỹ...

*Chiến dịch Đường 9-Khe Sanh (20/01-15/7/1968)*, trong trận Làng Vây, các phân  đội Phun lửa phối thuộc cho các Sư đoàn 304 và 325 tiêu diệt và uy hiếp lô cốt  đầu cầu, mở cửa, tạo điều kiện cho các lực lượng đột kích thọc sâu tiêu diệt địch,  làm chủ cứ điểm Làng Vây. Sau chiến dịch, Đại đội 91 Tiểu đoàn 902 tiếp tục  hoạt động trên địa bàn Quảng Trị; ngày 24/4/1969 phối hợp với đặc công Sư đoàn  304 tập kích cụm bộ binh cơ giới Mỹ-Ngụy tại Làng Vây mới, diệt 4 ụ súng, 1 xe  tăng và 22 tên địch, đốt cháy 7 nhà bạt.

*Chiến dịch phản công Đường 9-Nam Lào (30/01-23/3/1971),* Đại đội 91 phun lửa  thuộc Tiểu đoàn 902 được tăng cường đã tham gia chiến đấu hàng chục trận, tiêu  diệt nhiều hỏa điểm, bắn cháy 4 xe tăng, 4 xe bọc thép, 243 tên Mỹ, ngụy. Tiêu  biểu trong trận chốt chặn địch rút chạy từ Bản Đông về Lao Bảo (17/3/1971),  phân đội Phun lửa do đồng chí Hoàng Văn Vẻ phụ trách phối thuộc cho  eBB36/f308 đã diệt được 4 xe M113 và gần 100 tên địch, góp phần kìm giữ không  cho địch rút chạy khỏi Bản Đông, tạo điều kiện cho đơn vị tập kích tiêu diệt cứ  điểm này.

*Chiến dịch Trị-Thiên (giai đoạn phòng ngự 28/6/1972-31/01/1973)*, phân đội  Phun lửa do đồng chí Thuôn phụ trách được tăng cường cho eBB27 đánh địch ở  chợ Sải (13/11/1972) đã chiến đấu dũng cảm, tiêu diệt 20 tên địch; cũng trong  đêm 13/11/1972, tiểu đội Phun lửa do đồng chí Quý phụ trách tăng cường cho  d2/eBB27 tập kích ở Nại Cửu diệt 01 ổ đại liên, 10 tên địch, tạo điều kiện cho bộ  binh phát triển chiến đấu.

**Hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ sử dụng màn khói ngụy trang, nghi  binh cho bộ đội chiến đấu thắng lợi trên chiến trường miền Nam, hạn chế uy  lực vũ khí hiện đại của địch, bảo vệ an toàn nhiều mục tiêu kinh tế- xã hội  quan trọng của miền Bắc**

Cùng với việc sử dụng súng phun lửa tham gia chiến đấu, BĐHH đã sử dụng màn  khói như một phương tiện để đánh địch, có tác dụng ngụy trang, nghi binh lừa  địch, là một “đội quân” hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động tác chiến, góp phần bảo  toàn lực lượng, che mắt quân địch, thu hút phần lớn bom đạn địch, giảm bớt  thương vong cho bộ đội; tạo nhiều yếu tố thuận lợi cho bộ đội tham gia các chiến  dịch, các trận đánh.

Hoạt động ngụy trang, nghi bình lừa địch bằng màn khói được thực hiện ngay từ  những năm 1967 trên địa bàn Quân khu 4, đã tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội  pháo binh tập kích địch ở Cồn Tiên, Dốc Miếu, Do An…; hoặc làm trận địa giả  đánh lạc hướng thu hút bom đạn địch ở các khu vực Thạch Bàn, Rú Rưng, Vĩnh  Linh… Mùa khô 1966-1967, lực lượng Hóa học các mặt trận đã thả khói tạo nghi

binh, thu hút 2.700 quả bom thường, 149 loạt bom bi, 28 loạt bom cháy, 45.700  quả đạn pháo, 854 quả tên lửa của địch.

Trong các chiến dịch, các trận chiến đấu, BĐHH đã dùng màn khói ngụy trang,  nghi binh, thu hút hàng ngàn tấn bom đạn địch vào các trận địa giả, bảo đảm an  toàn cho bộ đội, xe tăng của ta chiến đấu giành thắng lợi. Điển hình trong Chiến  dịch Đường 9 - Khe Sanh (1968), Đại đội 2 Tiểu đoàn 901 làm nhiệm vụ nghi  binh chiến dịch đã thực hiện nghi binh ở một số trọng điểm. Ở hướng Tây của  chiến dịch, lực lượng nghi binh đã cấu trúc được 13 trận địa pháo giả, 9 trận địa  phục kích bắn máy bay, 13km đường giả, 70 bù nhìn, 5 chiếc cầu giả bắc qua  sông, 20km cột và dây điện thoại giả, 6 mục tiêu mang cần ăngten vô tuyến điện,  24 kho và lán giả, 6.180 giờ dùng lửa bếp và trực lửa bếp đốt điểm khói và gây  ánh lửa, làm hàng trăm mét tuyến công sự ẩn nấp, bảo đảm an toàn cho một tuyến  cơ động của mặt trận, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị chiến đấu. Chỉ tính  trong đợt 1 của chiến dịch, số bom đạn địch đánh vào các khu vực nghi binh trận  địa giả là 1.225 loạt bom, 8.325 loạt pháo, 79 loạt B52, 180 quả bom cháy, 130  loạt rốc két, 52 loạt tên lửa. Lực lượng nghi binh đã bắn bị thương 1 máy bay  địch. Ở hướng Đông của chiến dịch, nghi binh được tổ chức ở Trung đoàn 270,  các Trung đoàn pháo 204, 218. Kết quả đã làm được 374 cụm khói, 943 điểm  khói, tạo ra màn khói tại 44 trận địa giả, thu hút 21 giờ địch đánh bom, 24 giờ  địch đánh pháo.

Ở miền Bắc, từ 1967 đến 1972, BĐHH đã thực hiện 385 trận thả khói, bảo vệ an  toàn các mục tiêu quan trọng. Điển hình: Đại đội 92 thả khói 47 lần ngụy trang  bảo vệ an toàn Nhà máy điện-nước Yên Phụ, Hà Nội (từ 13/6 đến 18/12/1967),  trong quá trình chiến đấu, nhiều cán bộ, chiến sỹ đã nêu cao tinh thần dũng cảm,  kiên cường bám trụ, phát khói liên tục để mục tiêu được bảo vệ an toàn, như  gương chiến dấu hy sinh của Chính trị viên phó đại đội Nguyễn Văn Vi; lái xe  thả khói Đặng Đình Thướng mặc dù bị thương vẫn bình tĩnh lái xe giữ đúng tốc  độ, thả khói che kín mục tiêu; hành động dũng cảm lao lên giữa trận địa, dùng tay  điểm hỏa phát khói bảo vệ Cầu Đuống khi bị địch đánh hỏng hệ thống điểm hỏa  bằng điện (30/7/1972) và anh dũng hy sinh của đồng chí Giang Lệ Bồng đã trở  thành tấm gương tiêu biểu để mọi người học tập noi theo.

**Hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ sản xuất, vận chuyển bảo đảm khí  tài; sửa chữa trang bị, vật tư phòng hóa phục vụ mặt trận** Với tinh thần tất cả vì miền Nam, tất cả cho tiền tuyến, cán bộ, chiến sỹ Kho Khí  tài 61 Hóa học (Kho K61) và Xưởng sửa chữa khí tài 61 (X61) đã cấp phát kịp  thời khối lượng lớn trang bị khí tài hóa học cho chiến trường. Trong 4 năm (1968- 1972) đã cấp phát trên 9.300 tấn hàng, vận chuyển bằng xe gần 335.000 km bảo  đảm an toàn. Nhiều tấm gương lái xe tiêu biểu cho tinh thần khắc phục khó khăn,  hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, như gương liệt sỹ Nguyễn Duy Ngà và Nguyễn  Văn Thông, khi hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển hàng tới chiến trường bị máy  bay địch đánh phá, trước lúc hy sinh vẫn giao nhiệm vụ cho người thay thế, đưa  xe về đơn vị an toàn.

Xưởng X61 ngày đêm bám máy, sản xuất và cải tiến 594.603 mặt nạ phòng độc,  15 hòm hóa nghiệm dã chiến; may 45.491 túi đựng mặt nạ. Nghiên cứu chế thử  thành công 3 khuôn mặt nạ cao su và một bộ khuôn mặt nạ K71 của Việt Nam,  kịp thời bổ sung cho chiến trường. Bộ đội Hoá học Miền cũng đã sản xuất hàng  vạn khí tài như: Mặt nạ phòng độc giản đơn, hộp thuốc chống khói độc, thuốc cấp  cứu bỏng phốt pho. Mặt trận Tây Nguyên năm 1968 đã sản xuất 3500 mặt trùm  tự chế trang bị cho cán bộ đại đội trở lên.

**Hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ thu thập tư liệu làm chứng cứ sinh  động tham gia đấu tranh ngoại giao, tố cáo tội ác của Đế quốc Mỹ sử dụng  vũ khí hóa học trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam** Từ 1965 đến 1972, Cục Hoá học thường xuyên cử cán bộ tham gia Tiểu ban Điều  tra tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Cán bộ Hóa học dưới danh nghĩa  chuyên viên đã tiếp trên 50 đoàn khoa học và tổ chức xã hội trên thế giới tìm hiểu  về chiến tranh hóa học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Cục Hoá học đã cung cấp  nhiều tài liệu, tư liệu có giá trị về tội ác chiến tranh hóa học của Mỹ ở Việt Nam  cho Tòa án quốc tế Béctrăng-Rút xen tại Đạn Mạch. Cung cấp tài liệu và tham  luận tại Hội nghị “Ngày nghiên cứu khoa học về chiến tranh hóa học” do Trung  tâm quốc tế tố cáo tội ác chiến tranh tổ chức tại Trường đại học Oroay-Pari (Pháp  tháng 2, 3/1970); đồng thời giới thiệu tình hình chiến tranh hóa học của Mỹ ở  miền Nam Việt Nam cho nhiều Trường đại học và Viện nghiên cứu khoa học ở  Pháp. Tháng 12/1970 tại Pa-ri, cán bộ Cục Hoá học tham gia hội nghị chống chiến  tranh hoá học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã chính thức công bố với thế giới  loại chất độc Đế quốc Mỹ phun rải ở miền Nam Việt Nam là chất diệt cây 2,4D;  2,4,5T và các chất độc kích thích CS, CS1, CS2, làm rõ tác hại của chúng lên con  người và môi trường, có sức thuyết phục các nhà khoa học phương Tây, kể cả  một số nhà khoa học Mỹ. Cũng trong thời gian trên, bộ phim “Chiến tranh hoá  học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam” đã được dùng làm tài liệu tố cáo tội ác của  Mỹ tại Hội nghị quốc tế gồm các nhà khoa học của 16 nước. Cục Hoá học còn  cung cấp tài liệu về chiến tranh hóa học tại Việt Nam cho Hội nghị Luật gia quốc  tế tổ chức ở Pháp (1968); Tổ chức quốc tế điều tra tội ác chiến tranh ở Stốckhom Thụy Điển (1969-1971); Hội nghị quốc tế chống vũ khí hạt nhân, hóa học ở  Béclin-Cộng hòa dân chủ Đức (1971); Tòa án quốc tế Béctrăng-Rútxen tại Oslo Na Uy (1971); Hội nghị quốc tế chống ô nhiễm môi trường tại Thụy Điển (1972). Những hoạt động của Bộ đội Hoá học trên mặt trận đấu tranh chính trị, ngoại giao  đã góp phần thức tỉnh lương tâm của nhân loại tiến bộ. Trước làn sóng đấu tranh  mạnh mẽ trên thế giới, ngày 26/12/1970 Tổng thống Mỹ Ních-xơn đã phải ra lệnh  huỷ bỏ việc phun rải các loại chất độc diệt cỏ ở miền Nam Việt Nam. **Hoàn thành đặc biệt xuất sắc công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật phòng  hoá phục vụ kịp thời nhiệm vụ chiến đấu.**

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, công tác nghiên cứu kỹ thuật, bảo  đảm khí tài trang bị đã bám sát hoạt động tác chiến trên các chiến trường và được  đẩy mạnh trên ba mặt: tận dụng phát huy tác dụng khí tài hiện đại chế sẵn, nghiên  cứu cải tiến cho thích hợp với điều kiện Việt Nam; kết hợp hiện đại với thô sơ

ứng dụng; tích cực cải tiến vũ khí, trang bị thu được của địch, bổ sung cho chiến  trường, phục vụ và bảo đảm chiến đấu thắng lợi.

Binh chủng đã tích cực nghiên cứu, cải tiến một số khí tài trang bị phù hợp, gọn,  nhẹ, dễ mang vác, cơ động như mặt trùm KT-69, M04 cải tiến (thành hộp lọc Việt  Nam), gạc tẩm sun fát đồng; cải tạo súng phun lửa nhẹ, hộp kiểm tra đo điện, hòm  hoá nghiệm dã chiến, khuôn mặt nạ, mặt nạ cao su Việt Nam, than, giấy... Nghiên  cứu cách tạo màn khói chống bom điều khiển bằng lade của Mỹ; nghiên cứu chế  tạo nhiều loại khói màu để thực hiện nhiệm vụ nghi binh cho trận địa tên lửa,  phục vụ diễn tập cho bộ binh . . . Nghiên cứu các chất cháy để đóng chai cháy,  mìn cháy, đạn cối cháy, sản xuất hàng ngàn mồi cháy phục vụ cho thả khói ngụy  trang bảo vệ các mục tiêu trên miền Bắc.

Cùng với việc tập trung nghiên cứu phục vụ chiến trường, Binh chủng đã tiến  hành phân tích chất độc diệt cây. Phân tích, xét nghiệm và tổ chức khắc phục  những vụ nhiễm độc do máy bay địch phun rải ở Vĩnh Linh, Quảng Bình, Hòa  Bình... Nghiên cứu, sử dụng một số nguyên liệu sẵn có trong nước để phục vụ  cho sản xuất than hoạt tính, giấy lọc, cao su nhiệt đới hóa...đạt chất lượng tốt  không kém hàng nhập ngoại và hàng viện trợ. Kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ  thuật của Binh chủng không chỉ phục vụ nhiệm vụ chiến đấu trên chiến trường,  mà còn phục vụ tích cực nhiệm vụ xây dựng CNXH ở miền Bắc.

NHỮNG THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC  (1986-2015)

**Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ điều tra, thu gom, xử lý chất độc tồn lưu sau  chiến tranh, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của đất nước** Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, từ năm 1961 đến 1971, quân đội Mỹ đã  sử dụng khoảng 74 triệu lít các chất diệt cỏ, trong đó có khoảng 45 triệu lít chất  da cam (ước tính chứa hơn 170 kg dioxin - chất có độc tính cao nhất được biết  cho đến nay) và hơn 9.000 tấn chất độc CS cùng với đạn dược chứa chất độc CS;  làm 4,8 triệu người bị phơi nhiễm và môi trường sinh thái bị huỷ hoại. Hậu quả  chiến tranh do Mỹ gây ra cho nhân dân ta rất nặng nề. Binh chủng Hóa học được  giao nhiệm vụ điều tra, thu gom, xử lý chất độc hoá học tồn lưu sau chiến tranh,  đây là nhiệm vụ chiến đấu thời bình. Với tinh thần trách nhiệm, ý chí quyết tâm  cao, trình độ chuyên môn sâu, cán bộ, chiến sỹ hóa học không quản độc hại, nguy  hiểm, trực tiếp điều tra, thu gom, xử lý triệt để hàng trăm tấn tấn chất độc CS và  đạn dược chứa CS trên địa bàn thuộc các Quân khu 4, 5, 7, 9. Đặc biệt, năm 2005  đã xử lý xoá bỏ được điểm nóng về ô nhiễm chất độc CS tại Khu vực 8, phường  Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (Bình Định).

Binh chủng đã tự nghiên cứu, lựa chọn công nghệ xử lý triệt để dioxin trong đất  và trầm tích phù hợp điều kiện Việt Nam và được ứng dụng thành công trong xử  lý chất da cam/dioxin. Điển hình là: Chủ trì thực hiện chôn lấp, cô lập cách ly  được gần 100.000m3 đất nhiễm chất độc hoá học/dioxin trên diện tích 4,3ha tại  sân bay Biên Hoà (Dự án XĐ-1), ngăn cản phát tán dioxin ra môi trường xung  quanh, góp phần cải thiện môi trường, bảo vệ sức khoẻ cho bộ đội và nhân dân  trong khu vực. Từ năm 2014, Binh chủng tiếp tục được Bộ giao thực hiện dự án

XĐ-2 đào xúc, vận chuyển, chôn lấp, cô lập cách ly khoảng hơn 50.000m3 đất  nhiễm chất độc tại sân bay Biên Hoà (Đồng Nai). Chủ trì thực hiện dự án điều  tra, đánh giá mức độ ô nhiễm chất độc da cam/dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến  tranh ở Việt Nam tại 7 sân bay (Đà Nẵng, Phù Cát, Nha Trang, Tuy Hoà, Phan  Rang, Tân Sơn Nhất, Biên Hoà) và đề xuất các giải pháp xử lý; kết quả của dự án  này được Văn phòng Ban Chỉ đạo 33/Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật  trong Báo cáo tổng thể về tình hình ô nhiễm dioxin tại 3 “điểm nóng”: Sân bay  Biên Hoà, Đà Nẵng và Phù Cát vào tháng 11/2013.

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giám sát công nghệ dự án Xử lý môi trường ô  nhiễm dioxin tại sân bay Đà Nẵng, do Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ  (USAID) chủ trì thực hiện và Quân chủng Phòng không - Không quân làm chủ  đầu tư. Quá trình giám sát, đã kịp thời phát hiện các sự cố báo cáo chủ đầu tư và  thực hiện các biện pháp khắc phục.

Ngoài ra, còn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ: Tư vấn thiết kế kỹ thuật cho  công trình xử lý đất nhiễm chất độc dioxin tại sân bay Phù Cát (Bình Định). Tư  vấn xây dựng phương án chống lan tỏa tạm thời ô nhiễm chất độc da cam chứa  dioxin khu vực Tây Nam đường băng sân bay Biên Hòa. Chủ trì thẩm định các  công nghệ xử lý đất nhiễm dioxin do các đối tác nước ngoài đề xuất. Tham gia  các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về khắc phục môi trường ô nhiễm  chất độc hóa học da cam/dioxin.

Thành tích xuất sắc trong khắc phục hậu quả chất độc hoá học do Mỹ sử dụng  trong chiến tranh ở Việt Nam đã khẳng định vai trò, vị thế, uy tín của Binh chủng,  thực sự là lực lượng đi tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ khó khăn, phức tạp,  nguy hiểm, độc hại, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Đúng như  lời huấn thị của Nguyên Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cho Binh chủng: *“Ở đâu  có hơi độc, chất độc là các đồng chí đến và những nơi các đồng chí đã đến thì  môi trường phải được trở lại trong sạch, an toàn. Đây là nhiệm vụ chiến đấu của  các đồng chí trong thời bình... Các đồng chí đã, đang và sẽ mãi mãi góp phần  làm sáng ngời hình ảnh Bộ đội Cụ Hồ trong điều kiện mới”*.

**Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xử lý sự cố hoá chất độc-xạ, bảo vệ môi  trường, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đẩy mạnh sự nghiệp  CNH, HĐH đất nước**

Bộ đội Hoá học đã thực hiện xuất sắc vai trò tham mưu xây dựng chiến lược bảo  vệ môi trường trong quân đội; làm nòng cốt, tham gia ứng cứu và trực tiếp xử lý  nhiều sự cố hoá chất độc, xạ, bảo vệ môi trường. Trực tiếp xử lý ô nhiễm môi  trường do chôn lấp 350 tấn gia cầm bị dịch cúm H5N1 ở Hà Tây (cũ); xử lý ô  nhiễm môi trường do chôn lấp không đúng quy trình hàng trăm ngàn con lợn chết  do dịch tai xanh ở Thanh Hoá; xử lý ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật ở Hà Nội,  Lạng Sơn, Bắc Giang; tham gia cứu hộ, cứu nạn do ngạt khí độc tại xã Thái Học,  Nguyên Bình (Cao Bằng); xử lý sự cố hóa chất độc của tàu nước ngoài ở Cảng  Chùa Vẽ (Hải Phòng); xử lý sự cố nổ hoá chất tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện  Hải Phòng... Thiết kế, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, khí thải cho nhiều khu  công nghiệp và y tế trong và ngoài quân đội; các hệ thống xử lý nước cố định và

cơ động cho các đồn biên phòng, đơn vị quân đội đóng quân vùng sâu, vùng xa  và nhân dân vùng bị bão lụt…

Quan trắc, cảnh báo diễn biến tác động hoá học, phóng xạ trong không khí ở các  mục tiêu, địa bàn quan trọng, như: Quảng trường Ba Đình, Sân bay Nội Bài, khu  quân sự Sơn Tây-Hòa Lạc, các quân cảng, các công trình chiến đấu, các cơ sở  công nghiệp. Kiểm soát môi trường không khí 24/24 tại thành phố lớn.

Phân tích, kết luận các mẫu hoá chất, phóng xạ lạ ở Đồng Nai, Bình Định, Huế, Phú Yên, Hà Nội, Hoà Bình... góp phần ổn định dư luận và cuộc sống của nhân  dân, Điển hình là vụ thất thoát nguồn phóng xạ trong sản xuất công nghiệp tại  phường Bạch Đằng (Hà Nội) tháng 8/2006, cùng các lực lượng điều tra, thu hồi,  tẩy xạ trên 10 tấn vật liệu nghi nhiễm xạ và kiểm tra 255 người. Vụ ở Thừa Thiên  - Huế năm 2007, có 57 người bị phồng rộp, phải đưa cấp cứu, dẫn tới sự hoảng  loạn trên diện rộng, Binh chủng Hoá học đã phân tích, kết luận được nguyên nhân  gây hại và hướng dẫn địa phương quy trình xử lý, giúp địa phương ổn định tình  hình.

**Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị trọng tâm sẵn sàng chiến đấu, huấn  luyện, đào tạo, nâng cao sức mạnh chiến đấu của Binh chủng \* Hoàn thành xuất sắc chức năng tham mưu cho Quân uỷ Trung ương, Bộ  Quốc phòng về xây dựng, phát triển tiềm lực phòng hoá.** Nắm vững chức  năng, nhiệm vụ của một Binh chủng vừa chiến đấu, vừa bảo đảm, Binh chủng đã  chủ động, tích cực tham mưu, đề xuất với Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng  các giải pháp xây dựng và phát triển tiềm lực phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn  cân đối vững chắc trên các hướng, địa bàn chiến lược, sẵn sàng bảo đảm cho  LLVT đánh thắng chiến tranh trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao,  vũ khí huỷ diệt lớn cũng như trong các thách thức an ninh phi truyền thống (hoạt  động khủng bố, sự cố, thảm hoạ hoá chất, sinh học, phóng xạ, hạt nhân...). Chủ  động tham mưu, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan  đến lĩnh vực hoá học, phóng xạ trong thi hành các Luật: Quốc phòng, Dân quân  tự vệ, Bảo vệ môi trường, Hoá chất, Năng lượng nguyên tử... Hướng dẫn công  tác phòng hoá thực hiện Nghị định 117 của Chính phủ và Thông tư 10 của Bộ  Quốc phòng về Phòng thủ dân sự... Tham mưu xây dựng nội dung phòng chống  vũ khí huỷ diệt lớn vào chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh  cho các đối tượng.

Chủ động tham mưu xử lý tốt việc thực hiện các Công ước quốc tế về kiểm soát  và cấm phổ biến vũ khí hoá học, hạt nhân. Trực tiếp hướng dẫn, chuẩn bị nội  dung và tham gia phục vụ hoạt động thanh sát quốc tế tại các cơ sở hoá chất trên  các địa bàn, vừa đúng luật pháp quốc tế, vừa bảo đảm an ninh quốc gia.

***\* Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu.*** Binh chủng thường xuyên  quán triệt, giáo dục cho cán bộ chiến sỹ nhận thức sâu sắc nhiệm vụ, nêu cao tinh  thần cảnh giác, duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định,  thường xuyên luyện tập thành thạo các phương án tác chiến, không để bị động  bất ngờ, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mọi tình huống.  Tích cực chủ động nghiên cứu nắm chắc tình hình các mục tiêu đảm nhiệm, xây

dựng các phương án chiến đấu, các tình huống địch có thể sử dụng tác nhân, hoá  học, sinh học, phóng xạ và các sự cố hoá chất độc xạ có thể xảy ra để dự kiến các  biện pháp xử lý thích hợp, hiệu quả. Trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu của  toàn Binh chủng không ngừng được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ  bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn các mạng mới. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ  tham gia bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu khi diễn ra các sự kiện chính trị,  văn hoá quan trọng của Đảng, đất nước và quốc tế diễn ra ở Việt Nam.

Tổ chức hàng trăm cuộc diễn tập từ cấp Tiểu đoàn đến cấp Trung đoàn theo các  phương án sẵn sàng chiến đấu, tham gia nhiều cuộc diễn tập hiệp đồng quân, binh  chủng; phối hợp thực hiện nhiều cuộc diễn tập chống khủng bố, chống bạo loạn  lật đổ, diễn tập ứng phó sự cố hoá chất độc-xạ, cứu hộ, cứu nạn... bảo đảm an  toàn tuyệt đối về người và trang bị.

***\* Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu.*** Binh chủng luôn chỉ  đạo chặt chẽ công tác huấn luyện chiến đấu cho các đối tượng huấn luyện phòng  hoá chuyên môn, phòng hoá phổ thông và dân quân tự vệ... Trong tổ chức thực  hiện đã bám sát phương châm "Cơ bản, thiết thực, vững chắc", thực sự, thực tế.  Tích cực nghiên cứu, đổi mới hình thức, phương pháp huấn luyện, tăng cường  huấn luyện thực hành, huấn luyện chuyên sâu sử dụng thành thạo VKTBKT có  trong biên chế, làm chủ vũ khí trang bị, khí tài mới, hiện đại. Tập trung huấn  luyện chống khủng bố, xử lý chất độc tồn lưu sau chiến tranh, ứng cứu sự cố hoá  chất độc, phóng xạ, hạt nhân và khắc phục hậu quả môi trường, cứu hộ, cứu nạn...  theo các kịch bản, sát với các tình huống xảy ra trong thực tiễn. Hằng năm, Binh  chủng đều hoàn thành 100% các nội dung huấn luyện theo quy định, kết quả  100% đạt yêu cầu, có trên 85% khá giỏi. Các đơn vị hoá học toàn quân đều đạt  tiêu chuẩn huấn luyện chuyên môn Binh chủng giỏi.

Tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng về nội dung phòng hoá cho hàng nghìn  lượt cán bộ ở Trung ương và địa phương; huấn luyện phòng hoá cho hàng chục  nghìn lượt quân dự bị động viên; huấn luyện phòng hoá phổ thông cho sinh viên,  học sinh nhiều trường đại học, trường phổ thông. Ngoài ra còn giúp các cơ quan  chức năng Bộ Quốc phòng, Chính phủ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các cuộc  diễn tập cứu hộ, cứu nạn về hoá học, phóng xạ...

**\* Hoàn thành xuất sắc công tác đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ,  nhân viên chuyên môn đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn  cách mạng mới.** Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh Binh chủng thường xuyên lãnh đạo xây  dựng lực lượng nòng cốt về phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn cho quân đội và  quốc gia. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên  chuyên môn kỹ thuật hoá học. Chỉ đạo Trường Sỹ quan Phòng hoá, các Khoa, Bộ  môn hoá học của các Học viện, nhà trường trong quân đội chú trọng nâng cao  chất lượng huấn luyện đào tạo phòng hoá, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ  phòng hoá trong toàn quân. Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo tại chỗ với tại trường,  tích cực luân chuyển để rèn luyện toàn diện đội ngũ cán bộ; tuyển chọn, gửi cán  bộ, nhân viên chuyên môn đi đào tạo, bồi dưỡng tại các học viện, nhà trường  trong và ngoài Quân đội, đào tạo ở nước ngoài. Đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên

môn hoá học thường xuyên bảo đảm đủ về số lượng, chất lượng không ngừng  được nâng cao; tỷ lệ cán bộ đạt trình độ đại học tăng từ 42,82% (1997) lên 96,40%  (2015), trong đó sau đại học 17,2%; cán bộ, nhân viên ở cơ quan, đơn vị đều hoàn  thành tốt chức trách nhiệm vụ.

**Hoàn thành xuất sắc công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải  tiến kỹ thuật; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào huấn luyện, sẵn sàng  chiến đấu, bảo đảm trang bị, bảo đảm kỹ thuật phục vụ tốt nhiệm vụ xây  dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc**

Ngay sau khi đất nước thống nhất, Binh chủng Hoá học đã cử cán bộ tiếp quản lò  phản ứng hạt nhân Đà Lạt, phối hợp nghiên cứu, quản lý làm tiền đề cho phát  triển công nghiệp điện hạt nhân ngày nay.

Binh chủng luôn bám sát thực tiễn, yêu cầu đòi hỏi của nhiệm vụ huấn luyện, sẵn  sàng chiến đấu, xây dựng và phát triển tiềm lực phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn,  bảo vệ môi trường... Nghiên cứu hơn 170 đề tài, biên soạn hơn 330 tài liệu, giáo  trình, hơn 1000 mục từ điển Bộ đội Hoá học, trong đó 87 đề tài xuất sắc, được  ứng dụng trong thực tiễn huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xử lý chất độc hoá học  tồn lưu sau chiến tranh, bảo đảm trang bị thay thế nhập ngoại, đạt hiệu quả thiết  thực. Điển hình: Đề tài “Nghệ thuật sử dụng Bộ đội Hoá học trong chiến tranh  Bảo vệ Tổ quốc”; “Sử dụng Bộ đội Hoá học trong chống bạo loạn lật đổ”;  “Nghiên cứu tổ chức, hoạt động của lực lượng hóa học chống khủng bố”; “Tổ  chức bảo đảm Phòng hóa trong chiển tranh Bảo vệ Tổ quốc”. “Quy trình tổ chức  xử lý sự cố môi trường do hoá chất độc xạ gây nên”; “Nghiên cứu quy trình xử  lý chất độc CS tồn lưu sau chiến tranh”; “Nghiên cứu lựa chọn công nghệ khả thi  để xử lý đất nhiễm dioxin trong điều kiện Việt Nam”; “Nghiên cứu quy trình công  nghệ tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật quá hạn sử dụng”. Cụm công trình “Phương  tiện và công cụ hỗ trợ phòng chống bạo loạn” được Giải thưởng Nhà nước về  Khoa học Công nghệ năm 2005 và Xe thả khói KH-01 được giải Ba về sáng tạo  khoa học cấp Quốc gia năm 2009.

Trong nhiều năm qua, Binh chủng Hoá học đã nghiên cứu, ứng dụng hàng trăm  sáng kiến, giải pháp sáng tạo kỹ thuật vào sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị kỹ  thuật, mô hình học cụ phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xử lý  chất độc tồn lưu sau chiến tranh... Hầu hết các sáng kiến, giải pháp kỹ thuật đều

có giá trị thực tiễn cao, được nhân rộng phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng  chiến đấu và bảo đảm trang bị kỹ thuật cho toàn quân đạt hiệu quả cao, tiết kiệm  được hàng trăm tỷ đồng ngân sách.

Đầu tư, làm chủ công nghệ, sản xuất được nhiều loại trang bị hoá học mới bằng  vật liệu trong nước, thay thế hàng nhập ngoại trang bị cho toàn quân. Đã sản xuất  được hầu hết phụ tùng thay thế của các trang bị hoá học có trong biên chế không  phải nhập ngoại... góp phần nâng cao tiềm lực trang bị hoá học từ nguồn lực trong  nước và khẳng định vai trò, năng lực của Binh chủng Hoá học trong tham gia sản  xuất công nghiệp quốc phòng.

Thành tích nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật của Binh chủng đã  thực sự góp phần hiện đại hoá vũ khí, trang bị kỹ thuật hoá học phù hợp với đặc

điểm tự nhiên và nghệ thuật tác chiến của quân đội ta, thay thế nguồn nhập ngoại,  làm lợi về kinh tế hàng trăm tỷ đồng, đóng góp tích cực vào việc làm giàu tri thức  quân sự Việt Nam.

**Binh chủng luôn chấp hành nghiêm chủ trương chính sách của Đảng, pháp  luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội. Chủ động, tích cực xây dựng bản lĩnh chính  trị, tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền và các tổ chức quần chúng vững  mạnh. Chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội và làm tốt công  tác dân vận**

Binh chủng đã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục  chính trị, giữ vững định hướng tư tưởng. Tập trung quán triệt sâu sắc đường lối  quan điểm của Đảng, Pháp luật Nhà nước, nhiệm vụ của Quân đội, của Binh  chủng trong tình hình mới; đã thể hiện tốt phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, thực sự gắn  bó máu thịt với nhân dân, sẵn sàng hy sinh thầm lặng, chấp nhận thiệt thòi vì một  môi trường an toàn, trong sạch và cuộc sống yên bình của nhân dân. Thực hiện  có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với  thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) và Cuộc vận động “Phát huy truyền  thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”; cán bộ, chiến sĩ, QNCN,  CNVCQP luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh  đạo của Đảng, sự nghiệp đổi mới đất nước, trung thành với Chủ nghĩa Mác Lênin,  tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa  xã hội; sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ ở nơi gian khổ, khó  khăn, độc hại, nguy hiểm. Hàng nghìn lượt cán bộ, chiến sỹ hoá học tình nguyện  xung phong vào các phân đội chiến đấu phòng chống khủng bố, xử lý chất độc  tồn lưu sau chiến tranh, công tác ở Trường Sa và các địa bàn khó khăn với ý chí  quyết tâm cao, trách nhiệm tốt, không có biểu hiện thoái thác nhiệm vụ, ngại nguy  hiểm, gian khổ.

Các tổ chức Đảng, tổ chức chỉ huy, tổ chức quần chúng luôn được chăm lo kiện  toàn củng cố vững chắc. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức  Đảng không ngừng được nâng cao, khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ của chỉ  huy và các tổ chức quần chúng ngày càng tiến bộ, chất lượng Đảng viên, tổ chức  Đảng phân tích hàng năm có trên 95% tổ chức Đảng đạt TSVM, không có tổ chức  Đảng yếu kém, đảng viên hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ trung  bình hằng năm đạt trên 85%, thực sự là hạt nhân lãnh đạo, đoàn kết ở đơn vị cơ  sở; các tổ chức quần chúng có từ 87 đến 99% đạt vững mạnh.

Chủ động phối hợp với các địa phương tham gia có hiệu quả các phong trào, các  cuộc vận động lớn của Đảng và Nhà nước như phong trào “Xây dựng nông thôn  mới”, “Toàn quân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu vực dân cư”, “Đền ơn  đáp nghĩa”, “Xoá đói giảm nghèo”, “Hiến máu nhân đạo”... Đặc biệt, phát huy  kiến thức chuyên môn của mình, đã giúp đỡ nhân dân bảo vệ môi trường, phát  triển triển sản xuất, ổn định đời sống. Binh chủng đã tham gia tích cực vào việc  tuyên truyền, cung cấp tư liệu cho việc đấu tranh đòi công lý cho các nạn nhân da  cam/dioxin Việt Nam.

Từ thực tế đời sống sinh hoạt bộ đội còn nhiều khó khăn, Binh chủng đã kết hợp  đầu tư của trên với động viên sự nỗ lực cố gắng về công sức của bộ đội để xây  dựng củng cố đơn vị. Hệ thống doanh trại được đầu tư xây dựng cơ bản khang  trang, sạch đẹp, chính quy; trên 80% bếp ăn đơn vị có hệ thống nước nóng sử  dụng năng lượng mặt trời, 100% bộ đội các đơn vị phía Bắc được tắm nước nóng  mùa đông. Tổ chức có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua “Ngành  Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”, phong trào “Đơn vị quản lý tài chính  tốt”; phong trào “Chiến sỹ quân y làm theo lời Bác”, phong trào “Xây dựng doanh  trại chính quy, xanh, sạch, đẹp”. Các đơn vị đã khắc phục khó khăn, phát huy lợi  thế của mình làm dịch vụ khoa học kỹ thuật, tổ chức tốt phong trào tăng gia sản  xuất; trồng và chăm sóc hàng chục hec-ta cao su, cà phê, điều; liên tục phát triển  đàn gia súc, gia cầm, ao cá, thu hàng tỷ đồng đưa vào cải thiện đời sống bộ đội.  Đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ chiến sỹ trong Binh chủng ngày càng được  nâng cao, môi trường văn hoá tốt, không có tệ nạn xã hội, văn hoá phẩm xấu độc  xâm nhập vào đơn vị.

Những thành tích xuất sắc Binh chủng Hoá học đạt được trong thời kỳ đổi mới  có ý nghĩa chính trị, xã hội to lớn và sâu sắc, tiếp nối truyền thống vẻ vang **“Phòng  chống tốt, chiến đấu giỏi”**; khẳng định vị thế, vai trò của Bộ đội Hóa học trong  thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu,  nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

**gày 19-5-1966, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ký quyết định thành lập Trung  đoàn Công binh 28 trực thuộc Quân chủng PK-KQ (tiền thân của Lữ đoàn  Công binh 28 ngày nay) và vinh dự được mang tên “Đoàn Công binh 19-5”.  Trải qua 55 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, nhiệm vụ chính trị  của Đoàn luôn gắn liền với các công trình, các địa danh trên mọi miền của  đất nước, gắn liền với nhiệm vụ của Quân chủng PK-KQ. Trong suốt cuộc  kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, các công trình như: Sở chỉ huy  K12, Sân bay Khe Gát, trận địa nổi Hồ Tây và nhiều công trình sân bay, trận  địa trên các địa danh khác đã ghi vào lịch sử truyền thống của Đoàn như  những mốc son chói sáng.**

Sau ngày miền Nam giải phóng, thống nhất đất nước, cán bộ, chiến sĩ của Đoàn  lại âm thầm làm nhiệm vụ rà phá, tháo gỡ hàng vạn quả bom, mìn, vật nổ của  địch để lại; san lấp, khắc phục hàng trăm hố bom để bảo đảm cho nhiệm vụ huấn  luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của Quân chủng và trả lại sự yên bình cho  những vùng đất thân yêu của Tổ quốc.

Năm 1977, do yêu cầu phát triển của Quân đội, Quân chủng PK-KQ được tách ra  thành hai Quân chủng: Quân chủng Phòng không và Quân chủng Không quân,  Trung đoàn được biên chế về Quân chủng Không quân và giữ nguyên phiên hiệu  Trung đoàn Công binh 28; Tiểu đoàn 29 của Trung đoàn được tách ra, điều động  sang Quân chủng Phòng không làm nòng cốt để cùng các lực lượng khác xây  dựng nên Trung đoàn Công binh 220.

Trung đoàn Công binh 28 đã thực hiện nhiệm vụ thi công, sửa chữa, mở rộng  đường băng, sân đỗ trên hàng chục sân bay chiến đấu trên cả 3 miền; thi công,

sửa chữa, làm mới hàng chục nhà vòm, công sự che giấu máy bay. Trong đó điển  hình như: Đường hầm Sở chỉ huy và công sự máy bay Phan Rang, các công trình  trên ở sân bay Nội Bài, Vinh, Kép, Yên Bái, Kiến An, Cát Bi, Điện Biên, Nà Sản,  Thọ Xuân, Đà Nẵng, Phù Cát, Cam Ranh, Sân bay Trường Sa... Trung đoàn Công  binh 220 được thành lập mới với phiên hiệu của Trung đoàn Pháo cao xạ, thi công  xây dựng hàng chục trận địa tên lửa, ra đa, cao xạ; trong đó nổi bật là trận địa Sìn  Hồ, Bản Thì, Nà Quần - Lạng Sơn; trận địa ra đa Cô-li-a tại Nguyên Bình - Cao  Bằng và trận địa tên lửa trên đỉnh đèo Hải Vân - Đà Nẵng.

Năm 1999, do yêu cầu phát triển của Quân đội, Quân chủng Phòng không và  Quân chủng Không quân hợp nhất thành Quân chủng PK-KQ. Tháng 7-1999,  Trung đoàn Công binh 220 Phòng không và Trung đoàn Công binh 28 Không  quân, được hợp nhất thành Lữ đoàn Công binh 28. Những công trình, những địa  danh như: Trường Sa, Chiến khu D, Kiến An, Phan Rang, Cát Bi, Quảng Bình,  Đà Nẵng, Điện Biên, Sài Hồ, Gia Lâm, Nội Bài, Yên Bái, Kép, Biên Hòa, Hòa Bình, Tây Nguyên và rất nhiều địa danh khác đã in đậm dấu chân, thậm chí cả  máu xương của những người chiến sĩ công binh PK-KQ. Ngày 12-12-2000, Lữ  đoàn Công binh 28 được phong tặng danh hiệu cao quý “Đơn vị Anh hùng  LLVTND thời kỳ đổi mới”.

Phát huy truyền thống “Đoàn kết, hiệp đồng, dũng cảm, vượt khó, ra quân thắng  lợi” và danh hiệu đơn vị Anh hùng LLVTND; trong những năm qua, cán bộ, chiến  sĩ của Lữ đoàn đã phát huy sức mạnh, quyết tâm xây dựng đơn vị ngày một phát  triển đi lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao trong giai đoạn cách mạng  mới. Trình độ, năng lực tổ chức thi công ngày càng được củng cố phát triển toàn  diện, khẳng định vị trí, uy tín của Lữ đoàn, được cấp trên ghi nhận như: Công  trình hầm Sở chỉ huy SQ-02.1; SQ-02.2; SQ-02.3; HF-01P; HN-HF7, HS-01.1;  các công trình sân bay và các sở chỉ huy trên các sân bay, các công sự trận địa  trên khắp 3 miền Tổ quốc; dò tìm xử lý bom mìn, vật nổ làm sạch hàng trăm héc ta đất, tham gia xử lý chất độc Dioxin với Binh chủng Hóa học; làm đường tuần  tra biên giới và hàng chục công trình nội bộ. Tất cả các công trình do Lữ đoàn 28  xây dựng đều bảo đảm bí mật, an toàn, chất lượng và tiến độ, được Hội đồng  nghiệm thu và Ban quản lý công trình đánh giá cao.

Từ khi thành lập Lữ đoàn đến nay, có 13 năm Lữ đoàn 28 đạt danh hiệu “Đơn vị  quyết thắng”, Đảng bộ đạt TSVM. Có 5 năm được Bộ Tư lệnh Quân chủng tặng  Cờ thi đua “Đơn vị dẫn đầu khối các đơn vị bảo đảm chiến đấu”, năm 2005 được  Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương) tặng Cờ “Đảng bộ  TSVM tiêu biểu 5 năm (2001-2005)”, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân  chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba vào các năm 2006, 2011, Huân chương Bảo vệ  Tổ quốc hạng Nhì năm 2016; 3 năm (2005, 2009 và 2012) được Thủ tướng Chính  phủ tặng Bằng khen, Bộ Quốc phòng tặng Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc”...

Bước sang năm 2021, Lữ đoàn 28 được chọn là đơn vị xây dựng điểm VMTD  “mẫu mực, tiêu biểu” của Quân chủng; với các phong trào thi đua, các đợt thi đua  sôi nổi, cán bộ, chiến sĩ Lữ đoàn tiếp tục mở đường băng, xuyên núi, đào hầm  xây “áo giáp” bảo vệ Tổ quốc. Trong điều kiện cơ động phân tán, tính chất nhiệm

vụ khó khăn, nguy hiểm, nhiều nhiệm vụ đột xuất, khẩn trương; song cán bộ,  chiến sĩ Lữ đoàn 28 luôn kiên định, vững vàng, đoàn kết thống nhất, khắc phục  khó khăn, vượt qua gian khó nguy hiểm, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.  Cùng với nhiệm vụ thi công công trình, Lữ đoàn đã triển khai toàn diện các mặt  công tác sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện giỏi, kỷ luật nghiệm, xây dựng Đảng bộ  TSVM tiêu biểu, Lữ đoàn VMTD “mẫu mực, tiêu biểu” hoàn thành xuất sắc mọi  nhiệm vụ được giao, xứng đáng là đơn vị Anh hùng LLVTND thời kỳ đổi mới.

**- Đề 8**

Quân chủng Phòng không – Không quân Nhân dân Việt Nam là một trong ba  quân chủng của Quân đội nhân dân Việt Nam trực thuộc Bộ Quốc phòng, có  nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ không phận, mặt đất và biển đảo Việt Nam; cứu trợ,  tìm kiếm cứu nạn và các nhiệm vụ khác. Quân chủng Phòng không – Không quân  đảm nhiệm cả nhiệm vụ của bộ đội phòng không quốc gia và của không quân.  Đây là lực lượng nòng cốt quản lý, bảo vệ vùng trời, bảo vệ các mục tiêu trọng  điểm quốc gia, bảo vệ nhân dân đồng thời tham gia bảo vệ các vùng biển đảo của  Tổ quốc. Lực lượng Phòng không – Không quân có thể độc lập thực hiện nhiệm  vụ hoặc tham gia tác chiến trong đội hình quân binh chủng hợp thành. Quân chủng  làm tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo xây dựng lực lượng phòng không lục  quân và không quân thuộc các quân chủng, binh chủng, ngành khác. Lực lượng  không quân vận tải ngoài nhiệm vụ vận chuyển phục vụ chiến đấu và sẵn sàng  chiến đấu còn tham gia các hoạt động cứu trợ thiên tai và phát triển kinh tế[đb1]  .

Sự ra đời của đơn vị pháo phòng không đầu tiên

Cho đến tận năm 1950, dù phần nào có những lực lượng mạnh để thực hiện  tiến công chiến lược, các đơn vị của Quân đội nhân dân Việt Nam vẫn gần như  bất lực trước các hoạt động trinh sát hoặc tấn công từ trên không của người Pháp.  Ngày 9 tháng 3 năm 1949, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra quyết định thành  lập Ban Nghiên cứu Không quân thuộc Bộ Tổng Tham mưu để nghiên cứu các  phương pháp chống trả.

Chỉ đến khi sau Chiến dịch Biên giới thu đông 1950, Quân đội nhân dân  Việt Nam bắt đầu có được những viện trợ quý giá từ chính phủ Cộng hòa Nhân  dân Trung Hoa, trong đó có những khẩu đội súng phòng không 12,7 mm. Lực  lượng Không quân Pháp sau những bất ngờ đầu tiên, vẫn duy trì được ưu thế. Tuy  nhiên, không lâu sau, tháng 5 năm 1951, người Việt đã cho thành lập Đại đội 612,  đơn vị phòng không đầu tiên sử dụng 4 khẩu 37 mm. Ban Nghiên cứu Không  quân được giải thể và hầu hết cán bộ của Ban được chuyển thuộc vào đơn vị  phòng không đang được thành lập. Đến đầu năm 1953, họ đã có 8 tiểu đoàn phòng  không, với 500 súng máy phòng không 12,7mm và 4 pháo cao xạ 37 mm.

Ngày 1 tháng 4 năm 1953, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhân danh Tổng  Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã ký quyết định số 06/QĐ thành lập Trung  đoàn Pháo cao xạ 367[2]. Đây là Trung đoàn pháo Cao xạ chủ lực đầu tiên của  Quân đội nhân dân Việt Nam. Ban chỉ huy Trung đoàn đầu tiên gồm Lê Văn Tri  – Trung đoàn trưởng, Nguyễn Quang Bích – Trung đoàn phó, Đoàn Phụng – Chính ủy, Ngô Từ Vân – Phó chính ủy. Ngày 1 tháng 4 cũng trở thành ngày truyền  thống của lực lượng Phòng không Việt Nam.

Sau 8 tháng huấn luyện tại Trung Quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1953, toàn  bộ đội hình Trung đoàn cùng khí tài đã về nước và tập kết ở tây bắc thị xã Tuyên  Quang. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung đoàn 367 trong đội hình Đại  đoàn Công Pháo 351 đã góp phần không nhỏ vào việc hạn chế sự tấn công từ trên  không cũng như việc tiếp tế, chuyển quân của người Pháp.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại đoàn Công pháo 351 được giải thể.  Bộ Tổng tư lệnh ra Nghị định số 34/NĐA nâng cấp Trung đoàn Phòng không 367  lên thành Đại đoàn pháo cao xạ hỗn hợp 367 trực thuộc Bộ chỉ huy Pháo binh vào  ngày 21 tháng 9 năm 1954. Kiện làm Đại đoàn trưởng, Đoàn Phụng làm Chính  trị ủy, Lê Văn Tri làm Phó tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng. Đại đoàn được biên  chế các cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp và ba trung đoàn 681, 685, 689,  trang bị pháo 88mm và 40mm. Theo quyết định của Bộ Tổng tham mưu, để giữ  bí mật lực lượng, các trung đoàn 681, 685, 689 được gọi là các tiểu đoàn 12. Sau  khi được tổ chức và huấn luyện ở Vai Cầy, Thái Nguyên, đêm ngày 16 tháng 12  năm 1955, Đại đoàn 367 hành quân về tiếp quản Hà Nội.

Bên cạnh đó, ngày 3 tháng 3 năm 1955, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số  15/QĐA thành lập Ban nghiên cứu Sân bay trực thuộc Tổng Tham mưu trưởng.  Ông Trần Quý Hai, Đại đoàn trưởng Đại đoàn 325, được cử làm Trưởng ban.  Ngày này về sau được lấy làm ngày thành lập Không quân Nhân dân Việt Nam.  Một năm sau đó, liên tục các đoàn cán bộ, chiến sĩ thuộc Ban nghiên cứu sân bay  được cử đi nước ngoài học tập. Ngày 26 tháng 1 năm 1956, Việt Nam tiếp nhận  5 máy bay đầu tiên do Trung Quốc viện trợ gồm 2 Li-2 và 3 Aero 45. Ngày 24  tháng 2 năm 1956, 2 đoàn học viên lái máy bay gồm Đoàn học máy bay tiêm kích  MiG-17, gồm 50 học viên, do Phạm Dưng làm Đoàn trưởng và Đoàn học máy  bay ném bom Tu-2, gồm 30 học viên, do Đào Đình Luyện làm Đoàn trưởng, học  tại Trường Không quân số 2 ở Trường Xuân, Trung Quốc[4]. Trong Đoàn học  Tu-2 có sáu học viên dẫn đường trên không (chuyên dẫn đường trên các loại máy  bay và trực thăng) đầu tiên là: Đinh Huy Cận, Lê Thế Hưng, Nguyễn Văn Kính,  Lê Liên, Lương Nhật Nguyễn và Nguyễn Cảnh Phiên.

Ngày 21 tháng 3 năm 1958, Trung đoàn ra đa cảnh giới đầu tiên của Quân  đội nhân dân Việt Nam được thành lập với tên gọi Trung đoàn đối không cần vụ  260[5]. Cùng ngày hôm đó, Bộ Quốc phòng cũng ra Nghị định 047/NĐ thành lập  Bộ Tư lệnh Phòng không trên cơ sở của Sư đoàn Phòng không 367 và Trung đoàn  đối không cần vụ. Trong những năm sau đó, các trung đoàn pháo phòng không  được thành lập, trang bị các loại pháo 57 mm và 100 mm. Bên cạnh đó, hàng trăm  cán bộ, chiến sĩ được đi học sử dụng vũ khí tên lửa phòng không tại các trung  tâm huấn luyện quân sự của Liên Xô ở Leningrad, Kiev, Odessa, Minsk... để  chuẩn bị cho việc hình thành các đơn vị tên lửa phòng không sau này.

Ngày 24 tháng 1 năm 1959, Bộ Quốc phòng ra nghị định thành lập Cục  Không quân trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu trên cơ sở hợp nhất các tổ chức và  lực lượng của Ban Nghiên cứu sân bay và Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.  Đại tá Đặng Tính được bổ nhiệm làm Cục trưởng, Thượng tá Hoàng Thế Thiện  làm Chính ủy, Trung tá Hoàng Ngọc Diêu làm Tham mưu trưởng.

Sau một năm huấn luyện, ngày 1 tháng 3 năm 1959, Trung đoàn đối không  cần vụ 260 bắt đầu phát sóng. Ngày này về sau được lấy làm ngày truyền thống  của Bộ đội Ra-da.

Ngày 22 tháng 4 năm 1959, Cục Không quân ra quyết định thành lập Đại  đội bay gồm: Ban chỉ huy đại đội, 3 Chủ nhiệm Dẫn đường, Thông tin và Máy  (kỹ thuật hàng không); 1 trung đội bay Il-14, 1 trung đội bay Li-2, 1 trung đội bay  An-2 và 1 trung đội máy gồm tất cả nhân viên kỹ thuật trên không (cơ giới) và  mặt đất của các loại máy bay.

Ngày 1 tháng 5 năm 1959, Trung đoàn không quân vận tải đầu tiên, Trung  đoàn 919, được thành lập. Đến ngày 20 tháng 8, Trung đoàn Huấn luyện không  quân 910 cũng được thành lập.[6]

Ngày 1 tháng 5 năm 1960, 6 sĩ quan[7] và một chiến sĩ Lê Thành Chơn  được triệu tập về Trường Văn hóa quân đội ở Lạng Sơn để ôn văn hóa và học  tiếng Trung Quốc, chuẩn bị để đào tạo sĩ quan dẫn đường (hoa tiêu) trong lực  lượng không quân. Cuối năm 1961, toàn bộ các học viên dẫn đường tốt nghiệp  và về nước.

Ngày 30 tháng 5 năm 1963, Trung đoàn không quân tiêm kích 921, mật  danh là Đoàn Sao Đỏ, được thành lập tại Trung Quốc, do Trung tá Đào Đình  Luyện làm Trung đoàn trưởng, Thiếu tá Đỗ Long làm Chính ủy, Thiếu tá Trần  Mạnh làm Trung đoàn phó, Thiếu tá Trần Văn Thọ làm Tham mưu trưởng.[8]

Ngày 10 tháng 7 năm 1963, một đơn vị đặc biệt mang phiên hiệu Trung  đoàn 228B (trùng tên với trung đoàn cao xạ 228 để giữ bí mật) được thành lập.  Về thực chất đây là đơn vị các cán bộ nòng cốt để xây dựng Trung đoàn tên lửa  phòng không đầu tiên.

Thành lập Quân chủng

Quân chủng Phòng không – Không quân Việt Nam được thành lập ngày  22 tháng 10 năm 1963 trên cơ sở sáp nhập Bộ Tư lệnh Phòng không và Cục  Không quân.

Ngày 7 tháng 1 năm 1965, Bộ Quốc phòng ra quyết định số 03/QĐ-QP  thành lập Trung đoàn cao xạ 236 ("Đoàn Sông Đà"). Thực chất, đây là trung đoàn  tên lửa phòng không đầu tiên thuộc Bộ tư lệnh Phòng không – Không quân. Các  cán bộ của trung đoàn đều từ đoàn 228B chuyển sang.

Ngày 6 tháng 8 năm 1964, trung đoàn tiêm kích 921 trở về nước. sau 1 năm  huấn luyện, ngày 3 tháng 4 năm 1965, trung đoàn xuất kích đánh thắng trận đầu,  bắn rơi 2 máy bay F-8 của Hải quân Mỹ. Ngày hôm sau, tiếp tục bắn hạ thêm 2  máy bay F-105 của Không quân Mỹ.

Ngày 22 tháng 4 năm 1965, lập Trung đoàn tên lửa 238 ("Đoàn Hạ Long")  được thành lập. Ngày 19 tháng 5 năm 1965, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không  Hà Nội (từ tháng 3 năm 1967 đổi là Sư đoàn phòng không 361) và Bộ Tư lệnh  Phòng không Hải Phòng (từ tháng 3 năm 1967 đổi là Sư đoàn phòng không 363).

Ngày 20 tháng 7 năm 1965, thành lập Trung đoàn thông tin 26.

Ngày 4 tháng 8 năm 1965, Trung đoàn không quân tiêm kích thứ 2 là Trung  đoàn 923, mật danh Đoàn Yên Thế, được thành lập, gồm 2 đại đội 17 phi công  MiG-17, do Trung tá Nguyễn Phúc Trạch làm Trung đoàn trưởng, Trung tá  Nguyễn Ngọc Phiếu làm Chính ủy. Không quân Việt Nam được trang bị thêm  một số máy bay MiG-17F có bộ phận tăng lực.

Ngày 13 tháng 11 năm 1965, thành lập Trung đoàn tên lửa 257 ("Đoàn Cờ  Đỏ"). Nay thuộc Sư đoàn phòng không 361.

Ngày 20 tháng 4 năm 1966, thành lập Trung đoàn ra đa 293, thuộc sư đoàn  phòng không 361.

Ngày 19 tháng 5 năm 1966, thành lập Trung đoàn công binh 28, do Nguyễn  Phú Cầu làm Trung đoàn trưởng.

Ngày 30 tháng 5 năm 1966, thành lập 3 trung đoàn tên lửa phòng không  261 ("Đoàn Thành Loa"), 263, 267, thuộc Bộ Tư lệnh Quân chủng. Nay thuộc Sư  đoàn phòng không 367.

Ngày 15 tháng 6 năm 1966, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Quân khu  4.

Ngày 21 tháng 6 năm 1966, thành lập Sư đoàn phòng không 367. Tiền thân  là trung đoàn pháo cao xạ 367, thành lập ngày 1 tháng 4 năm 1953, chuyển thành  Đại đoàn pháo cao xạ 367 ngày 21 tháng 9 năm 1954, trước đây thuộc Bộ Tư lệnh  Pháo binh, sau này tách ra đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Phòng không  (1958).

Ngày 23 tháng 6 năm 1966, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Hà Bắc,  đến 16 tháng 3 năm 1967 đổi tên thành Sư đoàn phòng không 365. Ngày 23 tháng 3 năm 1967, thành lập các Binh chủng Ra-đa, Tên lửa Phòng  không và Không quân.

Ngày 24 tháng 3 năm 1967, Sư đoàn không quân Thăng Long (phiên hiệu  là Sư đoàn 371) tức Bộ tư lệnh không quân được thành lập, gồm các trung đoàn  921, 923, 919 và đoàn bay Z. Đây là Sư đoàn Không quân đầu tiên của Quân đội  nhân dân Việt Nam.

Tháng 1 năm 1968, thành lập Sư đoàn phòng không 375 thuộc Bộ Tư lệnh  Quân khu 4.

· Ngày 27 tháng 5 năm 1968, thành lập Sư đoàn phòng không 377. · Tháng 3 năm 1972, thành lập Trung đoàn không quân thứ 3, Trung đoàn 927  ("Đoàn Lam Sơn").

· Ngày 29 tháng 3 năm 1973, thành lập Sư đoàn phòng không 673 tại Bình – Trị  – Thiên

{phần 2}

Quân chủng Hải quân của Quân đội Nhân dân Việt Nam còn gọi là Hải quân  Nhân dân Việt Nam, là một quân chủng thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam. Hải  quân nhân dân Việt Nam có 6 binh chủng: Tàu mặt nước, Hải quân đánh bộ, Tên  lửa-Pháo bờ biển, Không quân Hải quân, Tàu ngầm, Đặc công Hải quân nhưng  không tổ chức bộ tư lệnh riêng. Bao gồm các cấp đơn vị: hải đội, hải đoàn, binh

đoàn Hải quân đánh bộ, binh đoàn tàu mặt nước, binh đoàn tàu ngầm, binh đoàn  không quân, tên lửa bờ và các binh đoàn bộ đội chuyên môn, các đơn vị bảo đảm  phục vụ ra đa, thông tin, kỹ thuật, hậu cần....

Ngay sau khi Cách mạng tháng 8 thành công, chính quyền Việt Minh tại nhiều  tỉnh ven biển đã tổ chức các đội dân quân bảo vệ bờ biển. Nhiều chi đội Vệ quốc  quân được điều về chốt giữ trên những địa bàn xung yếu. Các đơn vị sự này, tùy  theo địa phương, mang tên gọi "Thủy quân" hoặc "Hải quân", với biên chế không  đồng đều, trang bị cũng không thống nhất, đều chịu sự chỉ huy trực tiếp của các  chỉ huy quân sự địa phương. Như tại Đà Nẵng, có tổ chức thủy quân miền Nam  Trung Bộ, lực lượng gồm khoảng 400 người. Tại Hải Phòng, Bộ Tư lệnh khu  Duyên Hải tổ chức Ủy ban Hải quân Việt Nam, với lực lượng chiến đấu được tổ  chức thành Đại đội Ký Con với quân số gần 200 người, phương tiện hoạt động  gồm một tàu nhỏ mang tên Bạch Đằng và 3 ca nô có nhiệm vụ hoạt động ở cửa  biển Hải Phòng và vùng ven biển Đông Bắc.[1] Từ đầu tháng 9 năm 1945 đến  giữa tháng 5 năm 1946, các đơn vị thủy quân địa phương này tổ chức đánh nhiều  trận gây thiệt hại cho quân Pháp trong quá trình tìm cách tái chiếm Đông Dương.  Nhiều đơn vị đã hoạt động cho đến Chiến tranh Đông Dương kết thúc.

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, ngày 22 tháng 5 năm  1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 71/SL về Quân đội Quốc gia Việt  Nam, chính thức thống nhất và chính quy hóa lực lượng quân sự quốc gia. Đến  ngày 19 tháng 7 năm 1946, Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa  Huỳnh Thúc Kháng ra Quyết định số 125/QĐ thành lập trong Quân đội Quốc gia  Việt Nam ngành Hải quân Việt Nam, đặt dưới quyền Bộ Quốc phòng về phương  diện quản trị và Quân sự Ủy viên hội về phương diện điều khiển. Ngày 10 tháng  9 năm 1946, Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội Võ Nguyên Giáp ra Nghị định số  103/NĐ thành lập "Cơ quan Hải quân" (sau gọi là Hải đoàn bộ), do một Hải đoàn  trưởng điều khiển trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu. Nhiệm vụ của Hải đoàn bộ là  tổ chức thủy đội tuần liễu và phỏng thủ duyên hải, tập trung các nhân viên, bộ đội  thủy quân đã có trong Quân đội Quốc gia Việt Nam và tuyển lựa cựu thủy binh  để thành lập ngay một tổ chức Hải quân. Tuy nhiên, do tình hình chiến sự lúc đó,  các quyết định trên đều chưa có điều kiện thực hiện.[1] Đến đầu năm 1947, xét  thấy không thể duy trì lực lượng hải quân, Bộ Tổng Chỉ huy Quân đội Quốc gia  Việt Nam đã quyết định cho tháo gỡ máy móc, vũ khí, thiết bị và đánh đắm tàu  để không lọt vào tay quân Pháp.

Ngày 8 tháng 3 năm 1949, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội quốc gia và Dân quân Việt  Nam ra Nghị định số 604/QĐ, do Đại tướng Võ Nguyên Giáp ký, thành lập Ban  Nghiên cứu Thủy quân thuộc Bộ Tổng tham mưu. Ông Nguyễn Văn Khương  được cử làm Trưởng ban, ông Nguyễn Việt làm Chính trị viên và ông Trần Đình  Vọng làm Phó ban. Cơ quan Ban Nghiên cứu Thủy quân đóng tại phố Giàn, bên  bờ sông Chảy thuộc huyện Đoan Hùng tỉnh Phú Thọ.[1]

Ban Nghiên cứu Thủy quân có 3 ban chuyên môn là: Hàng hải, Thông tin hàng  hải, Điện cơ máy nổ và các bộ phận hành chính, quân sự, hậu cần. Nhiệm vụ của  Ban Nghiên cứu Thủy quân là nghiên cứu phương án xây dựng và chiến đấu của  lực lượng thủy quân, phù hợp với thực tiễn hiện tại (kháng chiến chống Pháp) và  trong tương lai; tập hợp đội ngũ cán bộ, công nhân viên hải quân cũ (từng phục  vụ trong chính quyền thuộc địa), tạo điều kiện xây dựng cơ sở ban đầu; tuyển mộ,  huấn luyện đào tạo một đội ngũ thủy quân cách mạng, trẻ, có trình độ khoa học  kỹ thuật hàng hải. Trước đó, khi nghe báo cáo và đề nghị thành lập Ban Nghiên  cứu Thủy quân và mở lớp thủy quân của Bộ Tổng Tham mưu, Chủ tịch Hồ Chí  Minh đã chỉ thị nhiệm vụ đầu tiên của Ban Nghiên cứu Thủy quân là huấn luyện  xây dựng một đội du kích có khả năng hoạt động trên sông, rồi từ sông mới tiến  ra biển khi có điều kiện.[2]

Tháng 2 năm 1950, khóa học thủy quân đầu tiên được khai giảng, gồm 180 học  viên được tuyển chọn từ các đơn vị bộ binh, dân quân du kích vùng ven biển  Đông Bắc, một số là học sinh các trường trung học ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Phú  Thọ, Vĩnh Yên, tổ chức thành một tiểu đoàn huấn luyện, do ông Trần Lưu Thông  làm Tiểu đoàn trưởng. Đội ngũ giáo viên khoảng 10 người, đều là các nhân sự  từng là thủy binh trong Hải quân Pháp hoặc trong ngành hàng hải Pháp. Cả Ban  Nghiên cứu Thủy quân và tiểu đoàn huấn luyện mang phiên hiệu chung là Đội  sản xuất 71.[1]

Chương trình huấn luyện thủy quân bấy giờ gồm quân sự, chính trị, chuyên môn,  trong đó tập trung huấn luyện một số nội dung kỹ thuật, chiến thuật của bộ binh  chiến đấu trong môi trường sông biển như bắn súng trên tàu thuyền, trên ca nô,  tập bơi, lặn, tập chèo thuyền, chèo xuồng, tập động tác đổ bộ (từ bờ lên thuyền  và từ thuyền nhảy xuống tiếp cận bờ triển khai đội hình chiến đấu), tập sử dụng  hải đồ, xác định vị trí tàu trên biển bằng phương pháp quan sát, đo đạc các mục  tiêu địa văn và theo kinh nghiệm của nhân dân (nhìn trăng, sao, xem thủy triều,  hướng gió…), học cách sử dụng các phương tiện thông tin đơn giản (cờ,  đèn…).[1] Trong điều kiện chiến tranh, các học cụ đều rất thô sơ và ít có điều  kiện thực hành.

Khoảng vào tháng 5 năm 1950, Bộ Tổng Tham mưu ra chỉ thị chọn khoảng 100  học viên của Ban Nghiên cứu Thủy quân, đưa sang đảo Nào Cháu (Điều Thuận),  một hòn đảo nằm ở phía đông bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc), bấy giờ dưới  quyền quản lý chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, đồng minh thân cận với  chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, để học tập nâng cao trình độ. Bộ phận  khung ở lại, chiêu sinh khoảng 100 học viên để đào tạo thủy quân khóa 2. Ngày  10 tháng 8 năm 1950, Đội Thủy binh 71 được thành lập dưới sự chỉ đạo của Ban  Nghiên cứu Thủy quân, đóng quân tại làng Cò, gần phố Giàn, huyện Đoan Hùng  (Phú Thọ).

Đến giữa tháng 4 năm 1951, khi khóa II vừa kết thúc được ít ngày, và các học  viên học ở Trung Quốc trở về, do yêu cầu góp phần duy trì chiến tranh du kích ở  vùng Đông Bắc và châu thổ duyên hải Bắc Bộ, Bộ Quốc phòng quyết định giải  thể Ban Nghiên cứu Thủy quân và Đội Thủy binh 71.[2] Phần lớn học viên khóa  I và một số học viên khóa II được chuyển ra các vùng Hòn Gai, Hải Ninh, Quảng  Yên, góp phần đẩy mạnh chiến tranh du kích ở các địa bàn ven biển. Một bộ phận  học viên chuyển về Đại đoàn Công pháo 351 và các đại đoàn bộ binh đang trong  quá trình xây dựng. Bộ phận lực lượng còn lại về nhận công tác ở các liên khu,  Bộ Tổng tư lệnh, hoặc đi học ở Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn.[1]

Hình thành lực lượng Hải quân

Sau thắng lợi quyết định tại trận Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève, 1954 được  ký kết, để chuẩn bị cho việc tiếp quản miền Bắc Việt Nam, đầu tháng 8 năm 1954,  Bộ Quốc phòng đã điều động 7 nhân sự trước đây từng ở Ban Nghiên cứu Thủy  quân và Đội Thủy binh 71 về Cục tác chiến để thành lập bộ phận nghiên cứu lực  lượng bảo vệ vùng biển. Tháng 1 năm 1955, thêm 4 cán bộ được bổ sung. Ông  Nguyễn Bá Phát, nguyên Tham mưu trưởng Liên khu 5, Phó sư đoàn trưởng Sư  đoàn 308 được giao nhiệm vụ trực tiếp phụ trách bộ phận này. Bộ phận được giao  3 nhiệm vụ chính: Thăm dò cơ sở để tổ chức lực lượng tự sản xuất phương tiện  tàu, thuyền; Nghiên cứu địa hình và tình hình trên vùng ven biển miền Bắc để xác  định kế hoạch bố trí lực lượng bảo vệ bờ biển; Xây dựng đề án tổ chức, xây dựng  lực lượng phòng thủ bờ biển.[1]

Sau khi kiểm soát hoàn toàn miền Bắc Việt Nam, ngày 26 tháng 4 năm 1955, Bộ  Quốc phòng đã thành lập Trường Huấn luyện bờ biển để đào tạo nhân sự cho việc  quản lý trên 800 km dải bờ biển miền Bắc từ Móng Cái đến vĩ tuyến 17 (Quảng  Trị). Chưa đầy 2 tuần sau, ngày 7 tháng 5 năm 1955, Bộ Quốc phòng - Tổng tư  lệnh ra Nghị định số 284/NĐ-A thành lập Cục Phòng thủ bờ biển. Nhiệm vụ của  Cục là giúp Bộ Tổng tư lệnh chỉ đạo bộ đội phòng thủ bờ biển; đào tạo cán bộ,  nhân viên, thủy thủ; sản xuất các dụng cụ, phương tiện về thủy quân; xây dựng  các thủy đội phòng thủ bờ biển rồi chuyển giao cho các liên khu (sau này là quân  khu). Ông Nguyễn Bá Phát được cử làm phụ trách Cục. Về sau, ngày 7 tháng 5  được chọn làm ngày thành lập của Hải quân nhân dân Việt Nam.[1]

Sau khi thành lập, Cục Phòng thủ bờ biển quyết định tự đóng 20 tàu gỗ 20 tấn lắp  máy ô tô làm phương tiện hoạt động, bên cạnh 36 thuyền buồm và lực lượng gồm  6 tiểu đoàn, xây dựng thành lực lượng tuần duyên. Ngày 24 tháng 8 năm 1955,  Bộ Quốc phòng đã thành lập hai thủy đội Sông Lô và Bạch Đằng. Đây được xem  là những đơn vị chiến đấu chính quy đầu tiên của Hải quân nhân dân Việt Nam.[2]

Ngày 24 tháng 1 năm 1959, Cục Phòng thủ bờ biển chuyển đổi thành Cục Hải  quân trực thuộc Bộ Quốc phòng [3]. Tổ chức biên chế của Cục Hải quân gồm 5  phòng (Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, công trình và Đo đạc biển); 5 đơn vị trực

thuộc: Trường Huấn luyện bờ biển (đổi thành Trường Huấn luyện hải quân),  Đoàn 130, Đoàn 135, tiểu đoàn công binh 145 và Xưởng 46. Ngày 20 tháng 4  năm 1959, thành lập Đảng bộ Cục Hải quân[4] trực thuộc và đặt dưới sự lãnh đạo  trực tiếp của Tổng Quân ủy.

Các đơn vị chiến đấu lần lượt cũng được thành lập như ngày 18 tháng 5 năm  1959, thành lập Đoàn 135 (sau này đổi thành 140), đơn vị tàu tuần tiễu; ngày 3  tháng 8 năm 1961, thành lập căn cứ Hải quân I và căn cứ Hải quân II[5] {phần 3}

Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, còn gọi là Cảnh sát biển Việt Nam (tiếng  Anh: Vietnam Coast Guard hay viết tắt là VCG - được quy định theo Điều 4,  Nghị định 96/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2013)[1], một số tài liệu còn  viết là Tuần duyên Việt Nam, là lực lượng quân sự chuyên trách thuộc Chính phủ  CHXHCN Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và  bảo đảm việc chấp hành pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam  và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển  và thềm lục địa của Việt Nam.

Theo các văn bản pháp luật hiện hành tại Việt Nam, Cảnh sát biển Việt Nam là  lực lượng vũ trang nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam,  sự thống lĩnh của Chủ tịch nước Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Chính phủ.  Cảnh sát biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp lệnh  Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam ngày 5 tháng 2 năm 2008 của Ủy ban Thường  vụ Quốc hội. Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động của lực  lượng Cảnh sát biển Việt Nam

rước năm 1998, chính quyền Việt Nam không có một cơ quan Cảnh sát biển  chuyên dụng nào mà chỉ có lực lượng hải quân tuần tra ngoài khơi cùng các hoạt  động quân sự khác. Ngoài ra là các đội tàu tuần tra thuộc Bộ Tư lệnh Biên phòng,  trong đó có các trạm kiểm soát ở cửa sông, cảng biển. Còn lại, tất cả trách nhiệm  tuần tra sông thuộc về Cảnh sát Giao thông đường thủy (Cục Cảnh sát giao thông  đường thủy - C68) dưới sự chỉ đạo của Công an các tỉnh và thành phố.

Ngày 28 tháng 8 năm 1998, Cục cảnh sát biển Việt Nam thuộc Bộ tư lệnh Hải  quân được thành lập, đánh dấu sự ra đời của Cảnh sát biển Việt Nam. Lúc mới  thành lập thì Cục cảnh sát biển chỉ là một Cục chức năng và không chỉ huy các  Vùng cảnh sát biển được thành lập sau đó.

Năm 2008, Cục Cảnh sát biển được chuyển về trực thuộc Bộ Quốc phòng và đồng  thời các Vùng cảnh sát biển được chuyển về trực thuộc Cục.

Năm 2013, Cục cảnh sát biển đổi tên thành Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển theo Nghị  định số 96/2013/NĐ-CP, ngày 27 tháng 08 năm 2013 của Chính phủ. Có con dấu  hình quốc huy, là cơ quan mang danh nghĩa trực thuộc Chính phủ Việt Nam. Cảnh  sát biển Việt Nam có ngân sách riêng của Nhà nước, có cảnh hiệu, cảnh phục

riêng do Chính phủ quy định. Ngày 10 tháng 9 năm 2014, các Vùng cảnh sát biển  được đổi tên thành Bộ tư lệnh Vùng cảnh sát biển theo quyết định của Bộ trưởng  Quốc phòng.

Hiện nay, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của lực lượng Cảnh sát biển  Việt Nam được quy định tại pháp lệnh số 03/2008/PL-UBTVQH12 của Ủy ban  Thường vụ Quốc hội gọi là Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam [3].

Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trong vùng biển quốc tế, vùng nước nội  thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa  của Việt Nam, có nhiệm vụ chính như kiểm tra, kiểm soát theo quy định của pháp  luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hoà xã hội chủ  nghĩa Việt Nam là thành viên để bảo vệ chủ quyền; giữ gìn an ninh, trật tự, an  toàn; bảo vệ tài nguyên, phòng chống ô nhiễm môi trường; phát hiện, ngăn chặn,  đấu tranh chống các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép và mua bán người,  vận chuyển, mua bán trái phép hàng hoá, vũ khí, chất nổ, chất ma tuý, tiền chất  và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Cùng với đó là nhiệm vụ hợp tác quốc tế  trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp  luật và điều ước quốc tế góp phần giữ gìn an ninh, trật tự, hoà bình và ổn định  trên các vùng biển.[4]

Các vấn đề Cảnh sát biển có nhiệm vụ giải quyết bao gồm:

Tuần tra, kiểm soát tất cả người, phương tiện hoạt động trên các vùng biển  Việt Nam để bảo vệ chủ quyền, giữ gìn an ninh, trật tự trên biển; Xử lý vi phạm hành chính trên vùng biển Việt Nam;

Bắt giữ, tiến hành một số hoạt động điều tra các hành vi phạm tội trên vùng  biển Việt Nam và toàn bộ vịnh Thái Lan: Buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái  phép qua biên giới, tội phạm về ma túy, môi trường, cướp biển... Bảo vệ môi trường biển;

Bảo vệ tài nguyên sống của biển;

Bảo vệ vận tải biển;

Hỗ trợ hàng hải;

Tìm kiếm cứu nạn (SAR);

Hợp tác quốc tế với các quốc gia để bảo vệ an ninh vùng biển; Quyền hạn

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Cảnh sát biển Việt Nam có các quyền hạn  theo quy định của pháp luật và có các quyền hạn cơ bản sau:

Kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện hoạt động trong vùng biển Việt  Nam.

Sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và  thực hiện quyền nổ súng.

Xử lý vi phạm hành chính và tiến hành hoạt động điều tra hình sự.

Thực hiện trưng dụng tài sản của tổ chức, công dân Việt Nam. Truy đuổi người, phương tiện vi phạm pháp luật trên biển.

Huy động người, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật dân sự của cá nhân,  tổ chức Việt Nam.

Yêu cầu tổ chức, cá nhân và phương tiện nước ngoài hoạt động trong vùng  biển Việt Nam hỗ trợ, giúp đỡ.

Bắt giữ tàu thuyền vi phạm pháp luật.

Sử dụng các biện pháp nghiệp vụ và thực hiện các quyền hạn khác được  quy định tại Điều 24 Luật An ninh quốc gia năm 2004. Tư lệnh Cảnh sát biển  quyết định việc sử dụng các quyền hạn theo quy định tại Điều này theo thủ tục,  thẩm quyền do Chính phủ quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết  định của mình.

Phạm vi hoạt động

1. Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trong vùng biển Việt Nam và vùng biển  Đông Nam Á.

2. Trong trường hợp vì mục đích nhân đạo, hòa bình, phòng chống tội phạm, vi  phạm pháp luật trên biển, Cảnh sát biển Việt Nam được hoạt động ở địa bàn liên  quan, trên vùng biển nước ngoài, vùng biển quốc tế, nhưng phải tuân thủ pháp  luật Việt Nam, thỏa thuận song phương, điều ước và pháp luật quốc tế mà nước  Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.